



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Email: baivochanhphap@gmail.com

Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Siêu**

Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thí hữu tân đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **Huệ Đan**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thế hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chi còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thí hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Điều Âm lược dịch), trang 3
- CUNG TÁN HÀNH TRẠNG HT BỒN SỰ thượng QUẢNG hạ HẠNH (Thích Chúc Hiền), trang 6
- SỨC MẠNH TỪ TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN ĐẾN LỊCH SỬ DÂN TỘC (Nguyên Siêu), trang 7
- NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC..., t.t. (HT. Thích Trí Chơn), trang 9
- THẮM NÓI, NGÂM TRĂNG, BUỒN VUI (thơ Minh Đạo), trang 11
- TRĂNG SÁNG TRÊN ĐỈNH NÚI... (Bồn Đạt), trang 12
- SỰ NGHIỆP TUỆ GIÁC VÀ VAI TRÒ GIÁO DỤC... (Quảng Tuệ), trang 14
- MÙA GIÓ HỦ (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 15
- GIEO RẮC ÁNH VÀNG (thơ HT. Thích Quảng Hạnh), trang 17
- CẢM NIỆM ÂN SỰ – ĐLHT THÍCH QUẢNG HẠNH (Thích Nhuận Châu), trang 18
- THƯ CUNG THỈNH / THƯ MỜI LỄ TIÊU TƯỜNG HT THÍCH TUỆ SỸ (HT. Thích Nguyên Siêu), trang 18
- MỘT THOÁNG PHÙ DU (Nguyên Siêu), trang 20
- VỚI MƯA KHUYA, TẮT MỘT BAN MAI (thơ Tịnh Bình), trang 21
- ĐI TÌM TRÁI TIM ĐÃ VỠ (TN Khánh Năng – Hạnh Thân), trang 23
- ĐI VỀ VÔ TẬN, CUNG ĐÀN (thơ Vĩnh Hữu Tâm Không), trang 24
- THIÊN LÝ ĐỘC HÀNH (Hạnh Chi), trang 25
- NHÂN CÁCH LÝ TƯỜNG GIỮA DÒNG LỊCH SỬ THẮNG TRẦM... (Thiện Đức), trang 27
- CÓ PHÁP ĐÓT CHÁY VÀ PHÁP KHÔNG ĐÓT CHÁY (Quảng Tánh), trang 30
- ĐIỀU PHỤC TÂM (Nhóm Áo Lam), trang 31
- NGHĨ VỀ THỊNH PHÁT VÀ MẶT PHÁP (Nguyễn Giác), trang 32
- BUỒI THU VÀNG (thơ Thanh Nguyễn), tr. 34
- CHÁNH NIỆM, HÀNH TRÌNH TỈNH THỨC... (Tâm Thường Định), tr. 39
- TRỊ VẾT THƯƠNG (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 42
- DỊCH ĐẠI TẠNG KINH LÀ LỢI LẠC CHO NHIỀU THỂ HỆ (Huỳnh Kim Quang), trang 43
- MÙA THU ĐÃ VỀ (thơ Thy An), tr. 45
- HƯƠNG TÍCH CÒN MÃI (TN Diệu Như), trang 46
- TÂM HƯƠNG, MỘT VÌ SAO KHÔNG TẮT (thơ Diệu Viên), tr. 48
- TRUYỆN CỰC NGẮN (Steven N), trang 49
- TƯỜNG NHỚ SỰ PHỤ (Trí Như - TM Vương Thúy Nga), trang 51
- TƯỜNG NIỆM THẦY (Đồng Thiện), trang 52
- MÙA THU MÂY BAY LÁ VÀNG & HẠT SƯƠNG (Trần Hoàng Vy) tr. 53
- NẤU CHAY: CƠM TAY CẨM CHAY (Hồng Hương), trang 54
- CON SẼ VỀ THĂM THẦY (Kiều Mỹ Duyên), trang 55
- LÊN NÚI PHỤNG HOÀNG (thơ Nguyễn An Bình), trang 58
- HIỀN SĨ (Tiểu Lục Thần Phong), tr. 58
- TÔI CŨNG CÓ THẦN TƯỢNG (thơ Tiểu Lục Thần Phong), trang 59
- STORY OF MARA (Daw Tin), tr. 60
- TỪ CUỘC LỘT XÁC VĂN HỌC... (Huệ Đan), trang 61
- TỈNH THỨC (thơ Kiều Mộng Hà), trang 63
- VIÊN ASPIRIN VỚI BỆNH TIM (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 64
- LÁT THỊT ĐỂ CỨU BÒ CÂU KHÔI CHẾT (Truyện cổ Phật Giáo), tr. 65
- CỜ TRÓI tập 1 – chương 12, t.t. (truyện dài Vĩnh Hào), tr. 67

Báo Chánh Pháp số 156, tháng 11.2024, do Chùa Phật Đà & Tu viện Pháp Vương (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ân phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

NHỚ CÀI QUAI NÓN (1)

Từ thuở đi hoang, ngày tàn theo nắng, đêm mơ màng trời thu lấp lánh ánh ngàn sao.

Trên đời cao, bất động hư không, tâm tịch lặng nhìn trần gian mộng huyễn sinh-diệt diệt-sinh.

Dừng lại hay bước đi, nắng vẫn lung linh bên đèo. Cỏ úa rũ dài bên cổ mộ. Cỏ thơm vươn dây trên bờ cao. Chợt nhớ thời nguyên sơ, như trẻ thơ, hồn nhiên chập chững ra-vào. Rồi một lần, chạnh lòng mắt biếc hồng hoang. Đời du tử từ đây động chuyển thẳng-trăm, với vợ đại dương sinh-tử. Lên non rồi lại xuống đồi. Rừng cây bao lần thay lá. Mây trắng đổi hình phút giây. Xuống đồi rồi lại lên non. Lặng đứng trên mơ hồ thiên nhai. Trăm sâu nơi xa xôi hải ngạn. Vẫn một hóa thân này, nghìn năm dằng dặc đi qua trên dặm dài lữ thứ.

Vi vu gió thốc bên đèo. Miếu cô hồn chập choạng chiều hoang. Đèn dầu cạn khô, hương khói tạnh. Một góc đìu hiu nghe đêm xuống. Gối cỏ nằm êm đời du tử. Lung linh mộng mị dưới ánh trăng hạ huyền.

Bao năm rồi vẫn đi tìm trăng. Chích ảnh cô thân mờ mắt trần. Đá cũng lên lời cung kính hỏi. Ngàn lau phơ phất bóng thiên thần. Nắng tàn bàng lẳng cung hoàng hôn. Ơi, tiên ông sao lạc cõi này! Mím cười, ta có lạc đầu. Đường ta đi thênh thang mộng trắng vàng. Từ thuở trăm luân đã từng qua đây. Này bổn sư, này khóm lau, này tảng đá ven đường, còn nhớ chăng vô ngựa reo vang chiều hoang dã. Thân ta trải khắp các mộ địa. Hồn ta phơ man mác ven trời. Đi, đã từng đi mãi, đi mòn cả tháng năm.

*"Đi để nhớ những chiều pha tóc trắng
Mắt lưng chừng trông giọt máu phiêu lưu" (2)*

Buổi về lần khân những hẹn ước. Này rừng lau, này đá cuội, mai kia ta trở lại. Hồn là người tuổi đã ngàn năm. Sẽ có ngày ta mang ánh trăng về. Để ngàn hoa trắng cả đời hoang.

Phổ thị chờ mong chân lữ hành
Thương người, lại về với nhân gian
Quang gánh chưa buông lòng chưa thỏa
Đường xa với *khói nước trăm thành* (3)

Bạng khuâng hốc núi, mưa mù trời
Tiên biệt tiên ông, gió gào thương
*"Khi về anh nhớ cài quai nón
Mưa lạnh đèo cao không cởi người."* (4)

(Cung kính đảnh lễ thượng nhân Tuệ Sỹ nhân Lễ Tiểu Tường của Người)

- 1) Trọn bài này phỏng ý thơ Tuệ Sỹ trong Thiên Lý Độc Hành.
- 2) 2 câu trong bài Cánh Chim Trời của Tuệ Sỹ.
- 3) "Bách thành yên thủy", tác phẩm của Thiền sư Phật Quốc. Hòa thượng Thích Kế Châu (1922 – 1996) dịch là "*Khói nước trăm thành*."
- 4) Thơ Tuệ Sỹ, Thiên Lý Độc Hành, khúc 13. *Nhớ cài quai nón*, có vẻ như tự nhắc khi trở về phổ thị là bắt đầu cho những trách nhiệm với Tăng-đoàn, với giáo hội, với đồ chúng, sinh dân; cũng là bắt đầu với những phong ba, thị-phi của người trần gian, cần giữ tâm như kim cang bất hoại.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

INDONESIA: Bộ Các vấn đề Tôn giáo thành lập 49 trường Phật giáo

Jakarta, Indonesia - Theo ông Supriyadi, Tổng Cục trưởng Phát triển cộng đồng Phật giáo của Bộ Các vấn đề Tôn giáo cho biết, bộ này đã thành lập 49 Dhammasekha (trường Phật giáo chính thức) trên khắp Indonesia.

Ông Supriyadi đã đưa ra tuyên bố này tại một sự kiện kỷ niệm 19 năm thành lập Tổng cục Phát triển cộng đồng Phật giáo tại Jakarta vào ngày 14-10-2024.

Các trường Dhammasekha được chia thành 4 cấp, cụ thể là Nava Dhammasekha (giáo dục mầm non), Mula Dhammasekha (cấp tiểu học), Muda Dhammasekha (cấp trung học cơ sở) và Uttama Dhammasekha (cấp trung học nghề).

Ông Supriyadi lưu ý rằng các trường này được thành lập để đáp ứng nhu cầu giáo dục của cộng đồng và cung cấp nền giáo dục chất lượng.

Ông nhấn mạnh rằng trong số 49 trường Dhammasekha, có 19 trường hiện đang trong quá trình công nhận của Hội đồng Công nhận Quốc gia về Giáo dục Mầm non, Tiểu học và Trung học.

(ANTARA - October 14, 2024)



Sự kiện kỷ niệm 19 năm thành lập Tổng cục Phát triển cộng đồng Phật giáo tại Jakarta vào ngày 14-10-2024

Photo: ANTARA/Asep Firmansyah

BANGLADESH: Liên đoàn Phật giáo Bangladesh đến thăm Tổng tham mưu trưởng Lục quân

DHAKA, Bangladesh - Ngày 10

-10-2024, một phái đoàn của Liên đoàn Phật giáo Bangladesh đã đến viếng thăm Tướng Waker-Uz-Zaman, Tổng tham mưu trưởng Lục quân, tại sở chỉ huy ở Dhaka nhân dịp lễ 'Shuvo Prabarona'.

Là lễ hội lớn thứ hai của Phật giáo, Shuvo Prabarona sẽ được tổ chức vào ngày 16-10 tới.

Nhân dịp này, cộng đồng Phật tử đã tổ chức các chương trình kéo dài một-tuần tại các làng, các đường dân sinh và chùa chiền Phật giáo.

Để duy trì bầu không khí hòa bình, luật pháp, trật tự và sự hòa hợp trong suốt lễ hội, phái đoàn Phật giáo đã gặp tổng tham mưu trưởng quân đội và mời ông tham gia lễ hội này.

Trong cuộc họp, Tướng Waker-Uz-Zaman đã hứa sẽ cung cấp hợp tác về tài chính và an ninh cho lễ kỷ niệm 'Shuvo Prabarona' và "Kathin Chibar Dan" (lễ dâng y màu vàng) tại Vùng đồi Chittagong cũng như ở các vùng đồng bằng.

(BSS - October 10, 2024)



Phái đoàn Phật giáo Bangladesh viếng thăm Tướng Waker-Uz-Zaman, Tổng tham mưu trưởng Lục quân, tại sở chỉ huy ở Dhaka nhân dịp lễ 'Shuvo Prabarona'
Photo: BSS

HOA KỲ: Chuyên thăm khu đại học Yale làm nổi bật sự phát triển của nghiên cứu Hàn Quốc và Phật giáo

Connecticut, Hoa Kỳ - Từ ngày 10 đến 11-10-2024, Đại học Yale đã tiếp đón một phái đoàn từ Hàn Quốc, bao gồm các nhà lãnh đạo từ Đại học

Dongguk và Tổng phái Phật giáo Hàn Quốc Jogye.

Phái đoàn đã gặp bà Maurie McInnis, Chủ tịch Đại học Yale, để thảo luận về sự phát triển của chương trình Nghiên cứu Hàn Quốc và Sáng kiến Nghiên cứu Phật giáo của Yale, được tổ chức bởi Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế và Khu vực MacMillan.

Đại học Dongguk, có trụ sở tại Seoul, là một trong những trung tâm nghiên cứu Phật giáo hàng đầu. Trung tâm này hợp tác với Tổng phái Jogye, một trong những Phật phái lớn tại Hàn Quốc.

Chủ tịch McInnis nói, "Nghiên cứu về Hàn Quốc đã nổi lên như một trong những ngành học phát triển nhanh nhất tại Yale. Việc khám phá Phật giáo trong bối cảnh toàn cầu tạo ra những cơ hội mới cho nghiên cứu liên ngành, cho phép các học giả và sinh viên của Yale tham gia sâu hơn vào các truyền thống văn hóa phong phú của nó."

"Chuyến thăm này thể hiện sự lãnh đạo của Yale đối với các nghiên cứu Phật giáo Hàn Quốc", Steven Wilkinson, hiệu phó phụ trách chiến lược toàn cầu của Yale, phát biểu. "Tôi rất hào hứng về những khả năng sắp tới khi Yale nổi lên như một đơn vị dẫn đầu về nghiên cứu Phật giáo và tiếp tục thu hút những đối tác tốt nhất từ khắp nơi trên thế giới".

(world.yale.edu - October 10, 2024)



Chuyến thăm khu đại học Yale của Phật phái Hàn Quốc Jogye
Photos: world.yale.edu

THÁI LAN: Tỉnh Nakhon Phanom đánh dấu sự kết thúc của Mùa Chay Phật giáo

Sông Mê Kông sẽ tỏa sáng như một phần của Lễ hội Rước Thuyền Thắp sáng thường niên tại Nakhon Phanom, từ ngày 10 đến ngày 18-10, đánh dấu sự kết thúc của Mùa Chay Phật giáo.

Nhiều thế hệ đã tiếp nối phong tục Lai Rue, và những người thợ thủ công địa phương đã phát triển các phương pháp để tạo ra một đoàn thuyền lồng lầy được trang trí bằng hàng ngàn ngọn đèn, tượng trưng cho vinh quang và sự tươi sáng của cuộc sống. Theo tín ngưỡng địa phương, các thuyền này được sử dụng để tôn thờ đầu chân của Đức Phật và chùa Chulamaneer trên thiên đường, cũng như để thể hiện lòng biết ơn với nữ thủy thần.

Du khách có thể xem đoàn diễu hành gồm 12 chiếc thuyền được chiếu sáng lồng lầy từ 12 quần vào ngày 17-10. Là một phần của lễ kỷ niệm, năm nay Tổng cục Du lịch Thái Lan sẽ giới thiệu 8 chiếc thuyền với chương trình biểu diễn ánh sáng và âm thanh vào mỗi đêm. Chúng được lấy cảm hứng từ 8 bảo tháp linh thiêng lưu giữ xá lợi của Đức Phật. Ngoài ra, sẽ có nhiều buổi trình diễn văn hóa hấp dẫn của sinh viên học sinh và nghệ sĩ địa phương tại Công viên Phanom Naga.

(Bangkok Post – October 10, 2024)



Hình ảnh Lễ hội Rước Thuyền Thắp sáng thường niên tại Nakhon Phanom
Photo: Bangkok Post

HOA KỲ: Phật giáo dẫn thân: Tổ chức Lotus Outreach công bố chương trình gây quỹ tháng 10 cho Ngày Nữ Quốc tế

Lotus Outreach International (Liên kết Cộng đồng Hoa Sen Quốc tế) - một tổ chức phi lợi nhuận được thành lập bởi Lạt ma, nhà làm phim và là tác giả người Bhutan đáng kính Dzongsar Jamyang Khyentse Rinpoche - đã công bố chương trình gây quỹ mới vào tháng 10 để trùng với Ngày Nữ Quốc tế, diễn ra vào ngày 11-10.

Lotus Outreach tập trung vào việc cải thiện cuộc sống của phụ nữ và trẻ em ở các nước đang phát triển, đặc biệt là Cam Bốt và Ấn Độ. Được thành lập bởi Dzongsar Khyentse Rinpoche vào năm 1993 và giải quyết các vấn đề bao gồm giáo dục, chăm sóc sức khỏe và nạn buôn người, các chương trình của Lotus Outreach International nhằm mục đích trao quyền cho trẻ em, thiếu nữ và phụ nữ để phá vỡ cái vòng lẩn tránh của đói nghèo và cải thiện các cộng đồng của họ.

Ngày Nữ Quốc tế là một ngày lễ quốc tế do Liên Hiệp Quốc thành lập vào năm 2012, và còn được gọi là Ngày Trẻ em Gái Quốc tế. Sáng kiến này nhằm mục đích tạo ra các cơ hội sống cho con gái và nâng cao nhận thức về bất bình đẳng giới trên toàn thế giới - bao gồm quyền tiếp cận giáo dục, dinh dưỡng, quyền hợp pháp, chăm sóc y tế và việc bảo vệ khỏi sự phân biệt đối xử, bạo lực và tảo hôn cưỡng bức. Chủ đề của Ngày Nữ Quốc tế năm 2024 là "Tâm nhìn của Nữ cho Tương lai".

(NewsNow - October 10, 2024)



ĐÀI LOAN: Bộ Văn hóa trao tặng danh hiệu bảo vật quốc gia cho 5 kinh điển Phật giáo

Đài Bắc, Đài Loan - Năm kinh điển Phật giáo trong bộ sưu tập của Bảo tàng Cung điện Quốc gia (NPM) đã được Bộ Văn hóa chỉ định là bảo vật quốc gia, bảo tàng có trụ sở tại Thành phố Đài Bắc cho biết vào ngày 14-8-2024.

Theo NPM, các văn bản thiêng liêng nổi trên bao gồm 108 hộp đựng Bản thảo Kangyur của Vua Khang Hy viết chữ Tây Tạng bằng vàng, còn được gọi là Long Kinh Tây Tạng (TDS); 12 hộp đựng Bản thảo Kangyur của vua Càn Long viết chữ Tây Tạng bằng vàng; 32 hộp đựng Kangyur bằng chữ Mãn Châu; và mỗi hộp một bộ Sưu tập các Thần chú và Kinh điển khác nhau bằng mực đỏ và đen.

Hoàn thành vào năm 1669, TDS là bản dịch kinh điển Phật giáo bằng chữ Tạng gồm các kinh điển và luật lệ tu viện, được viết bằng mực vàng trên giấy chàm và đặt trên các tấm gỗ sơn vàng và bột màu, và khảm đá quý.

NPM cho biết Bản thảo Kangyur Càn Long bằng chữ Tạng Vàng và Kangyur bằng chữ Mãn Châu đều được hoàn thành dưới thời trị vì của Hoàng đế Càn Long (1711-1799), trong khi Bộ sưu tập các Thần chú và Kinh khác nhau được hoàn thành vào năm 1674.

(taiwantoday.tw - October 20, 2024)



Long Kinh Tây Tạng là một trong 5 kinh điển Phật giáo thiêng liêng gần đây được trao tặng danh hiệu bảo vật quốc gia tại Bảo tàng Cung điện Quốc gia có trụ sở tại Thành phố Đài Bắc
Photo: NPM

Bích chương và biểu trưng của tổ chức Lotus Outreach International (Liên kết Cộng đồng Hoa Sen Quốc tế)

Photos: lotusoutreach.org



ẤN ĐỘ: Hội nghị Toàn quốc nêu bật vai trò của Phật giáo Nalanda trong việc giải quyết các thách thức toàn cầu hiện đại

Mundgod, Karnataka - Vào ngày 14-10-2024, Hội đồng Phật giáo Nalanda Hi Mã Lạp Sơn Ấn Độ (IHCNBT) đã tổ chức Hội nghị toàn quốc về Phật giáo Nalanda trong thế kỷ 21 - Tìm lại nguồn gốc theo dấu chân của các Acharya: Từ Nalanda đến dãy Hi Mã Lạp Sơn.

Được tổ chức tại Tu viện Gaden/Drepung ở Mungod, hội nghị đã quy tụ các học giả Phật giáo hàng đầu, các nhà lãnh đạo tinh thần và các tu sĩ từ khắp khu vực Hi Mã Lạp Sơn và xa hơn nữa.

Các phiên họp của hội nghị có nhiều chủ đề khác nhau, bao gồm lịch sử và sự phát triển của Phật giáo Nalanda, nền tảng triết học và vai trò của nó trong thế giới hiện đại.

Với 350 đại biểu tham dự, bao gồm chư tôn Rinpoche, Geshe, Khenpo đáng kính và các học giả từ nhiều trường đại học tu viện, hội nghị đã thúc đẩy thành công sự hiểu biết sâu sắc hơn về di sản lâu dài của Nalanda - Phật học viện thời cổ đại.

(ANI - October 10, 2024)



Hội nghị toàn quốc Ấn Độ về Phật giáo Nalanda trong thế kỷ 21
Photo: ANI

THỔ NHĨ KỲ: Hòa thượng Pomnyun Sunim trở lại Thổ Nhĩ Kỳ để khánh thành Dự án trường học sau động đất

Ngày 9-10-2024, Pháp sư Hàn Quốc và là nhà hoạt động Phật giáo đáng kính Pomnyun Sunim đã trở về thành phố Gaziantep ở miền nam Thổ Nhĩ Kỳ để đánh dấu sự hoàn thành và khánh thành chính thức của dự án Trường học Khalid bin al-Walid.

Tổ chức cứu trợ nhân đạo Phật

giáo JTS Hàn Quốc do Hòa thượng Pomnyun Sunim thành lập đã khởi xướng dự án tại khu vực biên giới Thổ Nhĩ Kỳ-Syria, sau trận động đất tàn khốc tại miền nam Thổ Nhĩ Kỳ và một số vùng của Syria vào tháng 2-2023.

Sau một năm xây dựng của các tình nguyện viên từ tổ chức dân sự White Helmets (Mũ Trắng), Trường Khalid bin al-Walid có sức chứa lên tới 4,000 học sinh đã hoàn thành. Tòa nhà mới này có 1 tầng hầm và 3 tầng trên mặt đất, 122 phòng, bao gồm 52 phòng học và không gian cho các phòng thí nghiệm khoa học, các thư viện và các phòng hội nghị.

Lễ khánh thành trường, có sự tham dự của các bộ trưởng và quan chức chính quyền địa phương, được đánh dấu bằng lễ cắt băng khánh thành và khánh thành bia tường niệm các nạn nhân của trận động đất.

(NewsNow - October 16, 2024)



Hòa thượng Pomnyun Sunim và học sinh trường Khalid bin al-Walid trong ngày khánh thành chính thức Dự án trường học này
Photo: Jungto Society

ẤN ĐỘ: INEB sẽ tổ chức Hội nghị Song niên lần thứ 21 "Di sản Phật giáo: Hướng tới các Xã hội Hòa nhập" tại Chennai

Cổ trụ sở chính tại Bangkok, Thái Lan, Mạng lưới Phật tử Dẫn thân Quốc tế (INEB) đã thông báo rằng họ sẽ tổ chức hội nghị song niên lần thứ 21 tại miền Nam Ấn Độ vào cuối năm nay tại thành phố Chennai.

Diễn ra từ ngày 22-11 đến ngày 3-12, Hội nghị Quốc tế Song niên lần thứ 21 của INEB sẽ tập trung vào chủ đề "Di sản

Phật giáo: Hướng tới các xã hội hòa nhập".

Hội nghị INEB 2024 tập trung vào một loạt các mục tiêu liên kết với nhau bắt nguồn từ sự hiểu biết, thực hành và quảng bá Phật giáo, bao gồm:

- Thúc đẩy hòa bình và hòa hợp: Khuyến khích sự chung sống hòa bình và hiểu biết giữa các dân tộc, cộng đồng, các nền văn hóa và quốc gia khác nhau thông qua giáo lý Phật giáo.

- Trao đổi khảo cổ học và văn hóa: Quảng bá các khía cạnh văn hóa của Phật giáo trong phạm vi rộng hơn thông qua nghệ thuật, văn học và các truyền thống.

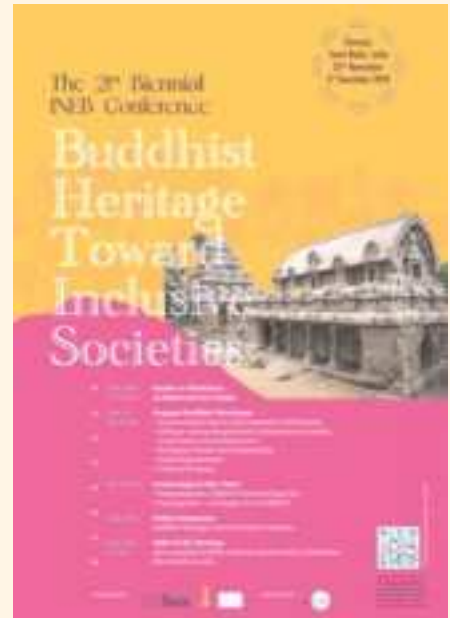
- Công lý và sự tham gia xã hội: Giải quyết các vấn đề xã hội đương thời thông qua lăng kính của giáo lý Phật giáo.

- Phát triển và thực hành tâm linh: Cung cấp các cơ hội thực hành tập thể, nghi lễ, thiền định, thực hành chánh niệm và phát triển tâm linh.

- Trách nhiệm sinh thái và xây dựng cộng đồng: Cung cấp trải nghiệm thực tế, củng cố các mạng lưới và mối quan hệ trong cộng đồng Phật giáo toàn cầu.

- Sự tham gia của thanh thiếu niên: Khuyến khích những người trẻ tuổi khám phá và tham gia vào giáo lý và thực hành Phật giáo.

(NewsNow - October 18, 2024)



Poster của Hội nghị Song niên lần thứ 21 "Di sản Phật giáo: Hướng tới các Xã hội Hòa nhập"

HÀN QUỐC: Lễ Phật giáo tôn vinh sự hy sinh của những anh hùng mặc quân phục

'Jingwansa Suryukjae' của Phật phái Hàn Quốc Jogye thuộc Phật giáo Hàn Quốc là nghi lễ Phật giáo lớn nhất của triều đình Joseon cũng như tinh hoa của nghệ thuật Phật giáo. Nghi lễ này đã kết thúc bằng một buổi lễ chia sẻ những việc làm tốt của nhau với những người khác trong suốt cuối tuần qua.

'Suryukjae', lễ nước và đất, là một trong những nghi lễ Phật giáo tốt nhất để mời tất cả các linh hồn của chúng sinh ở cả nước và đất đến các đền chùa để truyền bá các bài giảng của Đức Phật và chia sẻ những món ăn ngon. Năm nay đánh dấu năm thứ 626 của nghi lễ Jingwansa Suryukjae, bắt đầu với lời cầu nguyện của Vua Taejo thời Joseon cho sự thịnh vượng của triều đình và đất nước.

Quay trở lại vào năm 2013, lễ này đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Nghi lễ này, thực hiện các buổi lễ tưởng niệm 7 ngày một lần trong 7 tuần, năm nay nhằm tưởng nhớ những anh hùng đã ngã xuống, những người yêu nước giành độc lập và nạn nhân chiến tranh.

Vào ngày 1-9 khi bắt đầu nghi lễ, nhà sư Hyekook đã gửi lời cầu nguyện ban phước lành đến những người đã hy sinh vì đất nước. Nghi lễ thứ 7 nhằm ngày thứ Bảy và Chủ Nhật, bắt đầu bằng việc đốt hương, dâng lễ vật và hoa, sau đó tôn trí bài vị của cảnh sát, lính cứu hỏa, quân nhân, nhân viên Cơ quan Tình báo Quốc gia và công chức chính phủ.

(donga.com – October 21, 2024)



Nghi lễ 'Jingwansa Suryukjae' của Phật phái Hàn Quốc Jogye thuộc Phật giáo Hàn Quốc
Photo: donga.com



CUNG TÁN HÀNH TRẠNG

Hòa Thượng Bổn Sư thượng QUẢNG hạ HẠNH

1.

*Thiếu thời mộ Phật kết thiên âm
Nương chốn già lam thoát khỏi trần
Học đạo tinh cần hành chánh pháp
Tu tâm đồng mãnh độ mê nhân
Kế thừa án tổ xây bờ thiện
Đắt dẫn môn sinh hương cõi chân
Giới thể tinh nghiêm đèn tuệ sáng
Hương thơm đức hạnh tỏa xa gần..!*

2.

*Đòng chơn mộ Phật kết tâm duyên
Trưởng dưỡng nguồn ân học đạo thiên
Long Khánh ngời soi trăng Bát Nhã
Nguyên Thiệu rạng chiếu ánh Lăng Nghiêm
Linh Quang một thuở gương lành sáng
Giác Uyên bao mùa quả ngọt huyền
Quảng Hạnh Ân Sư hồng pháp chuyển
Tòng Lâm Thạch Trụ giới hàng tuyên..!*

*Hàng tuyên diệu ngữ tiếp môn nhân
Điềm đạm ung dung bước giữa trần
Danh lợi không màng vui nẻo đạo
Sắc tài chẳng vướng sáng đường tâm
Tì bi thấm nhuần thơm gương hạnh
Trí tuệ soi ngời rạng suối ân
Giới đức trang nghiêm thanh tịnh mãi
Ngày về cõi Phật ngát sen vàng..!*

Chùa Đức Sơn, 2:30 giờ sáng 06-10-2024

Đệ Tử-THÍCH CHÚC HIỀN

(Khấp bái kính đề)

TÂM THỨC PHẬT VIỆT: SỨC MẠNH TỪ TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN ĐẾN LỊCH SỬ DÂN TỘC

Nguyễn Siêu

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Trong bóng dáng nghìn năm của lịch sử, mỗi dân tộc đều tìm kiếm và gìn giữ cho mình những giá trị tinh thần làm nền tảng cho sự trường tồn và phát triển. Phật giáo, một trong những tôn giáo cổ xưa nhất, đã thấm sâu vào đời sống tinh thần của nhiều dân tộc Á Đông, trong đó có Việt Nam, không chỉ như một triết lý siêu hình mà còn là cốt lõi trong sự hình thành bản sắc văn hóa và tâm thức người Việt. Từ thời kỳ sơ khai, Phật giáo đã đồng hành cùng dân tộc trong những cơn biến thiên của lịch sử, thăng trầm trong khói lửa ngoại xâm và mạch ngầm văn hóa.

Hành trạng của hai vị Thầy Tuệ Sỹ và Trí Siêu (Lê Mạnh Thát) không chỉ là những nỗ lực cá nhân mà còn là biểu hiện của một dòng tư tưởng lớn, khẳng định sự độc lập và tự chủ của tâm thức Phật Việt. Từ những công trình phiên dịch Tam Tạng Thánh Điển đến biên soạn Lịch Sử Phật Giáo Việt

Nam, hai vị Thầy đã thổi bùng lên ngọn lửa của trí tuệ và sự tự chủ, để từ đó, thế hệ tiếp nối có thể dựa vào di sản này mà phát huy.

Khi nhìn về công trình phiên dịch Tam Tạng Thánh Điển, không thể không cảm nhận được tinh thần tự lực và ý chí kiên định của Thầy Tuệ Sỹ. Phiên dịch không chỉ đơn thuần là việc chuyển ngữ, mà còn là cuộc hành trình sâu thẳm vào trong tâm thức của cả một nền triết học, tôn giáo, và nhân sinh quan. Từng trang kinh, từng lời dạy của Đức Phật được Thầy Tuệ Sỹ truyền tải với một tinh thần của sự tinh tấn tu học và tri thức minh triết. Điều này không chỉ nhằm mang lại sự hiểu biết sâu sắc hơn cho người Việt, mà còn khẳng định rằng người Việt hoàn toàn có khả năng tự lực tìm hiểu và tiếp cận với giáo pháp Phật Đà, không cần lệ thuộc vào các nguồn tri thức từ bên ngoài.

Hành động phiên dịch Tam Tạng cũng là một tuyên ngôn ngầm về sự tự chủ trí tuệ của người Việt, rằng chúng ta không chỉ là người thừa hưởng mà còn là người đóng góp cho di sản trí tuệ toàn cầu. Ở đây, chúng ta không thấy sự thụ động, không có sự ngần ngại trong việc tiếp nhận tri thức từ các nền văn hóa khác, nhưng trên hết, đó là sự tiếp nhận một cách chủ động và sáng tạo. Trong quá trình phiên dịch, Thầy Tuệ Sỹ không chỉ giữ gìn sự chính xác trong tư tưởng Phật giáo, mà còn khéo léo mang đến một tinh thần gần gũi với tâm thức Việt Nam. Điều này giúp người Việt có thể dễ dàng tiếp cận và thấm thấu triết lý Phật giáo, từ đó tìm thấy sự kết nối sâu xa với chính mình và với bản chất của thế gian.

Trong quá trình phiên dịch Tam Tạng, điều đặc biệt không chỉ nằm ở kỹ năng ngôn ngữ của Thầy mà còn ở chiều sâu triết lý và nhân văn. Mỗi câu kinh, mỗi đoạn văn được diễn dịch không chỉ đơn thuần là sự chuyển tải thông điệp, mà còn là sự hòa quyện giữa tinh thần nhân bản và tri thức siêu việt. Thầy Tuệ Sỹ đã khẳng định rằng sự tự chủ và độc lập không chỉ là một trạng thái vật chất mà còn là trạng thái tâm thức. Điều này tạo nên sự mạnh mẽ và bền bỉ cho người Việt khi đối diện với những thay đổi và thử thách của thế giới bên ngoài.

Tam Tạng Thánh Điển, qua Thầy Tuệ Sỹ, không còn là những trang kinh xa vời, khó hiểu mà trở thành những lời dạy minh triết gần gũi với đời sống, giúp con người thức tỉnh và sống trọn vẹn trong từng khoảnh khắc hiện tại. Chính sự sống động và gần gũi ấy mà Tam Tạng Thánh Điển trở thành một nguồn lực tinh thần lớn lao, thúc đẩy ý





chí vươn lên và phát triển bền vững của tâm thức người Việt.

Nếu Tam Tạng Thánh Điển là kho tàng tri thức mở ra cánh cửa trí tuệ vô biên cho người Việt, thì công trình biên soạn Lịch Sử Phật giáo của Thầy Trí Siêu là cuộc hành trình trở về với quá khứ, khẳng định một cách hùng hồn sự tồn tại và phát triển của Phật giáo trong bối cảnh lịch sử và văn hóa Việt Nam.

Trong công trình này, Thầy Trí Siêu không chỉ đơn thuần là một nhà sử học, mà còn là một người kiến tạo lại những mảnh ghép lịch sử, kết nối những mốc thời gian, những câu chuyện đã bị lãng quên hoặc thiếu sót qua dòng chảy của lịch sử. Từ thời kỳ Bắc thuộc, khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam, cho đến triều đại Lý-Trần, khi Phật giáo trở thành quốc giáo, Thầy Trí Siêu đã giúp chúng ta nhận thức rõ hơn về vai trò quan trọng của Phật giáo trong việc hình thành bản sắc văn hóa dân tộc.

Lịch sử Phật giáo Việt Nam, qua sự biên soạn của Thầy Trí Siêu, không chỉ là câu chuyện về tôn giáo mà còn là sự hòa quyện giữa triết học, văn hóa và sự kiện định của người Việt trước mọi thách thức lịch sử. Ở đây, Phật giáo không chỉ tồn tại dưới dạng hình thức tôn giáo mà còn là nguồn sức mạnh tinh thần, giúp dân tộc vượt qua những thời kỳ đen tối, chiến tranh và loạn lạc.

Trong chiều dài lịch sử, tâm thức Việt Nam luôn luôn là sự kết hợp của nhiều yếu tố – từ văn hóa bản địa đến những ảnh hưởng ngoại lai. Tuy nhiên, điều đặc biệt của người Việt là khả năng dung hóa, biến những ảnh hưởng ấy thành của riêng mình, từ đó tạo nên một bản sắc độc đáo. Phật giáo, với sức mạnh tri thức và sự từ bi, đã hòa quyện vào trong dòng chảy văn hóa dân tộc, trở thành một phần không thể tách rời của tâm thức Việt.

Hành trạng của hai Thầy Tuệ Sỹ và Trí Siêu là minh chứng sống động cho tinh thần ấy. Từ việc phiên dịch Tam Tạng Thánh Điển đến biên soạn lịch sử Phật giáo, hai vị Thầy đã thể hiện một sự độc lập và tự chủ không chỉ trong suy nghĩ mà còn trong hành động. Hai Thầy, đã khẳng định rằng, sự tồn tại và phát triển của Phật giáo Việt Nam không phải là sự sao chép mù quáng từ các nền văn hóa khác, mà là sự sáng tạo và phát triển trên nền tảng trí tuệ tự chủ của người Việt.

Tâm thức Phật Việt, qua những công trình vĩ đại này, thể hiện rõ nét một tinh thần độc lập, không bị trói buộc bởi bất kỳ ảnh hưởng ngoại lai nào. Chính sự độc lập ấy đã giúp Phật giáo Việt Nam vượt qua những thử thách lịch sử, từ thời kỳ đô hộ của phương Bắc cho đến những giai đoạn khó khăn trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Trong bối cảnh hiện đại, khi các nền văn hóa ngày càng giao thoa và tương tác mạnh mẽ, việc giữ gìn bản sắc văn hóa và tinh thần độc lập trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Từ những bài học rút ra từ hành trạng của hai Thầy, chúng ta có thể thấy rằng sự phát triển vững bền không chỉ nằm ở sự tiếp thu tri thức từ bên ngoài mà còn là khả năng sáng tạo và tự chủ trên nền tảng của chính mình.

Điều này có nghĩa rằng, trong thời đại toàn cầu hóa, người Việt cần phải tự ý thức và xác định rõ bản sắc của mình. Phật giáo Việt Nam, với nền tảng độc lập và tự chủ, không chỉ cần duy trì những giá trị truyền thống mà còn phải mở rộng tầm nhìn, phát huy tinh thần sáng tạo và tiếp nhận những giá trị mới một cách chọn lọc.

Hành trình phiên dịch Tam Tạng Thánh Điển của Thầy Tuệ Sỹ và công trình biên soạn Lịch Sử Phật giáo của Thầy Trí Siêu là những di sản học thuật và, hơn thế, là những viên ngọc quý của tâm thức dân tộc, kết tinh tinh thần độc lập, tự chủ và trí tuệ Việt Nam. Qua đó, chúng ta không chỉ thấy sự tồn tại bền bỉ của Phật giáo trong lòng văn hóa dân tộc, mà còn nhận ra khả năng của người Việt trong việc dung hợp tri thức từ bên ngoài mà vẫn giữ vững gốc rễ tinh thần sâu xa của mình.

Trong thời đại mới, khi thế giới đang ngày càng phức tạp và mâu thuẫn, Phật giáo Việt Nam không chỉ là một tôn giáo của sự giải thoát cá nhân mà còn là nguồn sức mạnh tinh thần cho cả dân tộc. Sự phát triển của Phật giáo Việt Nam nếu được xây dựng trên tinh thần độc lập, sáng tạo và tự chủ, không chỉ là niềm hy vọng cho cộng đồng Phật tử, mà còn là con đường đưa dân tộc Việt vượt qua những thử thách lớn lao của thời đại.

Từ những giá trị nhân bản và trí tuệ đã được hun đúc qua hàng thế kỷ, Phật giáo Việt Nam có khả năng trở thành một cột trụ tinh thần, giúp con người vượt qua khổ đau và khơi dậy sức mạnh nội tại của cả một dân tộc. Hơn bao giờ hết, tinh thần Phật Việt chính là ánh sáng soi rọi cho con đường phát triển, không chỉ riêng cho cộng đồng Phật giáo mà còn cho tất cả những ai khao khát một xã hội nhân văn, hòa bình và thịnh vượng.

Chúng ta không thể quên rằng, Phật giáo Việt Nam đã từng là nguồn cảm hứng và động lực cho sự trường tồn của dân tộc. Và ngày hôm nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa cũng như những biến đổi khôn lường, thông điệp về sự độc lập, tự chủ của Phật giáo không chỉ dành riêng cho Phật tử mà còn dành cho cả dân tộc Việt Nam. Đó là một con đường mà chúng ta có thể bước đi cùng nhau – không chỉ để tìm kiếm sự giác ngộ cá nhân, mà còn để xây dựng một tương lai đầy hy vọng cho đất nước.

(Trích Tập san nghiên cứu văn hóa Phật giáo Việt Nam | Số tưởng niệm Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ (1945-2023))

NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

HT. Thích Trí Chơn

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

F. MAX MULLER (1823-1900)

Giáo sư Friedrich Max Muller là người Anh, gốc Đức; sinh ngày 06-12-1823 tại Dessau (Đông Đức), con của ông Wilhelm Muller.

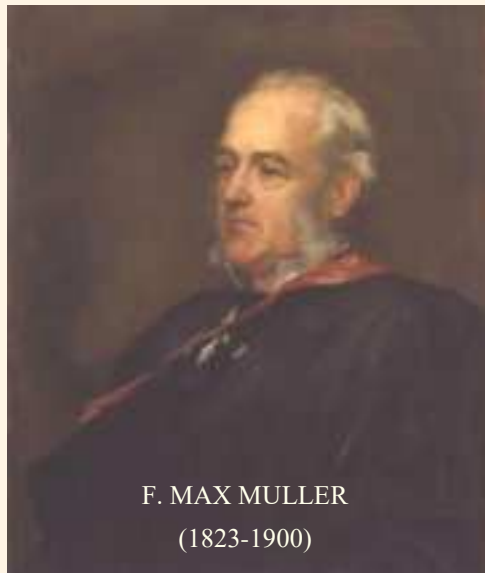
Thân sinh của M. Muller không những là một thi sĩ tài ba, mà còn là một nhà ngôn ngữ học danh tiếng. Năm 28 tuổi, Wilhelm làm hiệu trưởng trường văn phạm, và sau giữ chức Giám đốc một thư viện tại tỉnh nhà. Thân mẫu của ông cũng là người có học thức và đảm đang. Song thân của M. Muller đã đặt tên ông "Friedrich" là phỏng theo tên của một người bạn thân với gia đình ông bà ta là Friedrich Leopold, quận công ở thành phố Dessau bấy giờ.

Cuộc sống gia đình của M. Muller rất có hạnh phúc, nhưng tiếc rằng hạnh phúc này không kéo dài được bao lâu. Năm 1827, ông Wilhelm qua đời vào lúc 33 tuổi, bỏ lại người vợ trẻ, một bé gái 8 tuổi và Max Muller lúc ấy mới 4 tuổi.

Trong khi gia đình gặp cảnh khó khăn, bà Wilhelm may mắn đã được nhiều bạn bè giúp đỡ. Bác sĩ Carus, vốn là bạn thân của Wilhelm đã nhận nuôi M. Muller, đem về nhà và gửi ông ta vào trường học tại thị trấn Leipzig (Đông Đức).

Vào lúc đó, nhà của Dr. Carus là nơi gặp gỡ, lui tới của các văn nhân, thi hào và nhạc sĩ nổi tiếng. M. Muller bấy giờ đã tỏ ra là đứa trẻ có nhiều thiên tài, nhất là âm nhạc; nhưng Felix Mendelssohn (1809-1847), nhà soạn nhạc danh tiếng thời ấy, lại khuyên M. Muller đừng theo đuổi con đường học nhạc. Sau cùng, ông quyết định theo học môn ngữ học (philology).

Năm 17 tuổi, M. Muller ghi tên vào học đại học Leipzig và năm 20 tuổi (1843), ông tốt nghiệp bằng Tiến sĩ Ngôn Ngữ Học. Ngay lúc nhỏ, ông đã đọc sách, chịu ảnh hưởng tư tưởng của những nhà triết học Đức quốc tiền bối bấy giờ như các triết gia R. Hermann Lotze (1817-1881), J.G. Von Herder (1744-1803) và đại thi hào J.W. Von Goethe (1749-1832) v.v... là những nhân vật đã từng hâm mộ, ca tụng nền văn học, nghệ thuật tuyệt vời và những tư



F. MAX MULLER
(1823-1900)

tưởng triết học, nghệ thuật tuyệt vời và những tư tưởng triết học cao siêu cổ thời của Ấn Độ. Ông ta cũng đã có dịp thảo luận những vấn đề triết lý sâu xa với triết gia Đức theo Phật giáo Arthur Schopenhauer (1788-1860).

Sau đó, M. Muller đến Bá Linh (Berlin), tại đây ông được giáo sư Franz Bopp (1791-1867), nhà ngữ học Đức giới thiệu, chỉ dẫn về môn ngữ học Ấn-Âu (Indo-European) và học giả Frederick Ruckert mời ông tham gia công tác văn học, cùng dạy cho M. Muller nghệ thuật phiên dịch. Ông cũng thích tìm đọc những bài thuyết trình của triết gia Đức F.W.J. Von Schelling (1775-1854) và thường kết thân với các bạn của Theodor Fontane (1819-1898), một thi hào Đức nổi

tiếng và là nhân vật rất tán dương tài trí của M. Muller.

Nghiên cứu kinh điển Phệ Đà (Vedas) và Phật Giáo

Tháng 3 năm 1846, M. Muller đến Ba Lê (Paris), nơi bấy giờ có nhiều học giả nghiên cứu về Ấn Độ (Indologists) đang sống như Antoine Leonard de Chezy và Eugène Burnouf (1801-1852), một học giả người Pháp rất giỏi tiếng Phạn (Sanskrit). Do sự hướng dẫn của giáo sư E. Burnouf, M. Muller bắt đầu nghiên cứu kinh điển Phật Giáo và Phệ Đà (Vedas) của Bà La Môn Giáo. Những bài giảng của E. Burnouf về triết lý Phệ Đà đã mở ra cho M. Muller một chân trời mới về tư tưởng. Sau đó, ông quyết định sang Luân Đôn (Anh Quốc), nơi nguyên bản Phạn ngữ Thánh Tán Ca Ríg-Veda, ca tụng những thần linh (Bà La Môn Giáo) còn tàng trữ tại các thư viện, để phiên dịch các Thánh Tán Ca đó ra Anh văn.

Công Tác Giáo Dục

Tại thư viện Bodleian (thành lập năm 1601, thuộc đại học Oxford), M. Muller quen biết với giáo sư Wilson dạy ở đại học Oxford và là nhà soạn dịch từ Phạn ra Anh văn trường ca Ràmàyana (Bà La Môn giáo). Do lời khuyên của Wilson, năm 1848, M.

Muller dọn đến định cư tại Oxford (miền trung nam Anh quốc). Năm 1849, sau khi ấn hành dịch bản (cuốn I) của bộ "Thánh Tán Ca Rig-Veda", ông ta được mời giảng dạy về môn ngữ học đối chiếu (Comparative Philology) tại đại học Oxford. Từ đó, tiếng tăm của M. Muller bắt đầu vang lừng, được nhiều người trong giới trí thức biết đến.

Năm 1854, ông làm giáo sư dạy môn ngôn ngữ Châu Âu hiện đại (Modern European Languages); năm 1856, làm quản thủ thư viện Bodleian; và năm 1858, ông được mời giữ chức Ủy Viên Giáo Đốc trường All Souls College (Thành lập năm 1437 thuộc đại học Oxford).

Năm 1859, Max Muller lập gia đình với Georgia Grenfell ở Maidenhead (Anh quốc). Từ ngày ấy, ông ta mới thực sự xem nước Anh như quê hương thứ hai của mình. Trong thời gian này, danh tiếng của M. Muller ngày càng lên cao đến nỗi ông được mời viết bài thường xuyên cho tuần báo "The Times" tại Luân Đôn (London), và trở thành một nhân vật trọng yếu trong chủ trương mang lại sự hợp tác chặt chẽ, thân thiện giữa hai quốc gia Đức và Anh. Nữ hoàng Anh Victoria (1819-1901) bấy giờ cũng hết sức hâm mộ và kính trọng tài năng của ông.

Năm 1873, M. Muller là người đầu tiên không phải giáo sĩ, được ông Dean Stanley mời đến thuyết giảng về tôn giáo tại thánh đường danh tiếng Westminster Abbey mà tờ báo "The Times" lúc ấy đã diễn tả xem đó như là "một biến cố đặc biệt" (singular event). Từ năm 1868 đến 1875, ông làm giáo sư dạy môn Ngữ học Tự nhiên, và giảng viên môn Tôn giáo Tự nhiên (Natural Religion) tại Đại học Glasgow vào những năm 1889-1893.

Những Đóng Góp Văn Hóa

a) Trước tác, phiên dịch kinh điển Phật Giáo:

Là một học giả thông suốt cả hai cổ ngữ Pali và Sanskrit (Phạn), M. Muller đã góp phần to lớn cho nền văn hóa nhân loại nói chung, và Phật Giáo nói riêng. Ông làm chủ biên Bản Dịch Thuật toàn bộ "Thánh Thư của Đông Phương" (The Sacred Books of the East) với sự cộng tác của 20 học giả lỗi lạc khắp thế giới, để dịch ra Anh văn kinh sách của các tôn giáo lớn: Phật, Khổng, Lão, Hồi (Islam), Kỳ Na (Jainism), Bà La Môn và Bái Hỏa Giáo (Zoroastrianism) chép bằng tiếng Trung Hoa, Ả Rập (Arabic) và Ấn độ: Prakrit, Pali, Sanskrit (Phạn) v.v... Trong thời gian 34 năm, ông đã cho ấn hành được tất cả 50 quyển.

Sau đó, M. Muller làm chủ biên bản soạn dịch bộ "Thánh Thư của Phật Tử" (The Sacred Books of the Buddhists) được khoảng vài năm trước khi ông từ trần năm 1900, và học giả Rhys Davids (1843-1922) đã tiếp tục thay ông giữ chức vụ này. Dưới đây là những kinh điển Phật Giáo do Max Muller dịch thuật:

- Dhammapada (Kinh Pháp Cú), dịch và chú thích từ Pali ra Anh văn (gồm 99 trang) do nhà xuất



F. MAX MULLER
(1823-1900)

bản Clarendon Press tại Oxford ấn hành quyển (Vol.) 10 trong bộ "Thánh Thư của Đông Phương" (The Sacred Books of the East, viết tắt S.B.E.) năm 1881.

- The Larger Sukhàvati-Vyùha-Sùtra (Description of The Land of Bliss): Kinh Đại Vô Lượng Thọ. Bản kinh này nguyên chép bằng tiếng Phạn, M. Muller tìm thấy tại một ngôi chùa ở Nhật Bản.

- The Smaller Sukhàvati-Vyùha Sùtra (Scripture of the Buddha of Infinite Light): Kinh A Di Đà

- The Vajrakkedika Sùtra (The Scripture of Diamond Cutter): Kinh Kim Cang.

- The Prajna-Pàramità-Hridaya Sùtra (The Heard Scripture): Bát Nhã Tâm Kinh, gồm có hai bài ngắn (The Smaller) và dài (The Larger).

Tất cả bốn kinh trên, M. Muller dịch từ nguyên bản tiếng Phạn (Sanskrit) ra Anh văn, cho in chung với "Buddha-Carita Sùtra" (The Life

of Buddha): Phật Sở Hành Tán Kinh (do E. B. Cowell dịch); và "The Amitayùr-Dhyàna-Sùtra" (Scripture of Meditation on Buddha): Quán Vô Lượng Thọ Kinh (J. Takakusu dịch) thành một tập mang tựa đề "Buddhist Mahayana Texts" (Kinh Đại Thừa Phật Giáo) xuất bản tại Oxford năm 1894, quyển (Vol.) 49 trong bộ "Thánh Thư của Đông Phương" (S.B.E.).

M. Muller còn là tác giả của nhiều bài tiểu luận, khảo cứu Phật Học sâu sắc đăng tải ở các tập san Phật giáo và "Nghiên cứu Đông Phương" (bằng Anh ngữ) khắp nơi.

b) Phiên dịch kinh sách Bà La Môn Giáo:

Ngoài ra, M. Muller cũng đã đóng góp cho sự hiểu biết của mọi người về tư tưởng Bà La Môn giáo qua công trình lớn lao của ông là đã dành 25 năm (1849-1874) để phiên dịch từ tiếng Phạn ra Anh văn bộ "Thánh Tán Ca Rig-Veda" gồm 6 quyển. Bộ sách này được ấn hành tại Oxford do sự tài trợ giúp đỡ của ông đại sứ nước Phổ (Prussia, ở Châu Âu), C.K.J. Baron Von Bunsen, và Công ty Đông Ấn (East Indian Company).

M. Muller cũng dịch bộ sách triết học Upanisad (Áo Nghĩa Thư) của đạo Bà La Môn, do nhà xuất bản Đại học Oxford ấn hành thành hai quyển 1 (năm 1879) và 15 (năm 1884) trong bộ "Thánh Thư của Đông Phương". Hơn nữa, ông còn là bút giả của những tác phẩm giá trị dưới đây:

- 1856: Comparative Mythology (Thần Thoại Đối Chiếu)

- 1859: History of Ancient Sanskrit Literature (Cổ Phạn Văn Học Sử)

- 1861-1863: Lectures on the Science of Language (Những bài thuyết trình về Khoa học Ngôn ngữ)

- 1873: Introduction to the Science of Religion (Khoa Học Tôn giáo Nhập Môn).

- 1884: Biographical Essays (Luận Văn Tiểu Sử)

- 1899: The Six Systems of Indian Philosophy (Sáu hệ phái triết học Ấn Độ).

Trong số những sách của M. Muller, tác phẩm bán chạy và được nhiều độc giả thích đọc nhất là

cuốn "India - What Can It Teach Us?" (Ấn độ có thể dạy chúng ta điều gì?). Nhiều người đọc xong cuốn sách sẽ không còn có thành kiến xấu đối với Ấn Độ; và kinh ngạc thấy ông, mặc dù không sinh trưởng tại Ấn, đã có thể diễn tả sống động, đầy đủ chi tiết về đất nước cũng như dân tộc Ấn Độ. Khi còn trẻ, M. Muller không có tiền đến viếng xứ này; nhưng về sau có tiền, ông lại không có thì giờ.

M. Muller đã mến yêu quê hương Ấn Độ như chính xứ sở của mình mà trong cuốn sách trên, có đoạn ông đã viết hết sức thành thực và cảm động: "Như các học giả thời quá khứ xưa muốn đến viếng Rome (nước Ý) hoặc Athens (Hy Lạp); cũng thế, tôi ước mong (qua Ấn) để nhìn thấy thành phố Ba La Nại (Benares) và tắm trong dòng nước Thánh của sông Hằng" ("Just as scholars of the ancient classical days longed to see Rome or Athens, so do I long to see Benares and to bath in the Holy waters of the Ganges").

Đối trước những vấn đề khó khăn cũng như thuận lợi của Ấn độ, M. Muller luôn có cái nhìn của một người Ấn yêu nước (patriotic Indian), cho nên đồng bào Ấn đã thương kính và xem M. Muller như một người bạn vĩ đại, chân thành của dân tộc họ.

Max Muller qua đời tại Anh quốc năm 1900, để lại nhiều tiếc thương cho các học giả, văn nhân và trí thức Phật Giáo cũng như các tôn giáo khác.

Riêng hàng Phật tử chúng ta "Uống nước nhớ nguồn" sẽ không bao giờ quên ơn M. Muller, một nhà Ấn Độ học lỗi lạc, một học giả Phật Học uyên thâm tài ba, đã góp phần to lớn vào công trình phiên dịch các kinh điển Phật Giáo đại thừa từ Phạn ra Anh văn; cũng như xây nền đắp móng cho sự thành lập, phát triển và truyền bá đạo Phật đến đông đảo quần chúng Phật tử tại các nước Tây Phương trong gần một thế kỷ qua.



THẨM NỖI

*Dương trần đã đến... lệ còn rơi
Thẩm nỗi trầm luân chẳng chịu rời!
Vạn kiếp cuồng quay buồn khắp nẻo
Bao ngày vương bận khổ cùng nơi*

*Hoài mơ chuyện thế nào tâm chuyển!
Tưởng giữ danh phần cứ mộng khơi!
Pháp dẫn xuôi nguồn lên biển tuệ
Già Lam, đạo cả sáng trong đời.*

NGÂM TRĂNG

*Trăng ngàn gọi gió thoảng mùi liên,
Thương chút trà đêm cõi mộng ghiền.
Cảm chuyện ngày thơ cuồng ngộ trúc!
Đùa xuân lão giả ám hương thiên...*

*Dương trần dầu nhem nghe bình thân
Cuộc thế xưa cùng rõ lặng yên
Gỡ hết còn chi mà hỏi đạo...
Canh chày nguyệt khuyết ngắm đời tiên.*

BUỒN VUI

*Buồn vui vẫn đến chẳng hề vơi,
Rõ chuyện thường còn lắm khổ ơi!
Cõi mộng mơ hoài sao nở tới,
Tình thương gọi mãi cứ đang rời*

*Nay nhờ mở kệ khai mờ trí,
Buổi tựa già lam để sáng lời.
Được thế ngày qua bưng cửa tuệ,
Nguyên nương diệu pháp tỏ bao thời.*

thơ **MINH ĐẠO**

Trăng Sáng Trên Đỉnh Núi: Hành trạng và Di sản Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ

BỒN ĐẠT

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Giữa muôn trùng sóng gió của thời đại, một ngọn đuốc trí tuệ đã âm thầm thấp sáng và kiên trì cháy mãi, để rồi khi tàn lụi, ánh sáng ấy không tắt đi mà lan tỏa, bao trùm và soi đường cho vô số thế hệ mai sau. Đó là cuộc đời của Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, người đã đi qua những khúc quanh gập ghềnh của thế sự, từ khởi nguồn nơi một tỉnh lẻ Lào, đến những đấu trường nhân quyền khắc nghiệt, để lại dấu ấn sâu đậm không chỉ trong lòng Phật giáo Việt Nam mà còn trên bản đồ tri thức toàn cầu.

Sinh ngày 15 tháng 2 năm 1943 tại Paksé, Lào, trong một gia đình thuần hậu gốc Quảng Bình, thế danh của Thầy là Phạm Văn Thương. Ngay từ thuở nhỏ, những bước chân non nớt của Thầy đã theo mẹ đến chùa làng, rồi lòng nguyện cầu không biết từ bao giờ bén rễ sâu trong tâm hồn ngày thơ ấu. Trong khung cảnh an bình của ngôi chùa làng, Thầy đã sớm kết duyên với đạo, và một khi đã đứng trước cửa Phật, Thầy không còn muốn trở về nữa. Định mệnh của Thầy đã khởi đầu từ những bước chân hồn nhiên ấy, nhưng lại đi vào một con đường đầy cam go và thử thách.

Năm 1952, chiến tranh loạn lạc đã buộc gia đình phải gửi Thầy đến chùa Trang Nghiêm, Lào, nơi Ngài bắt đầu hành điệu dưới sự dẫn dắt của Hòa thượng khai sơn chùa. Hai năm sau, vào tuổi lên chín, Thầy chính thức được thể phát xuất gia, trở thành một tiểu sa-di, mở ra một hành trình tâm linh đầy nghị lực và hiểm ai sánh kịp. Nhận thấy thiên tư đặc biệt và lòng quyết chí tu học của Thầy, vị Trụ trì chùa Trang Nghiêm đã khuyến gia đình nên đưa Thầy trở về Việt Nam để thuận lợi hơn trên con đường học đạo.

Trở về Việt Nam năm 1960, Hòa thượng đã hành đạo và học tập tại chùa Bồ Đề, Huế. Thầy sống xa gia đình, tự lập giữa những biến động của thời cuộc. Tuy nhiên, trong lòng Thầy không gợn chút nào sự phiền muộn hay hối tiếc, bởi bên cạnh Thầy luôn có



bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa, biểu tượng cho chí nguyện vững chãi, tâm hồn thanh tịnh giữa thế gian đầy nhiễu nhương. Bộ kinh này, tuy sau đó thất lạc trong biển cổ Tết Mậu Thân năm 1968, nhưng đã trở thành biểu tượng của con đường tu học mà Thầy đã chọn, một con đường không lay chuyển, không đổ ngã dù trải qua bao nhiêu thử thách.

Cuộc đời Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ là một hành trình cô độc nhưng kiên định. Ngài đã rong ruổi khắp miền Nam Việt Nam, từ Huế đến Nha Trang, từ Sài Gòn đến Tiền Giang, nương nhờ các tự viện lớn nhỏ để tìm kiếm con đường tu học. Năm 1961, khi mới 16 tuổi, Thầy thọ giới Sa-di tại Sài Gòn dưới sự chứng minh của Hòa thượng Thích Hành Trụ, mở đầu cho một chương mới trong hành trình tu học đầy nghị lực của mình. Những năm tháng sau đó, Hòa thượng đi khắp nơi, không

chỉ để học đạo mà còn để tự tìm hiểu về thế giới quanh mình, từ những ngôi chùa cổ kính đến những trung tâm học thuật lớn. Trong khoảng thời gian này, Thầy đã tìm đến những ngôi chùa nổi tiếng như chùa Phật Ân tại Tiền Giang, nơi Thầy thọ an cư Sa-di giới đầu tiên, và cuối cùng dừng chân tại thiền viện Quảng Hương Già-lam ở Sài Gòn dưới sự dẫn dắt của Hòa thượng Thích Trí Thủ.

Chính tại đây, với sự thông minh và tinh tấn vượt bậc, Hòa thượng bắt đầu tỏa sáng trong lĩnh vực học thuật. Năm 1964, Thầy tốt nghiệp Viện Cao Đẳng Phật Học Sài Gòn và tiếp tục theo học tại Viện Đại Học Vạn Hạnh, phân khoa Phật học. Sự uyên bác của Thầy nhanh chóng được khẳng định qua những công trình nghiên cứu về Phật giáo và triết học Tây phương, đặc biệt là các nghiên cứu về Thể Thân (Vasubandhu), A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận và các tác phẩm liên quan đến Thiền Quán. Đáng chú ý, Thầy đã từ chối bằng Cử nhân do Viện Đại học Vạn Hạnh đề nghị trao tặng, vì Thầy cho rằng học vị không phải là đích đến của người tu học, mà là con đường hành đạo và phụng sự chúng sinh.

Từ năm 1970, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ đã trở thành Giáo sư thực thụ của Viện Đại học Vạn Hạnh, kiêm nhiệm Xử lý Khoa trưởng Phân khoa Phật học. Ngài là một người uyên thâm không chỉ trong Phật học mà còn tinh thông nhiều ngoại ngữ như Anh, Pháp, Lào, Thái, Nhật, Tây Tạng và các ngôn ngữ cổ như Pali và Sanskrit. Hòa thượng đã dành nhiều thời gian để nghiên cứu sâu về triết học Tây phương, từ các tác phẩm của Heidegger đến Heiderlin, và dịch thuật các tác phẩm kinh điển của Phật giáo. Những công trình tiêu biểu của Ngài, như bản dịch các tập "Thiền Luận" của D.T. Suzuki, đã trở thành tài liệu học thuật quan trọng, không chỉ trong giới Phật học mà còn lan tỏa ra khắp cộng đồng học thuật quốc tế.

Cuộc đời Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ không chỉ dừng lại ở giảng đường và sách vở, mà còn là cuộc hành trình đấu tranh không ngừng nghỉ vì nhân quyền, tự do tôn giáo và sự độc lập của Phật giáo Việt Nam. Năm 1973, sau nhiều năm miệt mài nghiên cứu, Thầy chính thức thọ giới Cụ túc tại Đại giới đàn Phước Huệ ở Nha Trang, đánh dấu một bước ngoặt lớn trong sự nghiệp tu học và phụng sự. Tuy nhiên, chỉ vài năm sau, cuộc đời Thầy rẽ sang một hướng khác, đầy gian nan và thử thách.

Sau biến cố 30/4/1975, Hòa thượng đã phải ẩn cư tại các ngôi chùa nhỏ ở miền Trung Việt Nam. Những năm tháng ẩn mình không làm suy giảm chí nguyện của Thầy, mà ngược lại càng làm tăng thêm ý chí kiên cường của Ngài trong việc đấu tranh cho Phật giáo và dân tộc. Năm 1978, Thầy bị nhà cầm quyền bắt giam với lý do cư trú bất hợp pháp, và phải chịu đựng ba năm tù giam không xét xử. Năm 1984, Thầy lại bị bắt cùng Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát và 17 tăng ni, cư sĩ Phật tử khác. Trong phiên tòa kéo dài nhiều ngày vào cuối tháng 9 năm 1988, Hòa thượng và Giáo sư Trí Siêu đã tự biện hộ trước tòa, khẳng định lập trường đấu tranh ôn hòa vì nhân quyền và tự do tôn giáo.

Kết quả của phiên tòa là bản án tử hình cho cả hai, nhưng nhờ sự can thiệp của cộng đồng quốc tế

và các tổ chức nhân quyền, bản án này đã được giảm xuống thành 20 năm khổ sai. Hòa thượng bị giam giữ tại nhiều nhà tù khắc nghiệt như Xuân Lộc, A-20, và cuối cùng là trại giam Ba Sao ở miền Bắc. Trong những năm tháng bị giam cầm, Thầy không chỉ đối mặt với sự tàn nhẫn của chế độ, mà còn giữ vững lòng từ bi, không oán trách mà luôn hướng đến tinh thần giác ngộ và phụng sự chúng sinh. Ngay cả khi trong tù, Hòa thượng vẫn sáng tác thơ, viết văn, và những tác phẩm này đã lan tỏa đến tận hải ngoại, trở thành những biểu tượng của sự kiên cường và lòng từ bi trong tâm hồn của người tu sĩ.

Sau 10 năm bị giam cầm, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ được trả tự do vào năm 1998, sau một cuộc tuyệt thực kéo dài 14 ngày để phản đối việc nhà cầm quyền ép buộc Thầy ký đơn "xin khoan hồng". Khi được phóng thích, Thầy không ngừng nỗ lực phục hồi và phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất. Năm 1999, Ngài được Hòa thượng Thích Quảng Độ đề cử làm Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo, và đến năm 2002, Thầy trở thành Đệ Nhất Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo. Trong vai trò này, Hòa thượng đã đóng góp rất nhiều cho công cuộc đấu tranh đòi quyền tự do tôn giáo tại Việt Nam, đặc biệt là quyền phục hoạt của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất.

Những năm cuối đời, mặc dù sức khỏe suy yếu, Hòa thượng vẫn không ngừng cống hiến cho sự nghiệp phiên dịch kinh điển và giáo dục Phật giáo. Ngài dành nhiều thời gian và tâm huyết để hiệu đính, chứng nghĩa các tác phẩm kinh điển và tổ chức in ấn cho công trình Đại Tạng Kinh Việt Nam. Tháng 3/2019, Đại lão Hòa thượng Thích Quảng Độ đã trao lại ấn tín của Viện Tăng thống cho Ngài, tin tưởng Ngài sẽ tiếp tục lãnh đạo Giáo hội trong bối cảnh đất nước và Phật giáo đang đứng trước nhiều thách thức.

Tháng 10/2020, dù bệnh tình nguy kịch, Thầy trở về nước từ Nhật Bản sau khi các bác sĩ khuyên Ngài nên ở lại để tiếp tục điều trị. Nhưng với lòng yêu thương đất nước và Phật pháp, Thầy đã chọn trở về, quyết tâm hoàn thành những công việc còn dang dở. Dù đại dịch Covid-19 bùng phát và mọi dịch vụ y tế bị đình trệ, Thầy vẫn kiên trì dịch kinh, hiệu đính các tác phẩm và sắp xếp thư mục cho công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam.

Những ngày cuối đời, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ vẫn trọn vẹn một lòng vì đạo, vì chúng sinh. Ngài đã sắp xếp cẩn thận những công việc cuối cùng cho Giáo hội và công trình Đại Tạng Kinh Việt Nam, trước khi thuận thể vô thường, thân thần thị tịch vào ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại chùa Phật Ân, Long Thành, Đồng Nai; trụ thế 79 năm, giới lập 46.

Cuộc đời của Hòa thượng như một ngọn hải đăng, sáng mãi trên biển cả cuộc đời, để lại di sản văn hóa, tri thức, và tâm linh vô giá cho hậu thế.

Sự ra đi của Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ không chỉ là mất mát lớn lao của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất mà còn là niềm tiếc thương vô hạn của Phật tử và những người yêu chuộng tri thức, văn hóa trên khắp thế giới. Tuy nhiên, những công trình và tư tưởng của Ngài vẫn sống mãi, như một ngọn đuốc sáng dẫn lối cho các thế hệ Tăng Ni, Phật tử và người học đạo sau này.



Duy Tuệ Thị Nghiệp: SỰ NGHIỆP TUỆ GIÁC VÀ VAI TRÒ GIÁO DỤC CỦA TĂNG SĨ PHẬT GIÁO

Quảng Tuệ

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Trong thế giới Phật giáo, cụm từ “Duy Tuệ Thị Nghiệp” của Thầy Thích Tuệ Sỹ từng đề cập không đơn thuần là một lời nhắc nhở về con đường tu tập, mà còn là một chỉ dẫn tinh tế về lý tưởng giáo dục Phật giáo. Ở đây, “tuệ” không chỉ mang ý nghĩa là trí tuệ, mà là một trí tuệ đặc thù, tuệ giác, tức là sự hiểu biết sâu sắc về bản chất của thực tại, vượt qua mọi giới hạn của kiến thức thông thường. Trong toàn bộ truyền thống Phật giáo, sự nghiệp giáo dục không chỉ nằm trong việc truyền dạy kiến thức mà là hướng dẫn chúng sinh tiến tới sự giác ngộ, giải thoát khỏi sự ràng buộc của sinh tử.

1. Tuệ Giác Là Nền Tảng Của Giáo Dục Phật Giáo

Trong giáo lý Phật giáo, giáo dục không chỉ đơn giản là quá trình học hỏi và truyền đạt kiến thức. Thay vì đó, nó là sự khai mở trí tuệ, nơi mà người học không chỉ thụ nhận tri thức mà còn phát triển khả năng tự phản tỉnh, tự chiêm nghiệm, và quan sát sâu xa về bản chất của đời sống. Điều này có nghĩa rằng, mọi giáo dục Phật giáo đều phải hướng đến việc khai sáng tuệ giác, giúp người học thoát khỏi vô minh và đạt đến chân lý.

Thầy Tuệ Sỹ đã khẳng định rằng, sự nghiệp giáo dục không nên bị giới hạn bởi những phương pháp hay kỹ thuật giảng dạy, mà phải đặt trọng tâm vào tuệ giác. Trong bối cảnh Phật giáo hiện đại, khi mà các giá trị thế tục, thực dụng dường như đang chiếm ưu thế, việc nhấn mạnh rằng giáo dục Phật giáo không nên chạy theo những mô hình giáo dục hiện đại chỉ nhằm phục vụ các nhu cầu thế gian. Thay vào đó, sự nghiệp giáo dục phải đặt nền tảng trên sự tu tập và khai sáng tâm thức, để người học có thể vượt qua những giới hạn của cuộc sống trần tục, từ đó đạt đến sự giải thoát.

Sự khác biệt giữa giáo dục Phật giáo và giáo dục thế gian nằm ở mục đích cuối cùng của nó. Trong khi giáo dục thế gian thường nhằm đến việc trang bị cho con người những kỹ năng và tri thức để họ có

thể tồn tại và phát triển trong xã hội, giáo dục Phật giáo nhằm đến việc giúp con người nhận ra bản chất thật sự của mình và cuộc sống, để từ đó giải thoát khỏi sự ràng buộc của vô minh. Đối với Phật giáo, mọi hình thức giáo dục phải quay về với mục tiêu cao nhất là phát triển tuệ giác và đạt đến sự giác ngộ.

2. Vai Trò Của Ngôn Ngữ Và Giới Hạn Của Ngôn Ngữ Trong Giáo Dục Phật Giáo

Một điểm nổi bật trong tư tưởng giáo dục Phật giáo của Thầy Tuệ Sỹ là sự phân tích về vai trò của ngôn ngữ trong việc truyền đạt tri thức. Thầy nhấn mạnh rằng, ngôn ngữ, mặc dù là phương tiện quan trọng để diễn đạt ý niệm và tri thức, lại có những giới hạn cố hữu của nó. Lấy tư tưởng của Wittgenstein làm điểm tựa, Thầy chỉ ra rằng ngôn ngữ không chỉ là phương tiện để truyền đạt thông tin, mà còn là khuôn mẫu định hình thế giới quan của chúng ta. Điều này có nghĩa rằng, mọi sự hiểu

biết của chúng ta về thế giới đều được định hình bởi giới hạn của ngôn ngữ mà chúng ta sử dụng.

Trong bối cảnh giáo dục Phật giáo, vấn đề này càng trở nên rõ rệt hơn. Phật giáo, với bản chất sâu xa của nó, thường khó có thể diễn đạt một cách chính xác và đầy đủ qua ngôn ngữ thông thường. Sự giác ngộ, theo nghĩa Phật giáo, không phải là điều có thể truyền đạt qua lời nói, mà là kinh nghiệm trực tiếp, chỉ có thể cảm nhận và hiểu thông qua sự thực hành và chiêm nghiệm cá nhân. Do đó, vai trò của ngôn ngữ trong giáo dục Phật giáo chỉ là phương tiện để dẫn dắt người học đến với sự trải nghiệm thực tại, chứ không phải là cứu cánh.

Thầy Tuệ Sỹ đã dẫn dắt chúng ta đến với một sự thật quan trọng: giáo dục Phật giáo phải vượt qua giới hạn của ngôn ngữ. Thay vì chỉ dừng lại ở việc truyền đạt tri thức thông qua lời nói và văn bản, nó phải mở rộng để đưa người học vào những trải nghiệm trực tiếp, nơi mà họ có thể cảm nhận



được sự thật sâu xa của cuộc sống. Điều này đòi hỏi người Tăng sĩ không chỉ là những người giảng dạy kinh điển mà còn là những người hướng dẫn, giúp đỡ người học thực hành và tự mình khám phá ra chân lý.

3. Sự Dung Hòa Giữa Văn Minh Đông Và Tây Trong Giáo Dục Phật Giáo

Trong bối cảnh hiện đại, khi mà sự va chạm giữa các nền văn minh trở nên rõ rệt hơn bao giờ hết, Thầy Tuệ Sỹ đã đặt ra một câu hỏi quan trọng: Làm thế nào để Phật giáo có thể dung hòa giữa các giá trị truyền thống Đông phương và những tiến bộ khoa học, kỹ thuật của Tây phương? Thầy không phủ nhận những thành tựu của khoa học và kỹ thuật, nhưng cũng nhấn mạnh rằng chúng không thể thay thế được giá trị tinh thần và tuệ giác của Phật giáo.

Thầy nhắc nhở chúng ta rằng, lịch sử Phật giáo đã chứng minh khả năng dung hòa và tiếp nhận các yếu tố văn hóa khác nhau mà không đánh mất bản sắc của mình. Từ khi Phật giáo truyền bá từ Ấn Độ sang Trung Hoa, Nhật Bản, Hàn Quốc, và các quốc gia khác, nó đã luôn biết cách thích ứng với những thay đổi của mỗi nền văn minh mà vẫn giữ được cốt lõi của mình: tuệ giác và sự giải thoát.

Tuy nhiên, trong thế giới hiện đại, sự dung hòa này trở nên phức tạp hơn nhiều, khi mà nền văn minh Tây phương không chỉ mang đến những tiến bộ khoa học mà còn đặt ra những thách thức về giá trị tinh thần và triết học. Thầy Tuệ Sỹ cảnh báo, nếu giáo dục Phật giáo chỉ chăm chú vào việc tiếp nhận những giá trị khoa học mà quên mất cốt lõi tinh thần của mình, tức thì sẽ rơi vào nguy cơ tự hủy hoại. Do đó, giáo dục Phật giáo phải biết cách tiếp nhận những giá trị mới một cách có chọn lọc, đồng thời phải luôn giữ vững bản sắc và mục tiêu của mình.

4. Vai Trò Của Tăng Sĩ Trong Sự Nghiệp Giáo Dục Phật Giáo

Một điểm không thể thiếu trong tư tưởng của Thầy Tuệ Sỹ khi bàn về "Duy Tuệ Thị Nghiệp", là vai trò của người Tăng sĩ trong sự nghiệp giáo dục Phật giáo. Thầy cho rằng, Tăng sĩ không chỉ là những người giữ gìn và truyền bá kinh điển, mà còn là những người hướng dẫn tâm linh, giúp đỡ chúng sinh tìm thấy con đường giải thoát. Trong bối cảnh hiện đại, khi mà các giá trị thế tục đang chiếm ưu thế, vai trò của Tăng sĩ càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Thầy nhấn mạnh rằng, Tăng sĩ không chỉ là những người có nhiệm vụ giảng dạy mà còn phải là những người sống mẫu mực, là tấm gương cho người học noi theo. Trong sự nghiệp giáo dục, Tăng sĩ phải luôn giữ vững tinh thần tuệ giác, không bị cuốn theo những giá trị thực dụng của xã hội hiện đại. Tăng sĩ phải luôn nhớ rằng mục tiêu cuối cùng của giáo dục Phật giáo là giải thoát, không phải là sự thành công thế gian.

Vai trò của Tăng sĩ trong giáo dục Phật giáo cũng đòi hỏi họ phải không ngừng tự tu tập và phát triển tuệ giác của bản thân. Điều này có nghĩa rằng, chúng ta không chỉ là những người truyền đạt kiến thức, mà còn phải là những người luôn tìm kiếm và khám phá sâu xa về chân lý của cuộc sống. Chỉ khi chúng ta tự mình đạt đến sự giác ngộ, mới có thể dẫn dắt người học đi theo con đường đúng đắn.

MÙA GIÓ HÚ

*Vẽ một vòng mưa đông
Ta về thăm phố cũ
Tạ ơn mùa gió hú
Rớt ta chén rượu nồng.*

*Vẽ chi người em nhỏ
Dưới hai tầng mắt nâu
Mặt trời chưa quá ngọ
Son phấn đã bạc màu.*

*Vẽ một vòng vô ngại
Bốn mùa trôi khinh an
Chiều sương chiều xanh ngái
Hương quế tỏa lan tràn.*

*Trên cánh đồng chuông đổ
Mây trời kia thổi bay
Trăng lên trắng lò lộ
Lòng giăng một biển đầy.*

thơ LÝ THỪA NGHIỆP



5. Giáo Dục Phật Giáo Trong Bối Cảnh Hiện Đại: Thách Thức Và Cơ Hội

Trong bối cảnh hiện đại, giáo dục Phật giáo đứng trước nhiều thách thức mới. Những giá trị thực dụng của khoa học và kỹ thuật, mặc dù mang lại nhiều lợi ích cho cuộc sống, cũng đã làm giảm đi giá trị của các giá trị tâm linh. Nhiều người ngày nay coi việc học tập chỉ là phương tiện để đạt được sự thành công vật chất, mà quên mất rằng giáo dục chân chính phải hướng đến sự phát triển tinh thần và tuệ giác.

Tuy nhiên, đây cũng chính là cơ hội để Phật giáo chứng minh giá trị tồn tại bên trong của mình. Trong thế giới đầy rẫy sự xao lãng và lo âu, nhu cầu về một con đường tâm linh, một sự giải thoát khỏi những lo lắng đời thường, càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Giáo dục Phật giáo, với nền tảng tuệ giác và sự giải thoát, có thể trở thành một phương tiện quan trọng để giúp con người tìm thấy sự bình an nội tại và ý nghĩa thực sự của cuộc sống.

Tóm lại, những gì được chia sẻ trong bài "Duy Tuệ Thị Nghiệp," Thầy Tuệ Sỹ đã vạch ra một con đường rõ ràng cho sự nghiệp giáo dục Phật giáo, nơi mà trí tuệ, sự giác ngộ và giải thoát là những giá trị cốt lõi. Vai trò của Tăng sĩ trong sự nghiệp này là không thể thiếu, bởi chúng ta là những người dẫn dắt chúng sinh đi qua những ảo tưởng của cuộc đời để tiến đến chân lý cuối cùng. Trong bối cảnh hiện đại, giáo dục Phật giáo phải biết dung hòa giữa những giá trị truyền thống và những tiến bộ của thế giới, để có thể duy trì và phát triển một cách bền vững.



Trưởng lão Hòa thượng Thích Quảng Hạnh, tự Minh Tánh, hiệu Hoàng Tri, nguyên Tổng vụ trưởng Tổng vụ Tăng sự, Viện Hóa đạo GHPGVNTN, nổi dòng thứ 11 Thiên phái Liễu Quán, khai sơn Chùa Đức Sơn, Tịnh thất Từ Nghiêm, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, đã thuận thể vô thường, an nhiên thị tịch vào lúc 23 giờ 45 ngày 03/10/2024 (nhằm mùng 01 tháng 9 Giáp Thìn), trụ thế 80 năm, 56 hạ lạp.

GIEO RẮC ÁNH VÀNG

*Nguyện soi sáng trần gian bằng tuệ giác
Nguyện cứu đời bằng sữa ngọt yêu thương
Mang hành trang lục độ để lên đường
Đi gieo rắc ánh vàng cho tất cả*

*Và như thế có gì là buồn bã
Sự ra đi như trái rụng ven rừng
Nhìn cuộc đời từng giây phút phé hưng
Như giấc mộng phù vân và ảo ảnh*

*Trong vui khổ không có gì lẩn tránh
Bước lên trên rồi thông thả vào đời
Nơi trần gian giống như một trò chơi
Làm Phật Thánh hay gì gì cũng thế.*

thơ HT. THÍCH QUẢNG HẠNH



CẢM NIỆM AN SƯ
ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH QUẢNG HẠNH tự MINH
TÁNH hiệu HOẢNG TRỊ

– Nói dòng thiền Lâm Tế – Liễu Quán thứ 11.
– Nguyên Tổng vụ trưởng Tổng Vụ Tăng Sự Viện Hóa Đạo G.H.P.G.V.N.T.N
– Khai sơn Đường thượng chùa Đức Sơn – Tịnh thất Từ Nghiêm, Bà Rịa Vũng Tàu

Kính bạch Giác linh Thầy.
Thầy ra đi từ quê hương xứ Quảng miền Trung, dòng dõi Nho gia thanh bạch, mẹ hiền mẫn mợ đạo từ bi. Một hôm nghe lời pháp khai tâm từ chư Hòa Thượng về quê hương Duy Xuyên khai mở, Thầy xin từ giã người mẹ thân yêu, chia tay đoàn Sen non Qanh Vũ chùa Lầu, theo Sư Ông vào Bình Định, được xuống tóc xuất gia nơi Tu viện Nguyễn Thiều.

Dòng sông Thu xanh ngắt chí nguyện

Dáng Chiêm sơn vững chãi bền tâm.

Cho đến khi chú Diệu hóa thân thành một vị Tăng khả kính, thì Sư Ông về với Phật.

Bơ vơ một bóng

Chí nguyện xuất trần

Thầy ra Cổ đô

Dự lớp Liễu Quán.

Đất nước phân ly, lại thêm chiến tranh loạn lạc. Chí nguyện người xuất gia, lợi lạc quần sanh càng thêm nhuần thấm. Thầy làm Giáo thọ, từ Phật học viện Long Xuyên, rồi vào Đồng Nai, trác tích Tông Lâm, lập am phụng dưỡng mẹ già, làm Giáo thọ Phật học Đại Tông Lâm.

Tâm tử lan khắp, trí tuệ toả hương

Hạnh hiểu thanh cao, bao dung độ chúng.

Phật tử Hắc Dịch thỉnh Thầy nhận chùa Đức Sơn. Phật tử quy y, Tăng chúng tự về, kiến lập đạo tràng tứ chúng đồng tu. Cùng nhau nhận đồng pháp vừa sâu thẳm vừa mát ngọt từ Thầy.

Nhà giảng pháp là căn nhà rộng thoáng

Chẳng cần chi để xây vách ngăn che

Nơi khoảng trống gió bốn phương dồn lại

Mát lòng ta khi oi bức trưa hè.

Đúng như vậy, chúng con xuất gia tu học bên Thầy là được trao truyền tinh chất rộng thoáng của vượt thoát nhị biên, tiếp nhận hài hoà trí thức bốn phương hội tụ, làm hành trang tu học để lợi ích cho đời.

Chúng con lớn khôn, Đức Sơn – Từ Nghiêm thành Chúng tu học với thanh quy. Phật tử cung thỉnh Thầy nhận trách nhiệm hướng dẫn Phật tử Chùa Lầu, rồi thêm Phố Hiến. Thầy hoan hỷ đi về, truyền pháp âm bất quyện.

Đến nay chúng con quy tụ bên Thầy có 78 Tỷ-khưu, Phật tử quy y cả hàng ngàn.



HT. THÍCH QUẢNG HẠNH
(1945—2024)

Thầy trụ thế 80 năm, 67 năm Tăng lạp, 56 giới lạp.

Tinh tu thiền định

Ban rải tâm từ

Cung kính chư Tăng

Nghiêm trì giới luật.

Tuy Thầy còn minh mẫn, thấy chúng đệ tử xuất gia đã vững vàng, Thầy sắp xếp giao lại việc chùa, các đạo tràng cho các huynh đệ, chuyên tu nhập thất.

Khi tuổi hạc đã cao, có chút bệnh duyên, Thầy càng chuyên tu miên mật hơn. Lúc trước, Thầy dạy Chúng bằng ngôn giáo, thân giáo, nay Thầy dạy chúng con bằng bài học vô ngôn. Cũng nhờ vậy mà chúng con được có nhiều thời gian bên Thầy hơn, kể cả những vị trú trì có Phật sự ở xa cùng về hầu Thầy. Thầy rất hoan hỷ, thường ban phát cho chúng con nụ cười viên mãn.

Huynh đệ đều về bên Thầy, không thiếu người nào.

Gió thổi tắt đèn – đèn tắt, kinh sách vẫn còn nguyên chữ nghĩa;

Nắng xuyên thủng lá – lá thủng, nếp nhà cứ giữ vững gia phong.

Nay Thầy mãi đi xa rồi. Lời Thầy dạy chúng con vẫn còn đó, chữ nghĩa kinh sách còn đó, pháp âm vi diệu từ Thầy rót vào tâm hoang sơ của chúng con vẫn còn đó.

Nắng Từ Nghiêm chiều hôm lịm tắt

Trăng Đức Sơn lụi khuất vào mây.

Thầy không còn nữa, nhưng chúng con nguyện sẽ giữ vững những gì Thầy mong đợi ở chúng con như lời Thầy thường dạy: "Trong thời đại trần gian đầy nhiễu sóng tâm thức, chỉ có nghiêm trì giới luật thì mới giữ vững được ngôi nhà Phật pháp."

Chúng con cung kính đánh lễ, nguyện làm theo ý chỉ của Thầy.

Nam Mô Việt Nam Phật Giáo Liễu Quán Thiền Phái, Đức Sơn – Từ Nghiêm Đường Thượng, Huyết Thượng Quảng Hạ Hạnh, Tự Minh Tánh, Hiệu Hoảng Trị Giác Linh Hòa Thượng Tôn Sư thùy từ chứng giám.

TM. Môn Đồ Pháp Quyển,

THÍCH NHUẬN CHÂU



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
HỘI ĐỒNG HOÀNG PHÁP

Văn phòng PTK: Chùa Phật Đà, 4333 30th St., San Diego, CA 92104

THƯ CUNG THỈNH / THƯ MỜI
LỄ TIỂU TƯỜNG CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH TUỆ SỸ

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng Ni,
Kính thưa Quý Phật Tử, Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ,

Kính thưa Liệt Quý Vị,

Đề tường niệm, ngày giáp năm của một bậc Tôn Túc mà suốt đời đã phụng hiến cho Đạo Pháp, dân tộc và nhân loại; đã hiến dâng con đường giáo dục tri thức cho nhiều thế hệ hôm nay và mai sau; đã phát nguyện cho công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh được sớm thành tựu viên mãn: *"Hư không hữu tận, ngã nguyện vô cùng."* Dù Hòa Thượng đã chính lý Tây quy, nhưng hình hài và âm hưởng vẫn luôn tồn tại sâu xa trong tâm khảm của mỗi chúng ta, hàng tử chúng đệ tử Phật. Do vậy, Ban Tổ Chức, nhất tâm đánh lễ và kính thỉnh chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni từ bi hoan hỷ quang lâm chứng minh, tham dự buổi lễ được tổ chức tại:

Địa Điểm: Chùa Kim Quang tại số: 3119 Alta Arden Expy, Sacramento, CA 95825

Thời Gian: 10:00 sáng - 1:00 giờ chiều Chủ Nhật, ngày 17/11/2024 (nhằm ngày 17 tháng 10 năm Giáp Thìn)

Số điện thoại liên lạc: Phó Trưởng BTC HT. Thích Từ Lạc, số: **(510) 331-6899** (tiếng Việt) và phụ tá Thư ký: Htr. Tâm Thường Định: **(916) 607-4066** (tiếng Anh)

Đồng thời, trân trọng kính mời, chư vị Thức giả, quý đồng hương, đồng bào Phật tử, cùng quý anh chị huynh trưởng các cấp Gia Đình Phật Tử Việt Nam vui lòng tham dự để cho buổi lễ được trang nghiêm, trọng thể. Nhân dịp này, Hội Đồng Hoàng Pháp cũng trân trọng giới thiệu Lễ ra mắt Thanh Văn Tạng đợt 2 và một số tác phẩm của Cố Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, cũng như các tác phẩm tường niệm về Ngài.

Thành kính cảm ơn và kính chúc quý Ngài, pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ.

Kính chúc quý Phật tử vô lượng an khang, cát tường như ý.

Lạy Phật gia hộ cho tất cả chúng ta trọn tình tôn môn Pháp lữ, trong ý vị Ân Đức hiển dâng.



San Diego, California, Ngày 02 tháng 10 năm 2024

Thay mặt HĐHP, Trưởng Ban Tổ Chức

Phó Thư Ký HĐHP

Tỳ-kheo Thích Nguyên Siêu

Viện Chủ Chùa Phật Đà, San Diego, CA

Một Thoáng Phù Du

NGUYỄN SIÊU

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Thời gian cứ lặng lẽ trôi; trôi như con nước qua cầu. Con nước qua cầu, nước hòa tan vào biển lớn. Một thoáng phù du; phù du thành thiên thu vĩnh tận.

Nhớ mới ngày nào, Thầy cùng anh em có mặt trên Zoom họp bàn về công trình dịch thuật Đại Tạng Kinh, Thầy nói: *"Nền văn hóa giác ngộ của Phật Giáo Việt Nam, cũng là nền văn hóa giác ngộ của nhân loại trên thế giới. Một dân tộc Hùng Lực, Tử Bi và Trí Tuệ đã sản sinh ra bao nhiêu triệu đại Phật Giáo vàng son; đã nuôi lớn bao nhiêu Thiền Sư, Tổ Đức lỗi lạc trên tiến trình tu chứng. Vậy, chúng ta hôm nay không làm hổ thẹn, thất vọng với cha ông, mà phải góp sức, góp phần công đức phiên dịch Đại Tạng Kinh, ước mong Đại Tạng Kinh này mang tinh Hàn Lâm, một giá trị tốt, chất lượng cao như ước muốn."* Lời nói đó, đến hôm nay vẫn còn nghe rõ mồn một trong tâm tư mỗi người, dù Thầy đã về với Phật, về nơi chốn bình an, tĩnh lặng, như nhiên, hay đang đồng hành với chúng con trong mọi phật sự, như tâm nguyện của Thầy, *"Hư không hữu tận, ngã nguyện vô cùng."* Hạnh nguyện làm Bồ Tát trong mọi thời, mọi xứ, nếu Thầy là hạt nắng, thì sẽ là hạt nắng to và rực rỡ nhất; nếu Thầy là hạt mưa, thì sẽ là hạt mưa lớn và tươi mát nhất; nếu Thầy là hạt bụi, thì sẽ là hạt bụi mềm mại nhất để lót chân người đi cho êm ái; và nếu là hạt sương, thì sẽ là hạt sương long lanh nhất của một sớm mai an lành trên đầu ngọn cỏ. Lời Thầy còn đó, còn như lời của bậc Xuất Trần Thượng Sĩ, bậc đi trên và đi trước, như ánh sáng tinh cầu, trong đêm đen mờ mịt: *"Xưa kia, khi vua chúa bắt Sư Tăng cúi đầu nhận tước Lộc của triều đình để làm tôi tớ cho vương hầu, chư Tổ đã sẵn sàng đặt đầu mình trước gươm bén để giữ vững khí tiết, của người xuất gia, bước theo dấu chân vô úy, vô cầu, của các bậc Thánh đệ tử, được gói gọn trong thanh quy: Sa môn bất bái vương giả."*

Một thoáng phù du, như một gang tay dài thời

gian mà chúng con đã đo từ thuở nọ cho đến hôm nay, thấy vẫn không dài hơn, hay ngắn hơn, mà dường như từ thuở hôm nào, tất cả chúng con đều giữ tròn trách nhiệm, bổn phận của mỗi người; nhờ vậy mà lần ấn hành Thanh Văn Tạng đợt hai này sẽ kịp vào ngày Tiểu Tường của Thầy, để Thầy vui. Công sức của quý Thầy Cô trong Ủy Ban phiên dịch Đại Tạng, cũng như chư vị thức giả Cư Sĩ đã làm việc rất chân thành, tích cực trong tâm nguyện phụng sự không hề mỏi mệt. Không nói, chắc Thầy cũng đã biết, còn biết rõ hơn người hiền tiền. Sự biết rõ này chính là một thời Thầy đã tích tập, huân tu vô công dụng hạnh, hay trí vô quái ngại mà giờ này Thầy thể đạt được tự tánh an nhiên trong dòng chảy *"viễn ly điên đảo, mộng tưởng cứu cánh Niết bàn."*

Ngày lễ Tiểu tường của Thầy sẽ được tổ chức trang nghiêm bằng tất cả tấm lòng phụng hiến kính dâng. Một bát cơm Hương Tích, một chén trà Tào Khê của tất cả mọi người có mặt hôm đó. Một nén hương ngũ phần giải thoát, một cái lạy ngũ thể đầu địa, kính trọng đong đầy giá trị của chính nó. Của chính nó, như bài thơ *"Bóng Chà Già."* của Thầy:

*"Mười lăm năm một bước đường
Đau lòng lữ thứ đoạn trường cha ơi
Đêm dài tưởng tượng cha ngồi
Gối cao tóc trắng rã rời thân con
Tàn canh mộng đổ vô thường
Bơ vơ quán trọ khói hương đọa đày."*

Mấy chục năm rồi, chứ không phải chỉ là mười lăm năm, Thầy-trò bao người cùng chung làm việc, khi thì ở trên đồi Trại Thủy, tháp sắt Phật học Viện Hải Đức Nha Trang, lúc ở dưới tòa Kim Thân Phật Tổ hồng gió biển chiều về, lúc thì nơi lớp học Già Lam, ân tình khuya sớm Thầy-trò như dưa muối dưa hấu; khi thì nơi thư viện Vạn Hạnh—phân khoa khoa học ứng dụng, thức trắng đêm mài gỗ, mà đọc... Kể cả từ nơi bệnh viện Nhật Bản xa xôi, cũng điện đàm thăm hỏi, hay bây giờ đau yếu, Thầy nằm trên giường bệnh mà vẫn luôn nhắn nhủ, khuyến khích quý Thầy, Cô, Phật tử hãy gắng làm việc phiên dịch Đại Tạng. Gắng làm để đền ơn chư Phật, để đóng góp cho nền văn hóa Việt nước nhà thêm giàu đẹp. Gắng làm để tiếp nối công trình còn dang dở của cha ông. Nếu không như vậy, thì một thoáng phù du như *"Tàn canh mộng đổ vô thường."* Cuối cùng rồi cũng chỉ là *"Bơ vơ quán trọ."* Nhưng khói hương của lễ Tiểu Tường hôm nay không là đọa đày mà kết thành một đóa tường vân để cúng dường *"Bồ tát bất vong bản thể, bất thoái nguyện lực."* Trong cõi hà sa này. Hình ảnh của buổi lễ Tiểu Tường của Thầy hôm nay, ai cũng nghĩ đến, từ các vị thân hữu thức giả, thi văn, chợ đến các thế hệ người hậu học mà cố thọ ân dạy dỗ của Thầy thì đều hướng lòng về mặt khuyển tâm đánh lễ để sống lại trong ý vị thi ca viên mộng; để sống lại trong ý vị thiền học cao



siêu; để sống lại trong ý vị Phật Pháp mầu nhiệm, để sống lại trong ý thức minh tướng hạo nhiên của chính người.

Một thoáng phù du, như là một chớp thời gian ngắn ngủi. Một cái thoáng qua rồi vụt tắt. Một cái mà con người không thể nắm bắt được, không thể lưu giữ được để khắc thành bia đá ngàn năm trên đỉnh núi Tuyết mà kỷ niệm. Nhưng có hay đâu rằng, một hạt bụi nhỏ rơi vào mắt thì xốn. Một đốm lửa nhỏ đốt cháy cả núi Tu Di. Một "Chú Sỷ" nhỏ giờ đây như là "Đại Sĩ", như tiếng hồng chung ngân dài bất tận, vượt thời gian, không gian, vượt luôn ý niệm của lòng người đến cõi vô biên tế. Chỉ là một thoáng phù du mà ngàn năm chưa để đã ai quên.

Một thoáng phù du chợt loé lên trong tâm ý của Thầy; trong tâm hồn thi ca tuyết tác, diêu vợi, phiêu diêu, phất phơ với ánh trăng ngàn, để thấy lại chính mình giờ như độc hành kỳ đạo; giờ như độc ảnh trong góc phòng rong rêu ẩm mốc; hay chỉ có riêng mình trong "Biệt Cảnh Phòng".

*"Ngã cư không xứ nhất trùng thiên
Ngã giới hư vô chân cá thiên
Vô vật, vô nhơn, vô thậm sự
Toạ quan thiên nữ tán hoa miên."*

Kỷ niệm ngày lễ Tiểu Tường của Thầy để ôn lại hành trạng sự nghiệp của Thầy một thời hy hiến hết mình cho nhân loại, cho dân tộc, quê hương. Hy hiến từng trang chữ nghĩa thâm trầm, kỳ tuyệt như lời tựa Tô Đông Pha Những Phương Trời Viễn Mộng: "Những thảm họa lịch sử, vì những tham vọng cuồng dại si ngốc của con người, càng lúc càng đổ dồn lên cuộc lữ. Thi đã đổi cách điệu trở thành những âm vang thống thiết của Ly Tao Kinh. Cuộc lữ trở thành cuộc đày ải; Thi cũng trở thành ẩn tình hoài vọng Quê Hương; hoài vọng những phương trời viễn mộng của Quê Hương."

Như lời tựa Thăng Man Giàng Luận: "Bản kinh Thăng Man này được dịch và giải vào một thời điểm mà dấu ấn của nó mãi mãi không phai mờ trong tâm trí của những chứng nhân lịch sử... Từ đó cho đến nay, một, hoặc nhiều thế hệ đã ra đi, biến mất trong bóng tối của đêm dài sinh tử; nhiều thế hệ mới ra đời. Phôi bào trong Như Lai Tạng vẫn liên tục kết rội rã, thành rồi hoại: Dòng tương tục vẫn tiếp nối không ngừng:

"Năm tháng vẫn như nụ cười trong mộng."

Nhất tâm đánh lễ Giác Linh Thầy luôn sát cánh với chúng con, những người Pháp lữ, học trò, Thiên Hữu Tri Thức, Phật tử... để hoàn thành mọi Phật sự như tâm nguyện Thầy để lại.

Chùa Phật Đà San Diego,
California ngày 06 tháng 10 năm 2024

Khế thủ

Con,

Nguyễn Siêu



VỚI MƯA KHUYA...

*Mưa rơi trên mái nhà ta
Thanh âm đậm nhạt chợt xa chợt gần*

*Đêm nằm nghe tiếng mưa ngân
Rửa trôi bao niệm tham sân não phiền*

*Mưa rơi giọt giọt điềm nhiên
Đâu hay có kẻ lặng yên... khuya rồi...*

*Sớm mai tỉnh giấc tỉnh khô
Giọt sương ngon cỏ trên môi nụ cười...*

TẮT MỘT BAN MAI

*Đám mây thả lời trong veo
Trong khu vườn ban mai thừa thãi tiếng chim
Những bông hoa bung nở tự bao giờ
Khoảng lặng bình yên của riêng một ai đó
Trông có vẻ hoàn hảo*

*Khước từ lao xao bàn chân người
Nơi đây chỉ có âm điệu của gió
Tiếng côn trùng kêu hãnh trên ngai vàng làm
bằng xác lá mục
Bây kiến nhỏ hoan hỉ ca vang*

*Đừng nói gì nhé em
Hãy thỉnh lặng và mặc tình ngắm những đóa hoa
sương đang khép nở
Trước khi muôn vàn tia nắng trời ủa về bản gặt
Và giờ tay tắt vội một ban mai...*

thơ **TÌNH BÌNH**



Đi tìm trái tim đã vỡ

THÍCH NỮ KHÁNH NĂNG | HẠNH THÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Kính lạy Thầy!

Kính lạy Thầy, bậc Thầy lớn của Phật Giáo Việt Nam, là nơi nương tựa của hàng tử chúng.

Kính lạy Thầy, Pháp thân thường trụ, hoá thân Người khắp cõi hư không.

Kính lạy Thầy, Người đã cho con thêm một lần nữa được sinh ra trong Pháp.

Kính lạy Thầy, nhục thân Người tan biến bốc thành mây trời, lang thang khắp cõi hư không, nhưng đời sống Người đã là một phần máu thịt trong con.

Thầy ơi! Tây nguyên se se lạnh, tiếng côn trùng rả rích đầu đông. Trong quặng im lặng của núi rừng tịch liêu là sự đong đầy của mệnh mộng nổi nhớ. Con nhớ những giờ trà bên Thầy; nhớ những lúc chỉ biết lặng im bên Thầy khi Thầy bệnh; nhớ sự im lặng cũng là bài Pháp vô ngôn mà Thầy trao cho con; nhớ căn phòng nhỏ nơi Thầy an cư, dịch kinh và viết sách mà ngày ngày hai cô trò con được lui tới pha trà dâng Thầy. Với con, Thị Ngạn Am nơi Thầy ở hai năm cuối đời ở Long Thành cũng chính là trường thất Duy-Ma nơi chư Hiền Thánh Tăng Bồ-tát đồng cư và cũng là nơi Thầy tiếp mười phương khách. Thầy viết cho mình, hay cho những ai có duyên được bước vào trong đó khi đề bốn chữ "Huyền Thân Mộng Trạch" (Thân này huyền; chỗ ở này như mộng)?

Như huyền. Như mộng. Từ khi Thầy nhập diệt, con đã kinh nghiệm sự mộng huyền ấy trong từng sát-na sinh diệt của thân tâm, của ngoại cảnh. Một năm qua đi. Đây là tri giác về thời gian? Tri giác về khoảng cách? Hay tri giác về siêu nghiệm? Cái gọi là nổi nhớ đong đầy trong con lúc này là gì, khi mà theo quan điểm của A-ti-đam, không một cái gì tồn tại qua hai sát-na? Như vậy, cái gì có tác dụng, cái gì đó phải ở trong thời điểm hiện tại. Nhưng ký ức về Thầy trong con không cùng xuất hiện đồng thời. Khi con nghĩ về Thầy lúc dịch kinh viết sách thì Thầy lúc an nhiên tịnh toạ thuộc vị lai, chưa xuất hiện. Khi con nghĩ về Thầy lúc an nhiên tịnh toạ, thì Thầy lúc dịch kinh viết sách đã biến mất vào quá khứ, Thầy lúc uống trà chưa có mặt. Vậy, hiện tại con nghĩ về Thầy là gì? Theo Tâm lý học hiện đại, thì đó chính là hiện tại giả tưởng, hay hiện tại mao tự. Bằng nội quan, hay tri giác của người tu định, thì đó là chuỗi liên tục của nhiều sát-na con nghĩ về Thầy; sát-na đi vào trong quá khứ vẫn tồn tại và được nắm giữ bởi yếu tố niệm, định và huệ.

Viết về Thầy thì nên viết từ góc độ nào: Chân lý quy ước với những cặp phạm trù đối đãi: đến-đi, sanh-tử...? Hay trong Pháp thân Pháp thể thường hằng? Con cũng không biết nữa. Chỉ biết rằng ý thức thời gian trong con là sự tiếp nối tương tục của nhân và quả; của nổi nhớ tinh tuyền như giọt nước đầu non. Nó là bóng nắng huyền hoá rọi xuống dòng sinh tử vô tận. Vậy thì một năm qua đi cũng chỉ như một cái chớp mắt của giấc mộng đầu hôm; giấc mộng tử-sinh nổi dài qua bao kiếp sống của những chúng sanh vốn cứ mang trong mình Bồ-đề nguyện

và Bồ-đề hành, phải không Thầy?

Thầy ơi! Hằng ngày con vẫn dâng trà lên Thầy như trước đây khi con còn được ở gần bên Thầy. Con biết Thầy chưa từng bỏ con ra đi, vì Pháp thân Thầy vốn bất sanh bất diệt. Nhưng điều mà con cảm nhận rõ ràng trong từng nhịp đập của trái tim mình đó là sự cô liêu của cánh hạc lẻ loi đi về trên đỉnh đồi tịch lặng.

Từ ngày Thầy mất, con vốn đã lặng lẽ nay lại càng lặng lẽ hơn. Ngày ngày trong thư phòng nhỏ chất đầy kinh sách, rồi con cũng hiểu ra: thân giáo của Thầy, những trang sách Thầy để lại, ký ức về Thầy trong tâm con là Pháp thân thanh tịnh của Thầy. Thầy luôn ở đó, bên con, trong con, mỗi khi con nghĩ về Thầy.

*"Khê thanh tiện thị quảng trường thiệt
Sơn sắc vô phi thanh tịnh thân
Đạ lai bất vạn tứ thiên kê
Tha nhật như hà cử tợ nhân."*

(Tiếng suối reo là tiếng thuyết Pháp
Màu núi là Pháp thân thanh tịnh
Đêm đó tám vạn bốn nghìn kê
Ngày sau nói lại làm sao đây?)

Thầy ơi! Có phải Thầy dạy con những lúc nhớ Thầy hãy lắng nghe tiếng suối róc rách trước hiên thất để nghe ra lời dạy của Thầy? Hay vì con lắng nghe con, lắng nghe mọi sự bằng xúc cảm của chính con, nên đầu đầu cũng là tiếng thuyết pháp của Thầy, của mười phương cõi Phật?!

Thầy ơi! Có phải trong cõi "bặt tiếng lời" của tự tâm, trong quặng im lặng của núi rừng tịch liêu để lắng nghe, thì màu núi cũng chính là Pháp thân thanh tịnh? Thầy ơi! Đất trời vô ngôn mà dòng pháp âm bất tuyệt luân lưu, thì biết nói làm sao?!

Thầy ơi! Nhớ có lần con thưa Thầy: 'bài thơ Mộng Ngày của Thầy chỉ cần nhớ bốn câu thôi.' Thầy hỏi: 'Bốn câu gì?' Con đọc lên, "Từ tiếng gọi màu đen đất khổ/ Thấp tâm tư thay ánh mặt trời", đến câu "Ta đi tìm trái tim đã vỡ" thì tâm con nghẹn lại. Những giọt nước mắt nóng như chực sẵn để tuôn rơi, để hoà chung trong Đại Bi Tâm mệnh mộng của Bồ-tát hạnh nguyện. Con im lặng, không đọc tiếp. Thầy biết người đệ tử nhỏ của mình đã bắt đầu bước đi trên lộ trình miền viễn này, đã kinh nghiệm sự vụn vỡ trong chính hình hài bằng xương bằng thịt này, nên Thầy đã đọc tiếp: "Đối thời gian ta gặm hư vô." Và Thầy trò lại tiếp tục uống trà...

Thầy ơi! Con lại tiếp tục hành trình đi tìm trái tim đã vỡ. Bất thời chuyện.

Đệ tử kính lạy Giác Linh Thầy và lạy tạ ân đức giáo dưỡng của Thầy.

Con,

Thích Nữ Khánh Năng | Hạnh Thân

(*) "Ta đi tìm trái tim đã vỡ" (câu thơ trích từ bài *Mộng Ngày* của HT Tuệ Sỹ)



ĐI VỀ VÔ TẬN

(Kính dâng Giác linh HT. Thích Tuệ Sỹ)

*Siêu phương bát ngát
chập chùng
Sa bà mộng寐
Chân dừng
gieo duyên
Phong trần du thủ đảo điên
Cỏ nghiêng che cát giữa thiên đường mù
Gậy thiền gõ động phù hư
Trong veo đáy mắt oán thù không vương
Bàn hoàn bát lệ vô ngôn
Tịnh quang cúng Bụt chén cơm thoát trần
Tâm không
Quá khứ nắng tàn
Giấc mơ kinh dị cũng tan dậm dài
Hàn lâm nhật nguyệt hai vai
Chân quê nón lá quai cài gió reo
Mưa sa giá buốt đỉnh đèo
Quay về thiên cổ trôi theo viễn trình
Đêm tù vá áo chép kinh
Rừng khuya ngóng đợi bóng bình minh soi
Dạt dào khúc điệu rong chơi
Du dương bẻ vụn mặt trời đỏ hoe
Vô chung vô thủy trôi bè
Dấu rêu vô úy động lẽ lau xanh
Triều dâng võ nhịp tử sinh
Ngàn xưa ám khói đã thanh tịnh miền
Một ngày phiêu hốt thiêng thiêng
Đi về vô tận
Cõi thiền đón chân...*

CUNG ĐÀN

*Cung đàn
núi lạnh biển im
Trắng treo hạt muối thả chìm đáy sâu
Cánh chim sà xuống bóng tàu
Hôm qua vĩnh viễn
Ngày sau tương phùng
Nốt thăng bi mãn lưng chừng
Nhớ thương nốt giáng
hội cùng âm ba...*

*Cung đàn
ru cõi người ta
Vuốt ve vách đá cõi già cô đơn
Hôn lên môi tắt dỗi hờn
Nhiệm màu hương sắc bôi trơn phiêu bồng*

*Cung đàn
lướt dạ rồng không
Ru đêm ngục tối tro hồng lụi khoai
Chênh chao cuộc lữ
mệt nhoài
Khúc ca du tử rung vai gầy buồn*

*Cung đàn
bất tận đồng trường
Cò xuyên nắng quai nghịch thường bay xa
Ngàn sao quán trọ sườn nhà
Trần gian mấy chốc
Chạm va vài mùa*

*Cung đàn
thăng được làm vua
Hoàng ngưu nghênh ngang chào thua thiết
tình
Nhịp thơ đứt ruột để dành
Mang về cõi mộng
Cung đàn vô biên...*

thơ

VĨNH HỮU TÂM KHÔNG

Thiên Lý Độc Hành

HẠNH CHI

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Thời gian như bóng câu qua cửa, ngỡ thoáng chốc mà sáng rồi tối, ngày rồi qua tháng, tháng rồi qua năm, niên kỷ qua thiên niên kỷ, tưởng như:

Không năm, không tháng, không ngày.

Thời gian là hạt bụi bay vô thường ...

Những hạt bụi vô thường lặng thầm đến rồi đi, nhưng cũng trong lặng thầm, vẫn ẩn hiện những dấu mốc thời gian mà hạt bụi khó phai mờ với lịch sử, với lòng người...

Một dấu mốc trong tháng 11 năm nay, cùng dấy lên trong lòng những người từng được thọ nhận sự quan tâm nhắc nhở, sự chỉ dạy, sự yêu thương từ vị Thầy khả kính. Ngày 12 tháng 11 năm 2024, là đúng một năm, từ ngày 12 tháng 10 năm Quý Mão, Hoà Thượng thượng Nguyên hạ Chứng, hiệu Tuệ Sỹ đã rời cõi tạm Ta-bà.

Hương án tưởng niệm Thầy được đặt tại chùa Phật Ân, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, nơi Thầy an trú những ngày tháng cuối.

Dường như những ai đủ duyên tới thắp nhang, dâng lễ trước di ảnh Thầy, lòng đều bồi hồi rung động trước ánh mắt dịu dàng mà như nhìn suốt muôn sự, muôn nơi.

Bốn chữ **"Thiên Lý Độc Hành"** trang trọng ghi trên di ảnh, toả xuống không gian ngạt ngào hương sắc của những cặp câu đối ẩn hiện bước chân thiên lý độc hành.



Một lần, được phước báu quỳ giữa không gian đó, bỗng nhiên một, trong những cặp câu đối quanh phòng chợt nhập tâm, rồi ở lại trong tâm như đã được khắc ghi trên đá:

**"Hồi gió Trường Sơn, mặc khách về đâu?
Chi thấy trắng ngàn mơ huyền thoại."**

Gọi triều Đông Hải, cô thuyền ẩn tích! Nào hay vết nhận lần từng không?"

Ồi, Trường Sơn uy vũ che chở tinh thần "năm mươi con theo cha lên núi" có thấy khách độc hành đã về đâu? Trường Sơn chỉ thấy trắng ẩn hiện ảo huyền!

Ồi, triều Đông Hải muôn trùng sóng vỗ ôm ấp tinh thần "năm mươi con theo mẹ xuống biển" có thấy bóng con thuyền đơn lẻ nơi nao? ngoài vết chim nhận vẫn hoà cùng không gian!

Dòng giống Tiên Rồng tiền nhân tạo dựng từ thưở sơ khai vẫn tiềm ẩn sâu xa, nên gió Trường Sơn không thấy mặc khách nhưng lại báo cho biết là trắng còn đó, trắng chỉ ẩn hiện chứ có bao giờ mất!

Triều Đông Hải cũng lắc đầu, vì con thuyền đơn lẻ đã mất dấu, nhưng lại nhắc cho rằng mất mà không mất đâu, vì như bóng chim nhận, tuy chỉ bay ngang nhưng vẫn đang hoà nhập vào không gian.

Như ngọn nến được thắp lên, bóng tối tự lui tan, cho niềm cảm xúc trào dâng hai hàng lệ, không gì cầm giữ được! Đây là những giòng lệ hạnh phúc nên hãy cứ khóc! Cứ khóc đi! Khóc trong chan hoà ân đức thọ nhận từ những bước thiên lý độc hành, lặng thầm mà toả rạng hào quang dẫn lối cho bao bước chân còn lao đao trong đêm tối!

Khi xưa, do hoàn cảnh giặc già ở quê nhà mà một chú đệ tử chùa Trang Nghiêm, tỉnh Palsé, là gốc Việt Nam, đã sinh trưởng tại Lào. Ngoài công việc của các chú đệ tử là lau chùi bàn thờ, thỉnh chuông, quét lá... chú đệ tử thường chui dưới bệ thờ Phật để học kinh điển. Chú tự sưu tra mà hiểu nghĩa từ kinh, luật, luận, rồi ghi ghi, chép chép, làm thầm học thuộc những bài chú từ nguyên bản tiếng Phạn. Chú học tới quên ăn, quên ngủ khiến vị trụ trì cảm thương, đã bàn với quý Thầy ở Huế để chú được về quê hương, hầu thuận lợi hơn trong việc học. Đó là cơ duyên chú đệ tử bé bỏng sinh Lào, trưởng Việt.

Tại Việt Nam, chú được đưa ngay về Huế, nơi thời đó được coi là cái nôi Phật Giáo. Tại đây, chú được nhận Pháp danh Nguyên Chứng. Từ đây, chú đệ tử Nguyên Chứng như cá kinh được thả về đại dương, như chim phượng hoàng được tung cánh trên không gian bao la, như gió, như mây, thông dong khắp mười phương ba cõi, và trí tuệ siêu việt toả sáng mênh mạng. Với bản chất độc lập, chú đã một mình rong ruổi qua những giải quê hương gấm vóc, từ quê miền Trung rồi vào miền Nam, tới đâu thì tùy thuận tùy duyên tạm dừng am, miếu, xóm làng.

Trên con đường tự học, chú rất kính ngưỡng và

kham phục ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ, đến mức chủ đã xin phép bốn sư để có tên hiệu là Tuệ Sỹ, lấy từ chữ đầu và chữ cuối tên vị thiền sư danh tiếng đời Trần.

Từ khi mang danh hiệu này, chú không còn là chú điều Nguyên Chứng năm xưa nữa vì Thầy Tuệ Sỹ đã là ngôi sao sáng trên các Đại Học Phật Đường, phụ trách những chương trình gay go về giáo pháp như Triết Học Tánh Không, Trung Quán Luận, A Tỳ Đạt Ma, Đại Cương Thiền Quán, rồi qua tư tưởng triết học Tây Phương, Đông Phương, văn học Trung Hoa..., v.v... và cả các bộ môn nghệ thuật như dương cầm, vĩ cầm, đàn tranh, sáo trúc... Thầy đều an nhiên tự tại tìm hiểu, nghiên cứu tới đâu thì tự học tới đó! Vậy mà, ở bất cứ bộ môn nào, Thầy đều khiến người thưởng ngoạn sửng sốt như một nghệ nhân chuyên nghiệp!

Phải chăng Thầy đã:

Độc Hành từ khi còn là một chú điều, chui dưới gầm ban thờ Phật để học kinh điển?

Độc Hành ở tuổi thành niên khi là giảng sư các Đại Học Phật Đường, thăm lặng đến mức có giai thoại khi Phật Học Viện Hải Đức ở Nha Trang báo tin với các tăng sinh là sẽ có một vị giảng sư mới trong niên khoá, mà buổi học đầu, Thầy đã đứng trên bục giảng, tăng sinh vẫn ngỡ ngác nhìn quanh, chờ vị giảng sư!

Theo lời tâm sự của một tăng sinh năm xưa, mà nay là trụ trì một ngôi chùa ở Nam Cali thì tăng sinh không ngờ đó là vị giảng sư mới vì Thầy còn quá trẻ, quá đơn giản trong tấm áo nhật bình!

Độc Hành ở tuổi trung niên khi quê hương chìm trong oan nghiệt, bất công, đọa đầy! Thầy đã bị nhà cầm quyền bắt giam, vì tội "Âm mưu lật đổ chính quyền" khi Thầy đã nói thay cho những người không còn được quyền nói! Làm thay cho những người không còn được quyền làm! Với trọng tội bị kết án như thế, Thầy đã phải nhận bản án tử hình!

Độc Hành ở lời khẳng khái sau hơn mười lăm năm lao tù, với sự tranh đấu quyết liệt của các cơ quan nhân quyền khắp thế giới, những kẻ tước đoạt nhân quyền của Thầy đã phải nhượng bộ. Họ vào nhà giam, đưa Thầy bản văn xin khoan hồng đã soạn sẵn, bảo Thầy chỉ ký tên là được thả ngay! Thầy đã mỉm cười, lắc đầu: "Tôi không có tội gì để phải xin khoan hồng!" Và Thầy quay về phòng giam, tuyệt thực!

Thầy đã củng dường lên Đức Thế Tôn bất cơm hiếm hoi nơi tù ngục, như lời trình tấu nỗi đau thương chốn thể gian:

*Phụng tử ngục tù phạm
Củng dường Tỏi Trắng Tôn
Thế gian trường huyết hận
Bình bát lệ vô ngôn! (*)*

Với tâm từ bi mẫn ái, dù bao oan khiên ập xuống Thầy cũng không hề oán hận ai:

*Tình chung không trả thù người
Khuất thân cho trọn một đời luân lưu! (*)*

Kể sao cho hết những bước độc hành trên muôn dặm trường thiên lý mà Thầy Tuệ Sỹ đã an nhiên, thăm lặng đi qua ...

Phải chăng chính sự an nhiên, thăm lặng đó là sức mạnh vô song của khối nam châm, đã khai mở trí huệ, đã thu hút, đã dẫn dắt và đã khiến những ai đủ duyên thọ nhận, được là những Đoàn Đồng Hành với bước Độc Hành vi diệu của Thầy!

Lặng tâm quán sát những bối cảnh xã hội cận đại mà nhận diện Đoàn Đồng Hành qua tinh thần phẩm Tụng Địa Dũng Xuất trong Kinh Pháp Hoa để vững tin cất bước.

Nhìn xa hơn thì sau thời công phu, xả toạ thiền, rồi thăm lặng thành tâm, cơ may có thể thấy thấp thoáng đường lên Yên Tử, có một bóng người độc hành, vấp ngã nhiều lần vẫn gượng đứng dậy, cố bước nhanh hơn như bị thúc đẩy bởi quyết tâm nào trong lòng... Lên tới đỉnh núi, hai bàn chân người ấy đã sưng vù và rớm máu nhưng vẻ mẫn nguyện hiện rõ trên gương mặt khi tiến vào thạch động. Đó là vua Trần Thái Tông âm thầm rời cung điện, lên núi Yên Tử tìm thiền sư Phù Vân với ý định đi tu. Thiền sư đã khai thị cho nhà vua là "Phật ở trong Tâm". Đất nước còn đang cần Ngài, muôn dân còn đang cần Ngài, chưa thể bỏ ngang trách nhiệm mà lên núi ẩn tu được.

Nhà vua đã dời Yên Tử với tín tâm vững chắc "Phật ở trong tâm" để trở về làm một vị vua anh minh, nhân hậu, đem lại thái bình cho đất nước, thịnh vượng cho muôn dân. Khi những gì cần làm, đã làm, vua Trần Thái Tông nhường ngôi ngay cho Thái Tử rồi về rừng Vĩ Lâm, đất Hoa Lư, lập am Thái Vi, dốc lòng tu học.

Trang sử vàng son đời Trần có được chính là nhờ vị vua đầu tiên đã biết đem trí huệ Bát Nhã gieo hạt Bồ Đề trong tâm kiên cố, dựng nên cả một triều đại huy hoàng, hưng pháp với những vị vua tâm thành mộ đạo; nhất là đời vua Trần Nhân Tông đã khai sáng giòng Thiền Trúc Lâm trên núi thiêng Yên Tử, như nguồn suối vi diệu chảy mênh mang bất tận đến ngày nay ...

Xin muôn vàn tạ ơn những bước chân Độc Hành từ ngàn xưa đến ngày nay đã toả sáng soi đường cho bao bước nường theo, để được Đồng Hành, kịp tránh néo hiểm nguy xấu ác mà bình an đạo-lộ.

Riêng huynh đệ chúng con, dù kẻ đang trời Đông hay trời Tây, người đang hưởng Nam hay nẻo Bắc, đều mong ngày gặp gỡ Sư Phụ được hội ngộ để cùng nhau thấp nén nhang thớm bái vọng Sư Phụ, cùng ôn những lời được dạy dỗ, cùng ngắm "trăng ngàn mơ huyền thoại", cùng dõi nhìn "vết nhận lằn tảng không" mà thăm thấu là Sư Phụ chưa từng rời xa đàn con đại.

*Tạ ơn Thầy chỉ dạy
Lượng cả tựa non cao
Đệ tử trí hạn hẹp
Đền đáp được là bao!
Chỉ nguyện xin y giáo
Phụng hành trước như sau
Nường nguồn Tuệ-Bất-Khê
Qua sông, một nhịp cầu.*

Đệ tử Hạnh Chi

Khế thủ cần bái

(Hạ chí, Giáp Thìn niên 2024

Ngày đời Tào-Khê tịnh thất, về Tịnh-Cư-Am)

(*) Thơ Thầy Tuệ Sỹ.

HÒA THƯỢNG THÍCH TUỆ SỸ

Nhân Cách Lý Tưởng Giữa Dòng Lịch Sử Thăng Trầm của Đạo Pháp và Dân Tộc

THIỆN ĐỨC

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Trong dòng chảy của lịch sử Phật giáo Việt Nam, không ít những vị chân tu đã khẳng định vai trò tiên phong của mình trong việc duy trì và phát triển Giáo Hội. Tuy nhiên, hiếm có ai đạt được đỉnh cao của sự hòa hợp tuyệt đối giữa đạo đức, trí tuệ và tầm nhìn chiến lược như Hòa Thượng Tuệ Sỹ (1945-2023). Ngài đã sống và dâng hiến trọn đời mình cho Đạo Pháp, không chỉ qua những bài giảng, những tác phẩm học thuật, mà còn bằng chính cuộc đời gương mẫu của mình. Với nhân cách lý tưởng, Ngài đã trở thành một biểu tượng sống động cho Phật giáo Việt Nam hiện đại, đặc biệt trong bối cảnh đầy biến động của đất nước.

Hòa Thượng Tuệ Sỹ là hiện thân của một bậc trí giả, người kết nối chặt chẽ giữa lý tưởng Bồ-tát đạo và tinh thần yêu nước, thể hiện sự dung hòa tuyệt diệu giữa tư tưởng Phật giáo và các giá trị văn hóa, lịch sử của dân tộc. Ngài không chỉ là người lãnh đạo tôn giáo mà còn là biểu tượng của sự kháng cự phi bạo lực, đứng lên bảo vệ chân lý và chính nghĩa khi đất nước trải qua những thời kỳ đen tối. Đối với Ngài, Đạo Pháp không chỉ là lý thuyết trừu tượng mà là một hành động sống động, cụ thể và thực tiễn, không chỉ nhằm giải thoát cá nhân mà còn là sự cứu độ cho cả cộng đồng. Chính tầm nhìn sâu sắc đó đã giúp Ngài luôn kiên định trong mọi hoàn cảnh, dù trong những lúc Giáo Hội bị đe dọa hay đất nước đứng trước những ngã rẽ của lịch sử.

Hòa Thượng Tuệ Sỹ không ngừng nhắc nhở rằng Phật giáo phải luôn là ngọn đuốc soi đường cho mọi hành động vì lợi ích chung của xã hội, đặc biệt là trong những giai đoạn mà đạo pháp và dân tộc cùng đối mặt với khó khăn. Từ những bài giảng, lời dạy của Ngài, chúng ta thấy được tầm quan trọng của sự kết hợp giữa trí tuệ và lòng từ bi trong việc đối diện với thử thách. Đạo Pháp đối với Ngài không đơn thuần là sự giác ngộ của cá nhân, mà là phương tiện

để góp phần xây dựng một xã hội công bằng, hòa bình, và phát triển.

Nhân cách lý tưởng của Hòa Thượng Tuệ Sỹ được hình thành trong một bối cảnh lịch sử đầy biến động. Sinh ra vào thời kỳ chiến tranh, lớn lên trong giai đoạn chia cắt và thống nhất đất nước, Ngài đã trải qua những giai đoạn thăng trầm của Đạo Pháp lẫn dân tộc. Tuy nhiên, điều làm nên sự vĩ đại của Ngài chính là khả năng giữ vững tinh thần trong mọi hoàn cảnh. Ngài đã vượt lên trên những khó khăn để trở thành nguồn cảm hứng cho hàng triệu Phật tử, không chỉ ở Việt Nam mà còn trên khắp thế giới.



Triết lý Phật học và những giá trị đạo đức trong tư tưởng Hòa Thượng Tuệ Sỹ

Một trong những điểm sáng nổi bật nhất trong nhân cách của Hòa Thượng Tuệ Sỹ là khả năng dung hòa giữa lý tưởng triết học Phật giáo và những giá trị đạo đức, xã hội của người Việt. Ngài không chỉ đơn thuần là một học giả uyên thâm trong các kinh điển, mà còn là người đã thực hiện Bồ-tát hạnh một cách trọn vẹn trong cuộc sống của mình. Đối với Hòa Thượng, việc thực hành Phật giáo không phải chỉ dừng lại ở các nghi lễ hay hình thức bên ngoài, mà quan trọng hơn, đó là sự thực hành tinh thần Bồ-tát đạo ngay trong lòng xã hội, giữa những thăng trầm của lịch sử.

Trong tư tưởng của Ngài, Bồ-tát đạo được hiểu như là con đường dẫn đến sự giải thoát không chỉ cho bản thân mà còn cho toàn thể chúng sinh. Từ bi và trí tuệ là hai giá trị cốt lõi được Ngài không ngừng nhấn mạnh, nhưng điểm đặc biệt là cách Ngài hòa quyện chúng vào trong bối cảnh của dân tộc và lịch sử Việt Nam. Ngài nhận thức sâu sắc rằng, để phát huy và bảo vệ Chánh Pháp, người con Phật không thể đứng ngoài cuộc đời, mà phải tách biệt khỏi những biến động xã hội và chính trị.

Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã từng nói, *"Tâm Bồ-đề không thể tách rời khỏi xã hội, bởi vì chính trong lòng xã hội mà Bồ-đề hạnh được thử thách và được trưởng thành."* Chính từ sự hiểu biết này, Ngài đã dành trọn đời mình để đấu tranh cho công lý và sự thật, đấu phải đối mặt với nhiều khó khăn và thử thách. Dù phải chịu đựng sự giam cầm và áp bức, Ngài vẫn giữ vững lòng kiên định và tinh thần vô úy, như một Bồ-tát giữa đời thường.

Những giá trị này không chỉ được Ngài nhắc nhở qua lời giảng mà còn thể hiện rõ ràng qua hành động. Khi đất nước đối mặt với những giai đoạn khó khăn, khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bị đe dọa, Hòa Thượng Tuệ Sỹ luôn là người đứng ra bảo vệ Chánh Pháp, bảo vệ đạo lý, không chỉ bằng lời nói mà bằng chính sự hy sinh và lòng can đảm của mình. Những quyết định của Ngài luôn xuất phát từ lòng từ bi, nhưng cũng đầy trí tuệ và sáng suốt. Ngài hiểu rằng, việc duy trì và phát triển Phật giáo không chỉ là việc bảo vệ niềm tin tôn giáo, mà còn là việc góp phần xây dựng một xã hội công bằng, nơi mà mọi người đều có thể sống trong hòa bình và tự do.

Nhân cách lý tưởng trong dòng chảy lịch sử

Lịch sử Việt Nam đã chứng kiến nhiều thời kỳ thăng trầm, và trong mỗi thời kỳ, vai trò của các nhà lãnh đạo tôn giáo luôn đóng vai trò quan trọng trong việc dẫn dắt và duy trì tinh thần dân tộc. Hòa Thượng Tuệ Sỹ không phải là người chỉ ẩn mình trong chùa, tách biệt với đời sống xã hội. Ngược lại, Ngài luôn sống và hành động giữa lòng dân tộc, luôn đặt nỗi đau của đất nước và dân tộc lên trên những toan tính cá nhân.

Từ những năm tháng trẻ tuổi, Hòa Thượng đã chứng kiến những biến cố lịch sử lớn lao của đất nước: từ cuộc kháng chiến chống thực dân, đến cuộc nội chiến và thống nhất đất nước, rồi đến những giai đoạn sau khi đất nước đổi thay. Tất cả những giai đoạn này đã ảnh hưởng sâu sắc đến tư duy và nhân cách của Ngài. Tuy nhiên, điều đặc biệt là Hòa Thượng luôn giữ vững được tinh thần không thiên vị, không bị lay chuyển bởi những thăng trầm bên ngoài. Đối với Ngài, tâm lòng của một Bồ-tát luôn phải vững chãi, dù trong hoàn cảnh nào cũng không được đánh mất sự từ bi và trí tuệ.

Những lần Ngài đứng lên bảo vệ Giáo Hội, bảo vệ Chánh Pháp, không phải để tìm kiếm danh lợi hay quyền lực, mà đó là sự thể hiện của một trái tim vị tha, luôn nghĩ đến lợi ích chung. Nhân cách của Hòa Thượng chính là sự kết hợp hoàn hảo giữa lòng từ bi vô lượng và trí tuệ vô biên, giữa hành động thực tiễn và lý tưởng cao cả.

Tâm nhìn Chánh Pháp cho GHPGVNTN

Tâm nhìn mà Hòa Thượng Tuệ Sỹ để lại cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất không chỉ là một tâm nhìn cho sự phát triển tôn giáo mà còn là một tâm nhìn cho sự phát triển của dân tộc Việt Nam. Ngài luôn nhấn mạnh rằng Phật giáo phải đóng vai trò tích cực trong xã hội, không chỉ là nơi nương tựa tâm linh mà còn là nguồn cảm hứng cho sự tiến bộ, sự phát triển bền vững và công bằng.

Ngài nhận thức rằng, để Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất có thể tiếp tục phát triển và duy trì vai trò của mình trong lòng dân tộc, các thế hệ kế cận phải không ngừng nỗ lực học hỏi và giữ gìn Chánh Pháp. Ngài không chỉ để lại những bài giảng,

những tác phẩm kinh điển, mà còn để lại một tấm gương sống động về sự kiên trì, lòng từ bi và trí tuệ, những giá trị mà bất kỳ người Phật tử nào cũng nên học hỏi và noi theo.

Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đã vạch ra những định hướng quan trọng không chỉ nhằm bảo tồn Chánh Pháp mà còn giúp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) thích nghi và phát triển bền vững trong bối cảnh đầy biến động của thời đại. Những định hướng này không chỉ phản ánh sự hiểu biết sâu sắc của Ngài về giáo lý Phật giáo, mà còn thể hiện tầm nhìn chiến lược của một nhà lãnh đạo tâm linh ưu tú. Hòa Thượng không chỉ đặt mục tiêu duy trì giáo lý mà còn nhấn mạnh rằng Phật giáo phải đóng một vai trò tích cực và sáng tạo trong sự phát triển xã hội, văn hóa, và tinh thần của dân tộc Việt Nam.

1. Tinh thần độc lập và giữ vững Chánh Pháp

Một trong những hướng đi cốt lõi mà Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã đề nghị cho GHPGVNTN là giữ vững tinh thần độc lập trong mọi hoàn cảnh. Ngài nhận thức rằng, trong dòng lịch sử thăng trầm, Phật giáo đã phải đối mặt với nhiều thách thức từ bên ngoài, bao gồm áp lực chính trị và sự chia rẽ trong nội bộ. Tuy nhiên, tinh thần độc lập không chỉ là sự độc lập khỏi các thế lực chính trị mà còn là sự kiên định với Chánh Pháp, không bị lung lay trước những biến động. Đối với Hòa Thượng, điều cốt yếu là GHPGVNTN phải giữ vững mục tiêu phục vụ cho Phật giáo và dân tộc, không để bị chi phối bởi những toan tính thế tục.

Ngài đã nhấn mạnh rằng, để giữ vững Chánh Pháp, các thành viên của Giáo Hội, đặc biệt là hàng lãnh đạo, phải không ngừng tu học, đào sâu trí tuệ, và tăng trưởng lòng từ bi. Phật giáo không thể chỉ là một hình thức tôn giáo mà phải là một phương tiện thực tiễn để hướng dẫn đời sống, cả cá nhân và tập thể. Trong một thời đại mà các giá trị tinh thần có nguy cơ bị xói mòn bởi những lợi ích vật chất, Hòa Thượng kêu gọi Giáo Hội phải đứng vững, trung thành với giáo lý của Đức Phật và sẵn sàng đối mặt với mọi thử thách bằng sự thanh tịnh và trí tuệ.

2. Phật giáo trong lòng dân tộc.

Hòa Thượng Tuệ Sỹ đặc biệt nhấn mạnh rằng GHPGVNTN phải không ngừng phát huy vai trò của mình trong sự phát triển của dân tộc. Phật giáo Việt Nam, theo Ngài, không thể tách rời khỏi vận mệnh của đất nước. Từ ngàn xưa, Phật giáo đã đồng hành cùng lịch sử dân tộc, không chỉ trong việc cứu độ tâm linh mà còn là chỗ dựa tinh thần cho xã hội trong những lúc khó khăn. Tinh thần "hộ quốc an dân" của Phật giáo Việt Nam, qua bao thời kỳ, đã trở thành một phần không thể tách rời trong đời sống văn hóa, xã hội của dân tộc.

Tâm nhìn của Hòa Thượng hướng đến việc xây dựng một GHPGVNTN có khả năng thích nghi với thời đại mới, không chỉ tập trung vào tu học và phát triển nội bộ mà còn đóng góp tích cực vào việc xây dựng một xã hội công bằng, hòa bình. Đối với Ngài, Giáo Hội phải là một động lực để thúc đẩy đạo đức xã hội, nâng cao ý thức cộng đồng và hướng đến một nền hòa bình bền vững. Điều này đòi hỏi GHPGVNTN phải luôn giữ vững những giá trị cốt lõi của Phật giáo, nhưng đồng thời cũng phải biết cách thích nghi và đổi mới theo từng giai đoạn phát triển của đất nước.

3. Đào tạo thế hệ lãnh đạo kế thừa. Một điểm nhấn mạnh khác trong tâm nhìn của Hòa

Thượng Tuệ Sỹ là việc đào tạo các thế hệ lãnh đạo kế thừa cho GHPGVNTN. Ngài nhận thấy rằng để bảo vệ và phát huy Chánh Pháp, Giáo Hội không thể thiếu đi những người có khả năng lãnh đạo tâm linh, những người không chỉ thông thạo kinh điển mà còn có trí tuệ và lòng tử bi để ứng dụng giáo lý vào thực tiễn cuộc sống.

Hòa Thượng kêu gọi GHPGVNTN không ngừng quan tâm đến việc đào tạo Huynh trưởng, tăng sĩ và Phật tử trẻ, những người sẽ là nền tảng cho sự tiếp nối của Giáo Hội trong tương lai. Ngài nhấn mạnh rằng việc đào tạo phải dựa trên sự kết hợp hài hòa giữa học thuật và thực tiễn, giữa giáo lý và đời sống thực, nhằm tạo nên những nhà lãnh đạo có đủ phẩm chất đạo đức và trí tuệ để dẫn dắt GHPGVNTN trong tương lai. Những thế hệ lãnh đạo này phải có tầm nhìn toàn cầu, không chỉ giới hạn trong phạm vi tôn giáo mà còn phải biết cách đối thoại và hợp tác với các lĩnh vực khác của xã hội.

4. Thích ứng và đối thoại trong thế giới toàn cầu hóa. Hòa Thượng Tuệ Sỹ cũng nhận thức rõ ràng về sự thay đổi của thế giới trong thời đại toàn cầu hóa, khi các quốc gia và văn hóa dần trở nên liên kết chặt chẽ hơn. Trong bối cảnh này, Ngài kêu gọi GHPGVNTN phải biết cách thích nghi và đối thoại với các tôn giáo và hệ tư tưởng khác trên thế giới. Đối với Hòa Thượng, việc bảo tồn và phát huy Phật giáo Việt Nam không có nghĩa là tự cô lập mà phải biết cách học hỏi, đối thoại và hợp tác với các phong trào tâm linh và tôn giáo khác.

Ngài cũng nhận ra rằng, trong thời đại công nghệ và thông tin bùng nổ, Phật giáo cần phải tận dụng các phương tiện truyền thông hiện đại để truyền bá giáo lý. Đây là một công cụ hữu hiệu để đưa giáo lý Phật giáo đến với đông đảo quần chúng, đặc biệt là giới trẻ. Tuy nhiên, Ngài cũng cảnh báo rằng việc sử dụng công nghệ phải luôn đi kèm với sự kiểm soát về mặt đạo đức và trách nhiệm, nhằm giữ vững sự trong sáng của Chánh Pháp.

5. Sự đoàn kết và kiên định trong nội bộ Giáo Hội. Cuối cùng, Hòa Thượng Tuệ Sỹ luôn khuyến khích sự hòa hiệp và kiên định trong nội bộ GHPGVNTN. Ngài hiểu rằng, trước mọi thử thách từ bên ngoài, Giáo Hội chỉ có thể đứng vững khi các thành viên của nó gắn bó và cùng nhau hướng về một mục tiêu chung. Sự chia rẽ nội bộ là nguy cơ lớn nhất đe dọa đến sự tồn tại và phát triển của bất kỳ tổ chức nào, và đối với GHPGVNTN, sự đoàn kết không chỉ là yêu cầu đạo đức mà còn là yếu tố sống còn.

Hòa Thượng đã nhiều lần kêu gọi các thế hệ Tăng sĩ, và Phật tử trong Giáo Hội phải luôn đặt Chánh Pháp lên trên hết, bỏ qua những khác biệt nhỏ nhặt và hợp lực vì một mục tiêu cao cả hơn. Ngài nhấn mạnh rằng chỉ khi đoàn kết, Giáo Hội mới có thể đối diện và vượt qua những thách thức trong tương lai, bảo vệ và phát huy Chánh Pháp, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển của dân tộc.

*

Nhân cách lý tưởng cho hôm nay và mai sau

Trong dòng chảy vô tận của lịch sử, thời gian như một dòng sông mang theo cả sự phồn vinh lẫn khổ đau của nhân loại. Nhưng có những con người, những nhân cách, dù dòng chảy kia có mãnh liệt

đến đâu, vẫn vững chãi như những tảng đá lớn, không chỉ không bị xói mòn mà còn định hình dòng nước xung quanh. Hòa Thượng Tuệ Sỹ chính là một nhân cách như vậy. Ngài không chỉ là một trí giả Phật học, một bậc tu hành đầy lòng tử bi, mà còn là một biểu tượng bất diệt của sức mạnh tâm linh và lòng yêu nước sâu sắc. Ngài đã sống và phụng sự với tất cả tinh thần cao thượng của Bồ-tát đạo, luôn đứng lên bảo vệ Chánh Pháp và dẫn dắt cộng đồng đi qua những giai đoạn thử thách khắc nghiệt nhất của lịch sử.

Nhìn lại cuộc đời của Hòa Thượng, người ta không khỏi ngỡ ngàng trước sự kiên định và lòng quyết tâm vô biên mà Ngài đã duy trì trong suốt hành trình dài đầy gian khổ. Dù phải đối mặt với sự đàn áp, giam cầm, Ngài vẫn luôn giữ vững tinh thần bất khuất, như một ngọn đuốc soi sáng giữa đêm đen, đưa những tâm hồn lạc lõng trở về với chân lý, với sự thật. Những bài học mà Ngài để lại không chỉ là tri thức sâu sắc về giáo lý Phật học, mà còn là tấm gương về lòng can đảm và tinh thần phụng sự không ngừng nghỉ cho cộng đồng và dân tộc.

Hòa Thượng đã vạch ra một con đường rõ ràng cho tương lai của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, một con đường không chỉ đầy thử thách mà còn tràn ngập niềm tin vào sự kiên định của Chánh Pháp. Tầm nhìn của Ngài không chỉ bó hẹp trong phạm vi tôn giáo, mà còn lan tỏa đến tận chiều sâu của tinh thần quốc gia và nhân loại. Ngài không chỉ dạy dỗ thế hệ trẻ bằng lời nói mà còn bằng chính cuộc đời đầy hy sinh của mình, tạo nên một di sản tinh thần sâu sắc và lâu dài cho những thế hệ tiếp nối.

Hơn hết, nhân cách lý tưởng của Hòa Thượng Tuệ Sỹ chính là biểu hiện tuyệt đẹp của lòng tử bi vô ngã, của trí tuệ siêu việt. Ngài đã sống không vì lợi ích cá nhân, không vì danh vọng hay quyền lực, mà luôn vì một mục tiêu cao cả: phục vụ cho Đạo Pháp và Dân Tộc. Di sản của Ngài không chỉ là những bài kinh, những trang viết, mà còn là những trái tim đã được đánh thức, những tâm hồn đã được khai sáng.

Với sự ra đi của Hòa Thượng, một trang sử mới đã khép lại, nhưng ánh sáng từ nhân cách của Ngài sẽ tiếp tục soi rọi con đường phía trước. Trong lòng mỗi Phật tử, mỗi Huynh trưởng, và mỗi người con của dân tộc Việt Nam, nhân cách và tầm nhìn của Ngài vẫn sống mãi. Ngài đã để lại cho chúng ta không chỉ những bài học về sự giác ngộ cá nhân, mà còn về trách nhiệm tập thể, về sứ mệnh bảo vệ Chánh Pháp và xây dựng một xã hội công bằng, hòa bình.

Trong dòng lịch sử thăng trầm, di sản của Hòa Thượng Tuệ Sỹ như một ngọn lửa thiêng không bao giờ tắt, một ngọn đèn dẫn đường cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và cho những ai đang tìm kiếm con đường đi đến giải thoát. Để tưởng nhớ và tri ân Ngài, chúng ta - những người còn lại - phải tiếp tục sứ mệnh mà Ngài đã vạch ra, giữ gìn và phát huy những giá trị mà Ngài đã trao truyền. Như một dòng sông không ngừng chảy về phía trước, nhân cách của Ngài sẽ mãi mãi là nguồn động lực vô biên, là sức mạnh nội tâm giúp Giáo Hội và Dân Tộc vượt qua mọi sóng gió, tiến đến bờ bến của hòa bình và hạnh phúc thật sự.

Thiện Đức

CÓ PHÁP ĐỐT CHÁY VÀ PHÁP KHÔNG ĐỐT CHÁY

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Ngọn lửa bốc cháy thiêu rụi củi rác là hình ảnh thân thuộc của đời sống thôn dã. Ngọn lửa này đã được Thế Tôn dùng làm ảnh dụ trong rất nhiều pháp thoại của Ngài. Pháp thoại dưới đây, ngọn lửa dữ đã thiêu đốt thân tâm, đốt cháy thiện căn công đức của người thường tạo ba nghiệp thân khẩu ý bất thiện.

Nhân quả - nghiệp báo luôn chính xác và công bằng. Nghiệp do mình tạo ra rồi lại quấn lấy chính mình như tổ kén. Không ai có quyền và có khả năng chi phối đời sống chúng ta ở trong hiện tại và tương lai ngoài nghiệp lực của chúng ta. Nếu làm ác thì bị ác nghiệp thiêu đốt. Nếu tạo ba nghiệp thân khẩu ý thiện lành thì lửa ác không đốt cháy được.



"Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Có pháp đốt cháy và pháp không đốt cháy. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói. Thế nào là pháp đốt cháy? Nếu người nam hay người nữ nào, hành pháp ác bất thiện, phạm giới; thân thành tựu ác hạnh; khẩu, ý thành tựu ác hạnh; người ấy về sau, khi khôn khổ bởi tật bệnh, nằm liệt trên giường, chịu nhiều đau đớn. Lúc bấy giờ, tất cả những việc làm ác trước kia người ấy đều nhớ lại hết. Cũng như bóng núi lớn che ánh mặt trời Tây; cũng vậy, chúng sanh trước kia đã tạo ra mọi điều ác, những pháp ác bất thiện do thân, khẩu, ý nghiệp, đến lúc lâm chung, tất cả đều hiện ra, tâm sanh hối hận: 'Than ôi! Than ôi! Vì trước kia không tu thiện, chỉ làm ác, nên sẽ đọa vào đường dữ, chịu nhiều khổ đau'. Sau khi nhớ lại rồi, tâm bị đốt cháy, tâm sanh hối hận. Khi sanh tâm hối hận nên không được chết với tâm thiện; đời sau tâm bất thiện cũng tiếp nối sanh. Đó gọi là pháp đốt cháy.

Thế nào gọi là pháp không đốt cháy? Nếu người nam hay người nữ nào thọ trì tịnh giới, tu pháp chân thật, thân thành tựu nghiệp thiện; khẩu, ý thành tựu nghiệp thiện; khi lâm chung tuy thân gặp phải khổ nạn, nằm liệt trên giường bệnh, thân thể chịu nhiều đau đớn, nhưng tâm người ấy nhớ lại pháp thiện trước kia đã tu; thân, khẩu và ý đã thành tựu thiện hạnh. Lúc bấy giờ, duyên vào những pháp thiện, người ấy nghĩ rằng: 'Thân, khẩu, ý ta đã tạo ra thiện hạnh như vậy, không làm các điều ác, sẽ sanh về đường thiện, không đọa vào đường ác, tâm không có gì hối hận'. Do tâm không biến hối, nên mạng chung với thiện tâm, qua đời sau thiện vẫn tiếp tục. Đó gọi là pháp không đốt cháy (...).

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành".

(Kinh Tập A-hàm, kinh số 1244 [trích])

Nhân quả như bóng theo hình, nghiệp báo cũng vậy theo ta như hình với bóng. Không ai chạy trốn được nghiệp cho dù lên núi cao hay xuống biển sâu. Vì thế hãy tu nhân tích đức, gắng sống thiện lành, tích cực chuyển hóa ba nghiệp cho nhẹ nhàng. Nghiệp càng nặng thì ta càng đi xuống, nghiệp càng nhẹ thì ta càng đi lên; xuống là khổ đau, lên là hạnh phúc; xuống là đọa lạc trong các đường ác, lên là thăng hoa phước báo các cõi trời.

Ai rồi cũng già bệnh và phải đối diện với cái chết. Hãy nghĩ đến giai đoạn cuối nghiệt ngã này để hiểu rõ hơn về thân phận con người, về một thực trạng thống khổ, cô đơn, tuyệt vọng nhất của kiếp người. Tại thời điểm đó, ai sẽ giúp ta, ai cứu lấy ta? Không ai cả! Chỉ có nghiệp của ta hiện hữu, điều động, chi phối, dẫn dắt. Nghiệp dắt ta đi đâu trong sáu nẻo luân hồi, mỗi người hãy xem lại đời sống của mình sẽ tự khắc nhận biết. Thế nên người khôn ngoan, có trí thì ngay bây giờ hãy chuyển hóa ba nghiệp về hướng thiện lành.



ĐIỀU PHỤC TÂM

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em (ACE) Lam viên thương mến,

Trên bìa báo Chánh Pháp số 155 có mấy câu:

"Người tưới nước lo dẫn nước,

Người làm cung tên lo uốn cung tên

Thợ mộc lo nạy mực đo cây

Còn người trí thì lo điều phục tâm mình"

Đây là nội dung bài kệ
80 trong Kinh Pháp Cú.
Chúng ta thử tìm hiểu tại
sao đức Phật dạy chúng ta
như vậy?

Thưa ACE,

Một thời khi đức Phật
còn tại thế, ngài ngụ tại
chùa Kỳ Viên nước Xá Vệ,
Ngài đã kể chuyện về một
cậu Sa di 7 tuổi tên là Pan-
di-ta, câu chuyện thú vị
như sau:

Pandita là con của một
người rất giàu có ở Xá Vệ,
được thu nhận làm Sa di và
theo học với tôn giả Xá Lợi
Phất. Một buổi sáng, mang
bình bát đi khất thực với sư
phụ, dọc đường gặp một
nông phu đang dẫn nước
vào ruộng, cậu hỏi thầy
mình: "Bạch tôn giả, nước
kia chẳng có ý thức, có thể
nào chúng ta khiến cho
nước có thể chảy theo
hướng ta muốn hay
không?" Tôn giả đáp: "Ừ,
được chứ!"

Một lát sau, cậu bé nhìn
vào xóm thấy thợ làm cung
tên đang hơ lửa khúc tre để
uốn thẳng ra làm mũi tên. Đi vài chặng đường nữa,
gặp một người thợ mộc đang bào, đeo một tấm ván
để làm thành một bánh xe... Cậu bé Pandita nghĩ
trong bụng rằng: nếu dòng nước vô ý thức kia mà
có thể chảy xuôi theo ý muốn của người dẫn nước,
nếu khúc tre vô tri kia mà cũng bị uốn lại cho thẳng
thành mũi tên, nếu tấm ván có thể dẻo thành bánh
xe thì tại sao ta đây có tâm, tri giác mà không điều
phục được tâm mình để thực hành Thiền Minh Sát?

Nghĩ đến đây, Pandita liền xin phép thầy quay
về tịnh xá, rồi vào phòng riêng, ngồi xuống trong tư
thế tọa thiền. Pandita tập trung tư tưởng, quán
Thân bất tịnh, lòng rất nhệt thành không hề xao
lãng. Bấy giờ vua Trời Đế Thích và Chư Thiên thấy

nỗ lực phi thường của Pandita nên đến giữ gìn tịnh
xá được yên tĩnh, trước giờ ngủ, Pandita chứng
được quả vị thứ ba (A Na Hàm).

Lúc ấy, tôn giả Xá Lợi Phất vừa đi khất thực về,
định đem cơm vào cho Pandita. Tại chùa Kỳ viên,
đức Phật dùng thiên nhãn thấy Sa di Pandita sắp
chứng được quả vị A la hán (quả vị thứ tư), ngài
liền đi đến tịnh xá hỏi
chuyện tôn giả, mục đích
ngăn tôn giả đừng vào
phòng ngay để Pandita tiếp
tục hành thiền. Trong khi
tôn giả Xá Lợi Phất bận hầu
chuyện với đức Phật, sa di
Pandita đã chứng đắc được
quả vị A la hán - chỉ có 8
ngày sau khi được nhận vào
tu trong chùa.

Đức Phật bảo các vị tỳ kheo
rằng: "Khi một tu sĩ hành
thiền đúng theo Chánh pháp
thì ngay cả vua Trời Đế
Thích cũng đến ủng hộ."
Rồi đức Phật nói lên bài kệ
sau đây:

Người làm ruộng đào mương
dẫn nước

Kẻ làm tên chuốt vót cung
tên

Người thợ mộc uốn ngay
tấm ván

Bậc hiền trí điều phục tâm
mình.

(KPC, kệ # 80)

Thưa ACE Lam viên thương
mến,

Điều thú vị trong câu
chuyện này là cậu bé Sa di Pandita 7 tuổi, mới được
nhận vào tu 8 ngày lại đắc quả A La Hán trong khi
nhiều vị tỳ kheo đã tu hành lâu năm vẫn chưa đạt
được quả vị này; đó là nhờ sự nỗ lực phi thường của
cậu bé trong việc hành thiền vậy.

Sa di Pandita đáng gọi là tấm gương sáng về sự
hành thiền tinh tấn và nỗ lực phi thường cho ACE
chúng ta noi theo.

Thương mến kính chúc ACE thân tâm thường an
lạc và luôn tinh cần trong việc tu tập Thiền định để
điều phục TÂM.

Trân trọng,
NAL



NGHĨ VỀ THỊNH PHÁP VÀ MẠT PHÁP

Nguyên Giác

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Có phải bây giờ đã tới thời mạt pháp? Hay là sắp tới thời mạt pháp? Bài này được viết để trình bày một số suy nghĩ liên hệ. Bài này được viết trong tinh thần biết ơn Phật, biết ơn Pháp, biết ơn Tăng. Tuy nêu lên vấn đề, có phải chúng ta đang ở thời mạt pháp, nhưng người viết không có bất kỳ thẩm quyền nào về sức tu và sức học. Nơi đây sẽ chủ yếu là ghi lại lời dạy từ Kinh Phật và từ các vị Thầy mà người viết có cơ duyên học từ thời còn ở Việt Nam.

Có phải mạt pháp là khi Tăng đoàn chia đôi để trở thành Theravada và Mahayana trong thế kỷ thứ nhất? Có phải mạt pháp là khi Tướng Hồi Giáo Muhammad Bakhtiyar Khalji đưa quân chiếm vùng Bengal và Bihar, tấn công các tu viện Phật giáo và thiêu rụi Đại học Phật giáo Nalanda vào thế kỷ 12? Có phải thịnh pháp là khi Thiền Tông hưng khởi trong các thời vua Lý, Trần? Có phải thịnh pháp là khi Phật pháp được truyền bá khắp thế giới như hiện nay, khi Kinh Phật được dịch sang hàng chục ngôn ngữ và đã thiết lập Tăng đoàn gần như khắp toàn cầu? Và rất nhiều các câu hỏi tương tự.

Tất cả những cách đặt vấn đề đó đều quá lớn, chỉ thích nghi cho các sử gia. Có lẽ, trong những gì bản thân từng người chúng ta tự quan sát được hàng ngày (và ngay giây phút này): mạt pháp là khi tham sân si hiện ra, và thịnh pháp là khi tham sân si biến mất (dù là dao động tạm thời).

Nếu chúng ta hiểu chữ Pháp như là lời Đức Phật dạy, tức là Kinh tạng về Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo, thì thịnh pháp là khi những lời dạy này được tuyên thuyết, giảng dạy. Nếu như thế, chúng ta đang ở thời thịnh pháp, vì các phương tiện hoằng pháp quá dư thừa: truyền hình, truyền thanh, Internet, sách giấy, sách điện tử... Và sẽ là thời mạt pháp nếu chúng ta (hay những người khác) bóp méo giáo lý, lừa dối tu học, hay trục lợi mờ ám.

Tuy nhiên, Pháp không chỉ có nghĩa là lời dạy của Đức Phật, không chỉ là lời dạy nằm trong vài ngàn trang giấy, hay trên các trang web. Đức Phật còn nói về nghĩa khác của Pháp.

Kinh SN 22.87 ghi lại một cuộc đối thoại, và lời Phật nói về Pháp, theo bản dịch của Thầy Minh Châu, trích:

“— Đã từ lâu, bạch Thế Tôn, con muốn đến để được thấy Thế Tôn. Nhưng thân con không đủ sức mạnh để được đến thấy Thế Tôn.

---- Thôi vừa rồi, này Vakkali, có gì đáng thấy đối với cái thân hôi hám này. Này Vakkali, ai thấy Pháp, người ấy thấy Ta. Ai thấy Ta, người ấy thấy Pháp. Này Vakkali, đang thấy Pháp, là thấy Ta. Đang thấy Ta, là thấy Pháp.” (1)

Như thế, Pháp là cái gì trường tồn, ngay cả khi Đức Phật đã viên tịch, thì Pháp vẫn có thể được kinh nghiệm, được chứng ngộ. Và như thế, Pháp hiện diện ở khắp mọi nơi trên thế giới này, trong cả ba thời gian quá, hiện và vị lai, có thể được kinh nghiệm bởi bất kỳ Phật tử nào chịu tu, chịu học. Khi hiểu Pháp như thế, là một vô vi pháp, chữ mạt pháp bây giờ sẽ có nghĩa là khi chúng ta chưa thấy được Pháp, và khi tu tới mức thấy Pháp tức là thấy Phật, sẽ có nghĩa là thời kỳ thịnh pháp.

Có nghĩa là, Pháp là xa lìa tham sân si và đồng thời là con đường xa lìa tham sân si. Do vậy, mạt pháp là khi chúng ta lười biếng, không chịu tu học. Nơi đây, Đức Phật chỉ nói về

Pháp theo nghĩa vận hành giải thoát của cá nhân. Nghĩa là, bạn chỉ có thể hoằng pháp, nhưng không thể tu giùm cho bất kỳ ai. Vì thấy Pháp, là kinh nghiệm cá nhân, không phải kinh nghiệm tập thể.

Trong Kinh AN 11.13, Đức Phật dạy rằng Pháp luôn luôn thiết thực (nghĩa là, chúng ta có thể kinh nghiệm, nhận biết Pháp), luôn luôn có mặt ở hiện tại và không lệ thuộc vào thời gian (nghĩa là, Pháp luôn hiện diện). Bản dịch của Thầy Minh Châu trích như sau:

“Lại nữa, này Nandiya, Ông phải tùy niệm Pháp: “Pháp được Thế Tôn khéo nói, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Như vậy, này Nandiya, duyên vào Pháp, Ông hãy an trú niệm trong nội tâm.” (2)

Khi được hiểu như thế, Pháp sẽ không bao giờ mạt. Chỉ có nghĩa là, nếu chúng ta không nhận ra được và không sống phù hợp với vận hành của Pháp, thì mới có thể tạm gọi là mạt pháp. Pháp nơi Kinh SN 22.87 có thể kinh nghiệm bằng Thấy,



nhưng không phải là ngũ uẩn được thấy bằng mắt, vì Pháp là xa lìa ngũ uẩn (vì Phật đã viên tịch). Pháp trong Kinh AN 11.13 chỉ có thể kinh nghiệm cũng bằng tâm – khi “tự mình giác hiểu” và “an trú niệm trong nội tâm.” Nghĩa là, Pháp là vượt thời gian, nhưng đang có mặt nơi đây (hiện tại) được nhận ra bằng Tánh Biết.

Khi nói rằng Pháp là vượt thời gian, thì Cái Biết (Knowledge) không phải là Pháp, vì có khi biết và có khi không biết, và có hạn lượng vì là thông tin (information) về cái được biết. Nhưng Tánh Biết (Nature of Awareness), còn gọi là Bản Tâm, là chức năng dẫn tới Cái Biết, nhưng luôn luôn là Cái Không Biết (Bất nhã Vô tri). Vì Bản Tâm không biết, nên mới ứng hiện vô lượng cái biết. Tánh Biết chính là tánh chiếu sáng của gương tâm, vì tánh của gương là rỗng (vô tri, không biết) nên mới hiện vô lượng ảnh và vô lượng sắc màu. Thiền Tông còn gọi là Tự Tánh, phải nhận ra bằng Thấy Tánh.

Lời giải thích của Đức Phật về Pháp có thể so sánh với các vị Thiền sư Trung Hoa và Việt Nam ưa nói về tánh chiếu của gương và tánh ướt của nước. Gương sáng (không có gì hết) thì sẽ chiếu ra ảnh (cái được thấy, nghe, hay biết). Tánh sáng của gương không đo lường được, không thấy được, nhưng ảnh có thể đo lường, có thể thấy. Tánh sáng của gương không đi, không đến, nhưng ảnh có đi, có đến. Tương tự, tánh ướt của nước không đo lường bằng hũ, bằng bình, nhưng lượng nước có thể đo bằng hũ, bằng bình. Tánh ướt của nước không đo tạo tác, không đi, không đến, nhưng nước trong hũ, trong bình thì do tạo tác, có đến, có đi. Trong Bát Nhã Tâm Kinh thì gọi ngắn gọn là Không, và Tánh Không này không lìa sắc thanh hương vị xúc pháp (ảnh chiếu) mà không do tạo tác, không bị hư hoại.

Người nào Thấy Tánh được như thế, có thể nhìn thấy mình, thấy người, thấy ngôi chùa trước mặt, thấy núi, thấy rừng thực sự chỉ là hiển lộ của Cái Không, do duyên khởi mà thành tự, nhưng thực sự mình và thế giới là rỗng rang, y như rỗng rang, như hoa đốm, như giấc mộng.

Đức Phật giải thích về pháp vô vi, vượt thời gian này trong Kinh Phật thuyết như vậy 43, tức là Kinh Iti 43, dịch đối chiếu theo hai bản Anh văn của Ireland và Thanissaro:

“Đức Phật dạy, ‘Các sư, có một cái vô sanh, một cái không bị đưa tới sanh khởi, một cái không bị làm ra, một cái không bị điều kiện hóa. Các sư, nếu không có một cái vô sanh, một cái không bị đưa tới sanh khởi, một cái không bị làm ra, một cái không bị điều kiện hóa như thế, sẽ không thể có giải thoát được nhận ra từ cái được sanh ra, cái bị đưa tới sanh khởi, cái bị tạo tác, cái bị điều kiện hóa. Nhưng bởi vì có cái vô sanh, cái không bị đưa tới sanh khởi, cái không bị làm ra, cái không bị điều kiện hóa cho nên giải thoát được nhận ra từ cái được sanh ra, cái bị đưa tới sanh khởi, cái bị tạo tác, cái bị điều kiện hóa.’” (3)

Tới đây, câu hỏi là, Đức Phật dạy cách nào để Thấy Phật, hay Thấy Pháp, hay vượt khỏi ba thời quá, hiện, vị lại để vào nơi “không có thời gian” và tự mình giác hiểu? Có một cách chúng ta thường đọc thấy trong nhiều Kinh, nhiều lần được Đức Phật nói tới, và được Kinh Kim Cang thu gọn về một câu là “*đừng nắm giữ bất cứ gì hết*” – cụ thể là hãy buông tất cả sắc thọ tưởng hành thức của quá khứ,

đừng mơ tưởng bất kỳ sắc thọ tưởng hành thức nào của tương lai, và không nắm giữ bất kỳ sắc thọ tưởng hành thức nào của hiện tại. Ngay khi đó, là giải thoát.

Ngài Bồ Đề Đạt Ma dạy rằng cách vào đạo là: *“Ngoài dứt hết muôn duyên, trong dứt bật nghĩ tưởng, tâm như tường vách, mới có thể vào đạo.”* Pháp này đơn giản, trực tiếp, nhưng cực kỳ khó làm, bởi vì không nương theo bất kỳ phương tiện nào, không cần niệm Phật, không cần niệm hơi thở, không cần niệm thân hay niệm thọ, cũng không cần bất kỳ phương tiện nào. Nghĩa là trong và ngoài hiển lộ cái Tự Tính Không của sắc thọ tưởng hành thức. Hể ngồi xuống, toàn thân tâm chỉ là một khối tinh thức của gương tâm, rỗng, lặng, không dấy bụi. Hể đứng dậy, hay đi vào chợ, toàn thân tâm là một khối tinh thức của gương tâm đang đứng, đang đi, cũng là một khối Không vô cùng lớn bao trùm. (Nếu Tịnh Độ được hiểu trong kinh nghiệm này, Đức Phật A Di Đà chính là vô lượng quang và cũng vượt thời gian nên gọi là vô lượng thọ.)

Bây giờ nói về Kinh Pháp Cú. Bài Kệ 142 cho thấy rằng chỉ một cái nhìn thấy được pháp vượt thời gian này, là vô lượng kiếp mà mờ biến mất, theo bản dịch của Thầy Minh Châu:

*142 “Ai sống tự trang sức,
Nhưng an tịnh, nhiếp phục,
Sống kiên trì, phạm hạnh,
Không hại mọi sinh linh,
Vị ấy là phạm chí,
Hay sa môn, khất sĩ.”*

Duyên khởi khi Đức Phật đọc bài Kệ 142 là từ tích truyện về tướng quân Santati. Truyện kể rằng, trong khi cư trú tại tu viện Jetavana, Đức Phật đã đọc Bài kệ 142, đề cập đến Santati, quan thượng thư của Vua Pasenadi nước Kosala.

Một lần, tướng quân Santati trở về sau khi trấn áp một cuộc nổi dậy ở biên giới. Vua Pasenadi rất hài lòng, nên đã tặng thưởng vị quan này bằng tài sản, quyền chức, và một thiếu nữ nhảy múa để chiêu đãi Santati trong bảy ngày. Trong bảy ngày, tướng quân Santati vui thỏa thích, say sưa với rượu và mê đắm nàng vũ công trẻ. Vào ngày thứ bảy, tướng quân cưỡi voi trang sức, đi xuống bờ sông để tắm. Trên đường đi, Santati gặp Đức Phật đang đi khất thực, trong lúc say rượu, quan chỉ cúi chào để tỏ lòng thành kính với Đức Phật. Đức Phật mỉm cười, A Nan hỏi Đức Phật tại sao Ngài cười. Vì thế, Đức Phật bảo A-nan: “Ngày Ananda, vị thượng sĩ này sẽ đến gặp ta ngay hôm nay và sau khi ta thuyết cho ông ấy một bài pháp ngắn, ông ta sẽ trở thành một vị A-la-hán. Ngay sau khi trở thành một A-la-hán, ông ấy sẽ chứng ngộ Niết-bàn.”

Tướng quân Santati và nhóm tiệp của ông đã dành cả ngày ở bờ sông, tắm rửa, ăn uống và tận hưởng hết mình. Vào buổi tối, tướng quân và cả nhóm ra vườn uống thêm đồ uống và xem cô vũ công nhảy múa. Về phần mình, cô vũ công đã cố gắng hết sức để làm hài lòng tướng quân. Trong cả tuần cô phải ăn kiêng để giữ dáng cho điệu múa. Khi đang khiêu vũ, cô bị đột quỵ nặng và ngã xuống, ngay lập tức cô chết trong tình trạng mắt và

miệng mở to. Tướng quân bị sốc và đau buồn sâu sắc. Trong cơn đau đớn, ông cố gắng nghĩ đến một nơi nương tựa và nhớ đến Đức Phật. Ông đến gặp Đức Phật cùng với các đệ tử của Ngài và kể cho Ngài nghe về nỗi đau buồn mà ông phải chịu đựng vì cái chết bất ngờ của người nữ vũ công.

Sau đó Santati thưa với Đức Phật: "Bạch Thế Tôn! Xin hãy giúp con vượt qua nỗi buồn phiền; xin Ngài quy y cho con và cho con được bình an nội tâm." Đức Phật trả lời, "*Hãy yên tâm, con trai của ta, con đã đến với một người có thể giúp đỡ con, Người có thể là niềm an ủi thường xuyên cho con và Người sẽ là nơi nương tựa của con. Những giọt nước mắt con đã rơi vì cái chết của người nữ vũ công trong suốt vòng luân hồi còn hơn cả nước của tất cả các đại dương.*" (Nên ghi chú nơi đây: trong bản tiếng Anh của Daw Mya Tin, chữ Người có thể thay bằng chữ Pháp, vì Đức Phật nói là "One" có thể dùng như đại danh từ cho Pháp.)

Sau đó Đức Phật đã hướng dẫn vị quan đại thần bằng những lời như sau: "*Trong quá khứ, trong tâm con đã có những năm giữ do tham ái; hãy rời bỏ nó. Trong tương lai, đừng để sự năm giữ như thế xảy ra trong con. Trong hiện tại, đừng năm giữ bất cứ những gì. Vì không năm giữ bất cứ những gì, tham ái và mê đắm sẽ tịch lặng trong con và con sẽ nhận ra Niết Bàn.*"

Sau khi nghe lời dạy, vị quan đại thần đắc quả A-la-hán. Sau đó, nhận ra rằng mạng sống của mình đã hết, Santati thưa với Đức Phật: "Bạch Thế Tôn! Bây giờ xin cho con nhập Niết Bàn, vì thời của con đã đến." Được Đức Phật đồng ý, Santati bay lên trời cao 7 lần chiều cao cây cọ (toddy-palms) và ở đó, trong khi thiền định về yếu tố lửa (hỏa đại), và qua đời khi nhập Niết Bàn. Thân xác Ngài bốc cháy, máu thịt cháy rụi và xá lợi xương tử trên trời rơi xuống trên mảnh vải sạch do các Tỷ kheo trải ra theo lời dạy của Đức Phật.

Tại hội chúng, các vị tỷ kheo hỏi Đức Phật: "Bạch Thế Tôn! Vị đại tướng đã chứng ngộ với trang phục đầy đủ của bậc vương giả; ông ta có phải là Sa-môn mặc áo Bà-la-môn không?" Đức Phật trả lời các vị tỷ kheo: "Này các Tỷ kheo! Con trai của ta có thể được gọi vừa là sa môn vừa là Bà la môn."

Lời dạy này của Đức Phật cho thấy rằng, người nào có được cái tâm xa lìa cả ba thời quá, hiện, vị lại thì sẽ giải thoát. Thứ nữa, viên quan Santati có đại nhân duyên gặp Phật, nghe trực tiếp lời dạy, cho nên các say mê rượu chè, nữ sắc tưng bừng trong 7 ngày không che được trí tuệ giải thoát, và do vậy Santati thấy được pháp vô vi, không còn dính chút gì, không năm giữ gì nữa đối với tất cả những sắc thanh hương vị xúc pháp của ba thời. Sau đó, Đức Phật đọc bài Kệ 142, trong đó cho biết không cần xuất gia, không cần cạo đầu, không cần thọ giới tỷ kheo, ngay trong khi ở cương vị đời thường của một tướng quân, vừa gây vô số nghiệp, nhưng liền được khoảnh khắc nhập Niết Bàn và được ca ngợi là vị Sa môn trong màu áo Bà La Môn. Đó là đốn ngộ.

Như thế, chúng ta có thể hiểu rằng, thịnh pháp là khi lời dạy của Đức Phật được chúng ta học, suy tư và tu hành. Ngược lại, khi chúng ta làm trái nghịch với lời dạy của Đức Phật, đó là thời mạt pháp. Nơi phương diện khác, thịnh pháp là khi chúng ta Thấy Phật, Thấy Pháp, nhận ra pháp vô vi, pháp vô sanh, cái không do tạo tác (nhưng chúng ta

BUỔI THU VÀNG

*Buổi thu vàng mộng tràn lên thương nhớ
Đất trời biêng biếc đẹp như mơ
Chân đạp lá hồn xao xuyên ngân ngơ
Em ở đâu ta vẫn chờ vẫn đợi
Cánh chim nào biển biệt xa xăm
Bay qua hư không sao ta nhìn thấy vết
Hàn in từ thuở ấy
Tìm ta hồng và trời trắng màu mây
Thương nhớ người tình vẫn đọng đầy
Lá rụng xuống hồn dâng lên chất ngát
Người hay chăng tình chẳng mất bao giờ.
Buổi thu vàng trời đất nên thơ
Người ở đâu riêng lòng ta vẫn nhớ!*

*Vùng phương ngoại chân trời xa diệu vợi
Tình quê xưa âm ỉ cháy trong hồn
Kỷ niệm nào vụng dại ngọt môi hôn
Giờ chẳng biết tìm đâu hương vị cũ
Ta lãng đãng cả một đời du thủ
Mùa vàng lên áp ủ chuyện vô cùng
Đời nhọc nhằn nâng niu mộng phù dung
Đời ta vô dụng, ta thật là vô dụng!
Lá vàng rơi hồn chơi vơi khôn tả
Hạnh phúc này một khoảnh khắc bao la
Nhặt lá vàng thơ thả một mình ta
Trời đất vọng lời thu ca trong gió.*

thơ THANH NGUYỄN

phải tu mới thấy cái không do tạo tác), cái không do làm ra (nhưng chúng ta phải ra sức tu thì cái không do làm ra mới hiển lộ), cái vượt thời gian. Ngược lại, mạt pháp là khi chúng ta ngập chìm trong sắc thanh hương vị xúc pháp của ba thời.

*Bài này được viết trong tuần lễ tưởng niệm bốn sư là cố Hòa Thượng Thích Tịch Chiếu (1912-2016), người đã viên tịch ngày 4-7-2016 dương lịch (1-6-Bính Thân)
Nguyễn Giác*

GHI CHÚ:

(1) Kinh SN 22.87: <https://suttacentral.net/sn22.87/vi/minhchau>

(2) Kinh AN 11.13: <https://suttacentral.net/an11.13/vi/minhchau>

(3) Kinh Iti 43: <https://accessinsight.org/tipitaka/kn/iti/iti.2.042-049x.irel.html>

CHÁNH NIỆM, HÀNH TRÌNH TỈNH THỨC TRONG THỜI ĐẠI MẠNG XÃ HỘI BÙNG NỔ

Tâm Thường Định

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Giữa cuộc sống hiện đại, nơi mạng xã hội trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta chứng kiến sự bùng nổ của thông tin và cả những luồng cảm xúc bất định lan truyền một cách chóng vánh. Mạng xã hội không chỉ là nơi con người kết nối, chia sẻ mà còn trở thành mảnh đất màu mỡ cho những sự kiện, những luồng tranh cãi được khuếch đại, biến nhỏ thành to, biến tĩnh lặng thành bão tố. Đối diện với những sóng gió ấy, đặc biệt trong cộng đồng Phật giáo, việc giữ được sự bình tĩnh, thấu hiểu và chánh niệm trở nên vô cùng cần thiết.

Phật giáo, với những giá trị từ bi và trí tuệ, mang trong mình một thông điệp trường cửu qua hàng ngàn năm: hạnh phúc và an lạc không đến từ những điều bên ngoài, mà đến từ tâm thức an định và sự tỉnh thức sâu sắc. Trong thời đại mà mạng xã hội có thể dễ dàng gây ra sự bất an, những giá trị này càng cần được khơi dậy và áp dụng một cách linh hoạt. Sự bùng nổ của thông tin khiến cho sự tranh cãi, hiểu lầm và phi báng trở nên phổ biến hơn bao giờ hết. Nhưng đối diện với những thử thách ấy, Phật giáo đã chỉ ra một con đường sáng, đó là chánh niệm.

Chánh niệm, theo lời dạy của Đức Phật không chỉ là một phương tiện tu tập mà còn là một tấm khiên giúp chúng ta bảo vệ tâm trí khỏi những sóng gió bên ngoài. Trong bối cảnh của mạng xã hội, khi mọi thứ diễn ra quá nhanh và dễ dàng dẫn đến những phản ứng không phù hợp, chánh niệm trở thành kim chỉ nam để mỗi Phật tử chọn lựa cách phản ứng phù hợp với bản chất của giáo lý nhà Phật. Đó là sự tỉnh thức trong từng suy nghĩ, từng lời nói và hành động.

Vậy thì, giữa cơn sóng mạng xã hội, khi những sự kiện xảy ra dồn dập và những lời lẽ vu khống, phi báng dễ dàng lan tỏa, người Phật tử cần làm gì để bảo vệ chính mình, bảo vệ cộng đồng và gìn giữ những giá trị của Phật pháp? Chánh niệm, với sự kiên định và tỉnh thức, sẽ là con đường mà chúng ta cần thực hành và truyền bá. Đây không chỉ là một sự lựa chọn, mà là một trách nhiệm lớn lao để giữ gìn sự thanh tịnh trong tâm hồn và trong cộng đồng.

Trong kinh Pháp Cú, Đức Phật đã dạy: "*Chiến thắng sân hận bằng sự không sân hận, chiến thắng cái ác bằng cái thiện, chiến thắng tham lam bằng sự bố thí, và chiến thắng dối trá bằng sự chân thật.*" Lời dạy này chính là một bài học quan trọng khi đối diện với những sóng gió trên mạng xã hội. Khi chúng ta bị cuốn vào những tranh cãi vô tận, khi những lời chỉ trích hoặc vu khống liên tục xuất hiện, chính sự chánh niệm sẽ giúp ta giữ vững được sự bình an nội tại.

Chánh niệm không phải là sự tránh né hay thờ ơ với những vấn đề xung quanh. Ngược lại, đó là sự tỉnh thức hoàn toàn trước thực tại, giúp chúng ta nhìn thấu được bản chất của mọi sự kiện. Khi thực hành chánh niệm, chúng ta không phản ứng theo thói quen hay cảm xúc tức thời, mà chúng ta quan sát, nhận diện rõ ràng từng diễn biến, từng tác động. Nhờ vậy, những phản ứng của chúng ta trở nên có ý nghĩa, có đạo đức và hướng đến mục tiêu duy trì sự hòa hợp, an lành cho bản thân và cộng đồng.

Trong thế giới mạng, nơi mà sự nhanh chóng và tính bộc phát thường lấn át sự suy ngẫm, người Phật tử cần thực hành chánh niệm trong từng hành động nhỏ nhất. Từng bài đăng, từng bình luận, từng lời nói đều cần được quan sát và nhận diện với tâm tỉnh thức, không để cho sân hận hay tham ái làm lu mờ đi sự sáng suốt. Đây không chỉ là việc giữ vững niềm tin cá nhân, mà còn là một trách nhiệm đối với cộng đồng, nhằm lan tỏa những giá trị từ bi và trí tuệ của Phật giáo.

Mạng xã hội là một cơn bão không ngừng nghỉ của thông tin. Tại đây, những lời khen ngợi, chỉ trích, hay thậm chí là sự phi báng có thể dễ dàng được lan truyền, không phải lúc nào cũng phản ánh đúng bản chất sự việc. Đặc biệt trong cộng đồng Phật giáo, đã có không ít lần những hiểu lầm hoặc thông tin sai lệch trở thành đề tài tranh cãi. Người Phật tử, khi đối diện với những sự kiện này, không thể nào tránh khỏi cảm giác bất an và bối rối.

Tuy nhiên, chánh niệm là con đường mà Đức Phật đã chỉ dạy để giúp ta vượt qua những biến cố ấy. Khi bị vu khống, bị hiểu lầm, Phật không dạy ta phải trả đũa hay chứng minh sự thật bằng mọi giá. Thay vào đó, Ngài dạy rằng, hãy nhìn sự việc với con mắt từ bi và trí tuệ. Hãy hiểu rằng, mọi lời nói ra đều xuất phát từ tâm thức của người nói và chính tâm thức ấy có thể đang bị bao phủ bởi vô minh, sân hận hay phiền não. Vì vậy, thay vì đáp trả, hãy chọn cách im lặng trong tỉnh thức, để sự thật sẽ tự hiển lộ qua thời gian.

Lòng từ bi và sự tha thứ chính là liều thuốc chữa lành mọi vết thương từ những lời vu khống. Khi ta thực hành lòng từ bi với cả những người đã làm tổn thương mình, ta không chỉ bảo vệ được tâm hồn khỏi sự giận dữ, mà còn góp phần làm dịu đi những xung đột trong cộng đồng. Chánh niệm kết hợp với từ bi là cách để người Phật tử không chỉ giữ được sự bình an cho chính mình, mà còn lan tỏa sự an lành đó đến với những người xung quanh.

Trong Phật giáo, trí tuệ là yếu tố quan trọng giúp con người đạt đến sự giải thoát khỏi khổ đau. Trí tuệ không chỉ là khả năng nhận thức đúng – sai,

mà còn là sự hiểu biết sâu sắc về bản chất vô thường của vạn vật, giúp chúng ta không bám víu vào những điều phù phiếm, tạm bợ. Trong bối cảnh của mạng xã hội, trí tuệ giúp chúng ta phân biệt được đâu là thật, đâu là giả, đâu là những giá trị chân chính cần được bảo vệ và đâu là những điều nên buông bỏ.

Trí tuệ trong Phật giáo còn giúp chúng ta nhìn thấu được rằng, mọi tranh cãi và xung đột trên mạng xã hội, dù lớn hay nhỏ, đều chỉ là những biểu hiện tạm thời của những trạng thái tâm lý vô minh. Khi chúng ta nhận ra điều này, những phản ứng của ta sẽ trở nên điềm tĩnh và chánh niệm hơn. Thay vì lao vào tranh cãi, ta chọn cách nhìn nhận vấn đề một cách khách quan, sáng suốt và phản ứng sao cho phù hợp với giáo lý từ bi, trí tuệ của Phật.

Phật dạy rằng, mọi hành động, lời nói và suy nghĩ của chúng ta đều là kết quả của những điều kiện và duyên sinh từ quá khứ. Khi đối diện với sự chỉ trích, hoặc thậm chí là phỉ báng trên mạng xã hội, sự chánh niệm và lòng từ bi sẽ giúp chúng ta hiểu được cội nguồn của những lời lẽ ấy. Thay vì đáp trả bằng giận dữ hoặc đau khổ, chúng ta có thể thực hành từ bi vô lượng, thấu hiểu rằng những người gây tổn thương cho ta cũng đang chịu đựng sự vô minh và đau khổ của chính họ.

Lòng từ bi không chỉ là sự tha thứ, mà còn là sự chuyển hóa. Khi ta nhìn người khác bằng đôi mắt từ bi, ta không còn thấy họ là kẻ thù hay người đối địch, mà là những chúng sanh đang chịu khổ đau và cần được giúp đỡ. Sự phỉ báng hay chỉ trích, trong ánh sáng của từ bi, không còn là nguồn gốc của xung đột mà trở thành cơ hội để ta thực hành sự kiên nhẫn, lòng bao dung và khả năng chuyển hóa phiền não thành sự an lạc.

Trong mạng xã hội, nơi những lời nói ác ý hoặc những bình luận tiêu cực có thể lan truyền nhanh chóng, người Phật tử cần thực hành từ bi một cách mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Từ bi không chỉ dành cho những người gần gũi, mà còn dành cho cả những người làm tổn thương mình. Khi chúng ta chọn đáp trả những lời chỉ trích bằng lòng từ bi và sự kiên nhẫn, chúng ta không chỉ bảo vệ tâm hồn khỏi sự sân hận mà còn lan tỏa một thông điệp của sự hòa bình và tình thương đến với cộng đồng.

Có một sức mạnh vô hình nhưng vô cùng to lớn trong sự im lặng sáng suốt. Khi đối diện với những lời lẽ vô lý hoặc sự vu khống, chánh niệm không chỉ giúp chúng ta giữ vững tâm trí mà còn chỉ dẫn chúng ta biết khi nào nên im lặng. Im lặng, trong ánh sáng của Phật pháp, không phải là sự bất lực hay trốn tránh, mà là sự lựa chọn sáng suốt để giữ tâm bình lặng và không thêm dầu vào ngọn lửa tranh chấp.

Đức Phật đã từng nói: *"Người khôn ngoan là người biết khi nào nên nói và khi nào nên im lặng."* Điều này đặc biệt quan trọng trong thời đại của mạng xã hội, nơi mà bất kỳ phản ứng nào cũng có thể bị bóp méo hoặc đẩy xa ra khỏi ý định ban đầu. Trong những tình huống mà chúng ta cảm thấy không thể tìm ra một giải pháp hòa giải ngay lập tức, sự im lặng chánh niệm có thể là cách tốt nhất để không làm phức tạp thêm tình hình.

Sự im lặng không có nghĩa là từ bỏ hay lùi bước, mà là một hành động đầy trí tuệ để chờ đợi sự thật tự hiển lộ. Đôi khi, chỉ qua thời gian, mọi sự kiện sẽ tự bộc lộ bản chất thật của nó, và những tranh cãi vô nghĩa sẽ tự lắng dịu. Đây cũng là bài

học mà người Phật tử cần ghi nhớ khi đối diện với những thử thách trong cuộc sống và trên mạng xã hội.

Một trong những bài học quan trọng nhất trong Phật giáo là nghiệp báo – mỗi hành động, lời nói và suy nghĩ của chúng ta đều tạo ra một quả báo tương ứng. Vì vậy, khi đối diện với những tình huống khó xử trên mạng xã hội, chánh niệm trong lời nói và hành động trở nên vô cùng quan trọng. Mỗi bình luận, mỗi phản ứng của chúng ta đều mang theo năng lượng, và năng lượng đó có thể là tích cực hoặc tiêu cực, tùy thuộc vào tâm thức của người nói.

Khi ta thực hành chánh niệm, chúng ta trở nên có trách nhiệm hơn với từng lời nói và hành động của mình. Thay vì nói ra những điều thiếu suy nghĩ hoặc gây tổn thương cho người khác, chánh niệm giúp chúng ta dừng lại, suy ngẫm, và lựa chọn những lời nói từ bi, chân thành, và xây dựng. Chánh niệm không chỉ là việc tránh nói những điều sai trái mà còn là việc tích cực lan tỏa sự tích cực và yêu thương đến với mọi người xung quanh.

Trong mạng xã hội, điều này đặc biệt quan trọng, bởi vì mỗi lời nói của chúng ta có thể ảnh hưởng đến rất nhiều người. Khi chúng ta nói ra những lời lẽ tích cực, chúng ta không chỉ giúp tạo ra sự hòa hợp trong cộng đồng mà còn giúp xây dựng một không gian mạng lành mạnh, đầy tình thương và sự thông cảm. Chánh niệm trong lời nói và hành động chính là cách mà người Phật tử có thể đóng góp vào việc lan tỏa những giá trị tích cực của Phật giáo trong thế giới số hóa.

Phật giáo luôn khuyến khích chúng ta nhìn nhận mọi khó khăn trong cuộc sống như những bài học giúp ta trưởng thành. Những thách thức, hiểu lầm, hay sự phỉ báng mà chúng ta gặp phải trên mạng xã hội không chỉ là thử thách, mà còn là cơ hội để chúng ta học hỏi, rèn luyện sự kiên nhẫn và trí tuệ. Khi chúng ta thực hành chánh niệm, chúng ta không còn coi những khó khăn là điều tiêu cực, mà xem chúng như một phần tự nhiên của cuộc sống, giúp chúng ta tiến bộ trên con đường tu tập.

Lòng biết ơn trong Phật giáo không chỉ là sự cảm kích những điều tốt đẹp mà ta nhận được, mà còn là sự trân trọng cả những khó khăn, thử thách. Bởi chính nhờ những khó khăn đó mà ta có cơ hội thực hành chánh niệm, phát triển lòng từ bi, và rèn luyện trí tuệ. Khi nhìn nhận mọi sự kiện xảy ra trong cuộc sống bằng sự biết ơn, chúng ta sẽ không còn cảm thấy oán hận hay bất mãn, mà thay vào đó là sự bình an và thanh thản trong tâm hồn.

Trong bối cảnh của mạng xã hội, khi những sự kiện tiêu cực có thể dễ dàng làm ta mất bình tĩnh, việc nhìn nhận chúng như những bài học quý giá sẽ giúp chúng ta duy trì được sự chánh niệm và lòng từ bi. Thay vì bị cuốn vào vòng xoáy của giận dữ và tranh cãi, hãy biết ơn vì những cơ hội mà cuộc sống mang lại, để chúng ta thực hành chánh pháp và trở nên mạnh mẽ hơn trên con đường tu tập.

Một trong những mục tiêu quan trọng của Phật giáo là xây dựng một cộng đồng hòa hợp và cùng nhau phát triển. Trong thời đại của mạng xã hội, cộng đồng không còn giới hạn trong không gian vật lý, mà còn lan tỏa đến thế giới ảo. Người Phật tử, với sự thực hành chánh niệm và từ bi, có thể góp phần vào việc xây dựng một không gian mạng lành mạnh, đầy sự yêu thương và hỗ trợ lẫn nhau.

Chánh niệm không chỉ giúp chúng ta giữ vững

tâm trí cá nhân mà còn có khả năng lan tỏa năng lượng tích cực đến với những người xung quanh. Khi ta thực hành chánh niệm trong lời nói và hành động, ta trở thành tấm gương cho những người khác, khuyến khích họ cũng sống chánh niệm và từ bi. Bằng cách này, chánh niệm không chỉ là một hành động cá nhân mà còn là một công cụ mạnh mẽ để xây dựng và củng cố sự hòa hợp trong cộng đồng.

Trong mạng xã hội, nơi mọi người dễ dàng tiếp cận và giao tiếp với nhau, sự kết nối qua chánh niệm có thể tạo ra những thay đổi lớn. Khi chúng ta lan tỏa sự yêu thương và hiểu biết, khi chúng ta chọn lời nói tử bi và chân thật, ta không chỉ giúp xây dựng một cộng đồng mạnh mẽ, mà còn góp phần vào việc lan tỏa những giá trị tinh thần của Phật giáo ra khắp thế giới.

*

Trong một thế giới đang thay đổi nhanh chóng, nơi mạng xã hội trở thành nguồn thông tin chủ yếu và là nơi diễn ra các cuộc tranh luận không ngừng nghỉ, người Phật tử đối diện với một thách thức mới: làm sao giữ vững được tâm an lạc và tinh thức giữa dòng đời biến động ấy. Đứng trước những sự kiện bất ổn, những lời chỉ trích, và cả sự phi báng, chánh niệm là ngọn đèn sáng soi lối cho người Phật tử, giúp họ vững bước trên con đường của tử bi và trí tuệ.

Giữa cơn bão thông tin trên mạng xã hội, mỗi phản ứng, mỗi lời nói và hành động đều là một phép thử đối với chúng ta. Mạng xã hội có thể là môi trường đầy bất định, nơi những thông tin và cảm xúc tiêu cực lan tỏa nhanh chóng. Nhưng trong chính không gian đó, chánh niệm lại chính là chiếc la bàn, giúp chúng ta không bị lạc hướng, không bị cuốn theo những cảm xúc nhất thời. Chánh niệm nhắc nhở ta rằng, mọi hành động cần phải dựa trên lòng tử bi và trí tuệ, để không chỉ bảo vệ bản thân mà còn lan tỏa sự bình an đến với cộng đồng.

Phật giáo luôn nhấn mạnh rằng tử bi là một trong những yếu tố cốt lõi của sự tu tập và giải thoát. Tử bi không chỉ là lòng thương yêu, mà còn là sự hiểu biết và tha thứ cho những hành động sai lầm, những lời nói thiếu suy nghĩ của người khác. Trong bối cảnh mạng xã hội, khi mà những lời chỉ trích và tranh luận có thể dễ dàng leo thang thành xung đột, lòng tử bi sẽ giúp chúng ta kiềm chế được sự giận dữ và giữ tâm thanh thản.

Khi thực hành lòng tử bi trong lời nói và hành động, chúng ta sẽ không phản ứng theo những cảm xúc tiêu cực mà thay vào đó là sự khoan dung, thấu hiểu. Tử bi giúp chuyển hóa sự sân hận thành hòa giải, chuyển hóa tranh cãi thành sự thấu cảm. Tử bi cũng là sức mạnh giúp chúng ta bảo vệ cộng đồng Phật giáo khỏi những ảnh hưởng tiêu cực của mạng xã hội, giúp duy trì sự hòa hợp và đoàn kết trong lòng cộng đồng.

Đối diện với những chỉ trích hay hiểu lầm, thay vì đáp trả bằng sự phản ứng gay gắt, người Phật tử có thể chọn cách lắng nghe bằng trái tim tử bi và đáp lại bằng sự im lặng tinh thức. Đây không phải là sự yếu đuối hay thỏa hiệp, mà là một hành động đầy trí tuệ, để không tạo thêm mâu thuẫn và giữ cho tâm mình luôn an lạc.

Trong Phật giáo, trí tuệ luôn đi đôi với từ bi, giúp người tu tập không chỉ hiểu rõ những vấn đề mà họ đối diện, mà còn nhìn sâu vào bản chất của chúng. Trí tuệ không chỉ là khả năng nhận thức đúng – sai, mà còn là sự thấu hiểu rằng mọi sự kiện trong cuộc đời đều có nhân duyên, và mọi thứ đều vô thường, không có gì là mãi mãi.

Khi đối diện với những tranh cãi hay lời chỉ trích trên mạng xã hội, trí tuệ giúp chúng ta nhận ra rằng, những cảm xúc tiêu cực, những lời phi báng cũng chỉ là tạm thời, chúng không phải là bản chất thật của con người. Chính sự thấu hiểu này giúp chúng ta không bị cuốn theo cảm xúc, không để những sự kiện nhất thời làm lay động tâm hồn. Khi nhìn sự việc bằng trí tuệ, chúng ta sẽ thấy rõ ràng, thay vì phản ứng ngay lập tức, hãy để thời gian làm sáng tỏ mọi thứ, và hãy hành động theo đúng tinh thần của tử bi và chánh niệm.

Trong mạng xã hội, trí tuệ còn giúp chúng ta phân biệt được đâu là sự thật và đâu là những thông tin sai lệch. Thay vì vội vàng tin vào mọi thứ ta nhìn thấy hay nghe được, trí tuệ giúp chúng ta kiểm chứng, suy xét và đưa ra những phản ứng đúng đắn, phù hợp với tinh thần Phật pháp.

Sự thực hành chánh niệm, tử bi và trí tuệ không chỉ giúp chúng ta vượt qua những khó khăn trong đời sống hàng ngày, mà còn dẫn đến sự bình an nội tại. Khi chúng ta không còn bị cuốn theo những lời lẽ tiêu cực hay sự chỉ trích, khi chúng ta biết buông bỏ những cảm xúc sân hận và thay vào đó là sự chánh niệm và tử bi, ta sẽ tìm thấy sự bình an trong tâm hồn.

Bình an nội tại không phải là điều gì xa vời hay không thể đạt được. Đó là kết quả tự nhiên của quá trình tu tập, là hoa trái của sự tinh thức và lòng tử bi. Khi tâm hồn không còn bị xao động bởi những sự kiện bên ngoài, khi chúng ta không còn cảm thấy giận dữ hay đau khổ trước những lời chỉ trích, ta sẽ cảm nhận được sự thanh thản, an lạc trong từng khoảnh khắc sống.

Trong mạng xã hội, nơi mọi thứ diễn ra quá nhanh và đôi khi hỗn loạn, sự bình an nội tại trở thành một nguồn lực quý giá để giữ vững tâm trí. Bình an không phải là sự thụ động, mà là sự kiên định trong tu tập, là khả năng đối diện với mọi khó khăn mà không bị lay động, là sự an lạc trong từng lời nói, từng hành động.

Giữa dòng đời vô thường, giữa cơn bão mạng xã hội, người Phật tử không chỉ có trách nhiệm giữ vững sự tinh thức cho bản thân mà còn lan tỏa giá trị của chánh niệm, tử bi và trí tuệ đến với cộng đồng. Sự thực hành chánh niệm trong từng suy nghĩ, từng lời nói và hành động không chỉ giúp chúng ta giữ được tâm hồn bình an mà còn xây dựng một cộng đồng hòa hợp, yêu thương.

Chánh niệm là con đường, tử bi là đôi cánh và trí tuệ là ngọn đèn soi sáng lối đi. Hãy vững bước trên con đường ấy, dù ngoài kia có là cơn bão tố của tranh cãi, hiểu lầm, hay sự phi báng. Chánh niệm sẽ luôn là nguồn sáng dẫn lối, giúp chúng ta không chỉ vượt qua những khó khăn trong cuộc sống mà còn đóng góp vào việc lan tỏa giá trị Phật pháp, mang lại sự an lạc cho bản thân và cho tất cả chúng sinh.



TRỊ VẾT THƯƠNG

Tội thay có một ông già
Bị vua đánh đập rất là nhẫn tâm
Mang thương tích nặng vô ngần
Ông dùng phân ngựa thoa luôn ngay vào
Vài hôm thương tích lành mau.
Có người ngu nọ thấy sao lạ lùng
Bèn lên tiếng nói vui mừng:
“Ta vừa học được một phương thuốc này
Trị thương tích thật là hay.”
Người ngu vội vã về ngay nhà mình
Gọi con ra khê tâm tình:
“Cha vừa biết thuốc chữa lành vết thương
Thật hay ho, thật lạ thường
Con để cha đánh sau lưng bây giờ
Rồi khi thương tích hiện ra
Thuốc hay kia sẽ đem thoa chữa liền
Chắc là hiệu nghiệm vô biên.”
Con nghe cha nói xong bèn chịu ngay
Đánh lưng con cha ra tay
Rồi đem phân ngựa thoa đầy vết thương
Thật là ngu xuẩn trăm đường
Khiến cho thiên hạ bốn phương chê cười.

*

*Truyện này thí dụ có người
Muốn tu học Phật Pháp thời làm mê
Để phiền não, tham sân si
Tự do phát khởi. Mất đi Pháp Lành
Lại thêm nghiệp lụy tăng nhanh.
Tỉ như nghe nói thực hành tốt thay
“Quán thân bất tịnh” thật hay
Thân phàm ngũ uẩn bỏ ngay dễ dàng
Thoát ly sinh tử đôi đường,
Hắn bèn “nữ sắc” coi thường quán mau
Quán thêm “ngũ dục” xem sao
Than ôi kết quả thâm sâu tới nhanh
“Quán thân bất tịnh” không thành
Vì tâm chưa vững nên đành đón đau
Đường mê sắc dục dẫn sâu
Từ sinh nghiệp báo tránh đâu thoát nào!*

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(Thi hóa phỏng theo Kinh Bách Dụ)



Dress Whip Wounds

Once upon a time, there was a man who was punished by the king by whipping and was wounded from it. He applied on the wounds horse excrement for quick recovery. A stupid man nearby was pleased to see it. He said to himself, "I have just discovered the method to cure a wound faster."

As soon as he got home, he told his son, "You are going to whip me until I'm wounded. I have got a good method to cure wounds. I should like to try it."

Then, he was flogged by his son who dressed his wounds with horse excrement, believing it was a good method.

So are the people at large who hear that the practice of meditation on impurities could remove the evil corruption of the body. They say to themselves in these words, "We are going to meditate on venery and the five desires."

They did not see the impurities of the body, but rather got deceitful and wrong ideas from the pursuit of sexual pleasure. Furthermore, they suffer from Transmigration and descend into Hell.

This is held to be true with the stupid at large dressing their wounds with horse excrement.

(from SAKYAMUNI'S ONE HUNDRED FABLES" Translated by Tetcheng Liao)

DỊCH ĐẠI TẠNG KINH LÀ LỢI LẠC CHO NHIỀU THỂ HỆ

Cuộc hội kiến đặc biệt giữa Hòa thượng Thích Như Điển
với Đại sư Zong Rinpoche và Geshe Kunchok Woser

Huyền Kim Quang

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN



Ngài Zong Rinpoche, HT Thích Như Điển, HT Thích Thông Triết, Thầy Kusho, và Thầy Trú Trì DTL Lobsang Jampa tại Chùa TDL, Long Beach.

Đây là lần thứ hai tôi đến Tu Viện Gaden Shartse Thubten Dhargye Ling (còn được gọi là Chùa TDL) tại Thành Phố Long Beach, Miền Nam California, Hoa Kỳ. Lần đầu tôi đến đây cách nay vài năm để làm phóng sự cho pháp sự kiến tạo Mạn Đà La do chư Tăng tử Tu Viện Gaden Shartse Monastery tại Ấn Độ sang thực hiện.

Tu Viện Gaden Shartse Thubten Dhargye Ling do Đại Sư Geshe Tsultim Gyeltsen thành lập vào năm 1978. Đại Sư có mối giao tình với Cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân vì cả hai ngài đều là Giáo Sư tại Đại Học UCLA thời bấy giờ. Đại Sư đã viên tịch vào tháng 1 năm 2009.

Lần này tôi được phước duyên đưa đón Hòa Thượng Thích Như Điển, Chủ Tịch Ủy Ban Phiên Dịch Trung Ương của GHPGVNTN do Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ thành lập trước khi Ngài viên tịch vào tháng 11 năm 2023. Chuyến đi này đặc biệt là vì Hòa Thượng Thích Như Điển đến Chùa TDL để thăm và bàn một số Phật sự với Đại Sư Kyabje Zong Rinpoche và Geshe Kunchok Woser (mà Phật tử VN thường gọi thân mật là Thầy Kusho) liên quan đến công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam đã và đang tiến hành.

Sở dĩ có cuộc hội ngộ đặc biệt này là nhờ tâm nguyện và nỗ lực của hai vị nữ cư sĩ Nguyễn Hạnh Nhã Ca Trần Thị Thu Vân và nữ cư sĩ Diệu Đế Nguyễn Thị Huyền (Thân mẫu của Thầy Kusho) đã liên lạc và sắp xếp lịch trình của cuộc gặp mặt.

Khi phái đoàn chúng tôi đến Chùa TDL sớm hơn giờ hẹn thì có Nha Sĩ Phạm Tiếp Hỷ (Thân phụ của Thầy Kusho) ra đón. Lễ ra hôm nay chị Huyền đến đây để đón quý Hòa Thượng (phái đoàn có thêm Hòa Thượng Thích Thông Triết, Viện Chủ Tu Viện Chánh Pháp tại Oklahoma), nhưng chị bị cảm nên không dám đến vì sợ lây bệnh cảm cho quý ngài nên đã nhờ phu quân là anh Hỷ đi thế. Anh Hỷ bảo tôi chờ để anh vào thông báo cho Thầy Kusho biết để Thầy ra mở cửa chính của Chùa để đón quý Hòa Thượng. Anh còn nói thêm là không thể để quý Hòa Thượng đi vào cửa sau. Qua hành động dù rất nhỏ này đã cho tôi một cảm nhận sâu sắc về lòng kính tín Tăng Bảo của anh.

Vì chưa tới giờ hẹn gặp ngài Zong Rinpoche, 11 giờ sáng, nên Thầy Kusho đã tiếp nhậm vị Hòa Thượng trong thời gian chờ đợi. Tôi đã gặp Thầy Kusho năm bảy năm trước tại văn phòng tòa soạn nhật báo Việt Báo ở Little Saigon trong dịp Thầy về thăm gia đình lúc Thầy còn đang học ở Ấn Độ. Bây giờ gặp lại Thầy thì thấy Thầy cao, ốm và trầm tĩnh hơn. Thầy



HT Thích Như Điển (thứ 2 từ trái) đang giới thiệu về công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh VN cho ngài Zong Rinpoche (đầu cùng từ trái), bên phải là HT Thích Thông Triết.

có phong cách oai nghiêm của một vị Tăng sĩ trẻ có nội hàm tu tập và kiến văn Phật học bác lãm. Thầy nói tiếng Việt rất sôi nên quý Hòa Thượng không cần phải dùng đến tiếng Anh để trao đổi với Thầy.

Ở đây xin giới thiệu một chút về Thầy Kusho để độc giả biết lý do tại sao Ủy Ban Phiên Dịch Trung Ương của GHPGVNTN cần Thầy giúp về lãnh vực Tạng ngữ. Theo Nhà Sĩ Phạm Tiếp Hỷ cho biết Thầy Kusho sinh năm 1986 tại Mỹ. Từ nhỏ Thầy đã theo ba mẹ đến Chùa TDL để nghe Pháp và làm quen với sinh hoạt của chốn Thiền môn theo truyền thống Gelug của Phật Giáo Tây Tạng. Theo bài viết của cựu Chủ Bút Việt Báo Phan Tấn Hải, vị Trụ Trì Chùa TDL lúc đó là Đại sư Geshe Tsultim Gyeltsen, tác giả nhiều sách về Phật học về Trung luận và Tánh Không, trong đó có 3 cuốn viết bằng tiếng Anh. Năm 2002, Thầy Kusho đã sang Dharamsala, Ấn Độ để nhập chúng tu học được một năm rưỡi ở Tu Viện Gaden Shartse Monastery rồi vào thẳng tu viện Institute of Buddhist Dialectics (IBD). Năm 2004, Thầy Kusho thọ Sa Di (10 giới). Năm 2008, Thầy Kusho thọ đại giới Tỳ Kheo với Đức Đạt Lai Lạt Ma, trở thành vị sư của dòng Gelug, mà người cao cấp nhất của dòng này là Đức Đạt Lai Lạt Ma. Thầy vừa tốt nghiệp Geshe Lharampa, học vị cao nhất của truyền thống Gelugpa của Phật Giáo Tây Tạng. Thầy cũng là vị Tăng sĩ Việt Nam đầu tiên từ trước tới nay tốt nghiệp học vị này.

Hòa Thượng Thích Như Điển đã bắt đầu câu chuyện bằng việc giới thiệu sơ lược cho Thầy Kusho biết về Hội Đồng Hoảng Pháp, mà Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ khuyến tấn thành lập và làm Cố Vấn và HT Thích Như Điển làm Chánh Thư Ký, và những Phật sự trong vài năm qua của Hội Đồng. Hòa Thượng cũng đã giới thiệu sơ lược từ Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời lúc đầu, do Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ tái lập từ Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng của Viện Tăng Thống GHPGVNTN thành lập vào năm 1973, đến Ủy Ban Phiên Dịch Trung Ương hiện nay do Hòa Thượng Thích Như Điển làm Chủ Tịch để kế thừa vai trò lãnh đạo theo di nguyện của Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ trước khi viên tịch.

Hòa Thượng Thích Như Điển nói về công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh của Ủy Ban Phiên Dịch Trung Ương. Hòa Thượng cho biết hiện Ủy Ban Phiên Dịch Trung Ương đã có quý dịch sư là Tăng, Ni mà Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đã dày công đào tạo để đảm trách phần phiên dịch từ Hán văn của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh Nhật Bản sang Việt ngữ, cộng với phần đối chiếu và chú thích các bản từ tiếng Phạn (Sanskrit), tiếng Pali, tiếng Nhật. Đặc biệt có Ni Sư Thích Nữ Thanh Trì, tốt nghiệp Tiến Sĩ tại Nhật, lo phần duyệt xét giáo nghĩa các bản dịch liên quan đến tiếng Phạn, Hán và Nhật.

Nhưng, theo Hòa Thượng Thích Như Điển thì hiện Ủy Ban Phiên Dịch Trung Ương chưa có vị nào giỏi tiếng Tây Tạng để giúp trong việc phiên dịch. Vì vậy, nhu cầu cần thiết trước mắt của Ủy Ban Phiên Dịch Trung Ương là dạy tiếng Tây Tạng cho Tăng, Ni nào phát tâm đóng góp vào công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam trong thời gian tới. Hòa Thượng cũng đã nhắc lại tâm nguyện của Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đã nói ra trước khi viên tịch là muốn Thầy Kusho sau khi hoàn tất học vị Lharampa của hệ thống giáo dục Phật Giáo Tây Tạng thì giúp cho Ủy Ban Phiên Dịch Trung Ương về

phần dạy tiếng Tây Tạng. Hòa Thượng Thích Như Điển đã chính thức mời Thầy Kusho giúp cho Phật sự này. Hòa Thượng đã cho biết thêm là Ni Sư Thích Nữ Khánh Năng cũng đã phát nguyện phụ giúp cho Thầy Kusho trong việc dạy tiếng Tây Tạng, vì Ni Sư đã tốt nghiệp Tiến Sĩ Phật Học tại Sri Lanka và Cao Học chuyên ngành Tạng ngữ tại Đại Học Naropa, Colorado, Hoa Kỳ.

Đáp lại, Thầy Kusho cho biết là hiện nay Thầy đang bận công tác Phật sự lo cho Chùa TDL ở đây nên chưa dám hứa. Thầy xin có thêm thì giờ để suy nghĩ, vì đây là vấn đề quan trọng. Thầy Kusho nói rằng khi bước vào thực tế hành động thì mới thấy vấn đề này không đơn giản. Thầy cho thí dụ rằng cần phải suy nghĩ về chương trình dạy, nội dung dạy, cách thức dạy để làm sao mang lại được kết quả tốt. Thầy Kusho cũng cho biết nếu thực sự đi vào việc học tiếng Tây Tạng thì các học viên phải mất ít nhất 2 năm đầu để học ngôn ngữ (tiếng Tây Tạng) rồi sau đó mới chính thức học các bộ Kinh tiếng Tây Tạng.

Hòa Thượng Thích Như Điển nói thêm rằng là việc dạy tiếng Tây Tạng có thể thực hiện qua Zoom và các học viên tham gia có thể ở bất cứ đâu chứ không cần phải tập trung một chỗ. Điều này sẽ thuận lợi cho vị giáo sư dạy và các học viên.

Nhân đây, Hòa Thượng Thích Như Điển có hỏi Thầy Kusho hiện có bao nhiêu Tăng, Ni Việt Nam theo học chương trình giáo dục cao nhất của Phật Giáo Tây Tạng như Thầy tại Ấn Độ? Thầy Kusho cho biết Thầy có biết và đã gặp mặt vài vị Tăng sĩ người Việt Nam đã và đang theo học chương trình Phật Học cao nhất này và những vị này học rất giỏi, rất thông minh.

Cuộc trò chuyện đang tiếp diễn thì vị Trụ Trì Chùa TDL là Geshe Lobsang Jampa vào báo tin đã đến giờ hẹn gặp ngài Zong Rinpoche. Tôi theo sau nhị vị Hòa Thượng được Thầy Trụ Trì và Thầy Kusho hướng dẫn lên lầu để vào phòng gặp ngài Zong Rinpoche.

Ở đây xin giới thiệu sơ lược về ngài Zong Rinpoche. Theo tài liệu từ trang Web của Tu Viện Gaden Shartse Thubten Dhargye Ling cho biết, ngài Kyabje Zong Rinpoche sinh vào năm 1985 tại Kuluta, Bắc Ấn Độ. Ngài đã được Đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14 thừa nhận vào năm 1990 là tái sinh của Đại Sư Zong Rinpoche. Ngài Zong Rinpoche tái sinh đã học với ngài Sharpa Choje Rinpoche và Kyabje Lati Rinpoche tại Gaden Shartse Monastery ở Mundgod, Nam Ấn Độ. Vào năm 1999, ngài Zong chính thức học 5 bộ đại luận của Phật Giáo và cũng bắt đầu dạy nhiều học sinh. Năm 2019, ngài hoàn tất cuộc thi trắc nghiệm và tốt nghiệp học vị danh dự cao nhất Geshe Lharampa. Sau nhiều năm tu tập, ngài đã dự học Trường Cao Đăng Mật Tông Gyuto Tantric College và hoàn tất việc nghiên cứu mật tạng vào năm 2022.

Hòa Thượng Thích Như Điển đã tự giới thiệu và giới thiệu Hòa Thượng Thích Thông Triết với ngài Zong Rinpoche. Hòa Thượng nói ngài đã đi du học tại Nhật vào năm 1972. Đến khi Cộng Sản chiếm miền Nam Việt Nam vào tháng 4 năm 1975 thì Hòa Thượng đã không thể trở về lại quê hương. Ngài ở đó tiếp tục học chuyên ngành Cử nhân giáo dục và Cao học Phật giáo tại Đại học Teikyo và Đại học Risso (Lập Chánh) tại Tokyo. Vào năm 1977 ngài xin tị nạn và định cư tại Đức cho đến nay. Xong phần giới thiệu của Hòa Thượng Thích Như Điển,

ngài Zong Rinpoche đã nhìn tôi như thể muốn nghe tôi tự giới thiệu. Tôi đã nhắc lại duyên lành mà tôi có khi gặp ngài lần đầu cách nay mấy năm lúc ngài đến thăm tòa soạn Việt Báo của Ama Nhã Ca. Khi nghe đến Việt Báo và Ama Nhã Ca thì ngài cười và có vẻ đã nhớ sự kiện đó. Riêng Nha Sĩ Phạm Tiếp Hỷ thì ngài đã biết là phụ thân của Thầy Kusho rồi nên không cần giới thiệu.

Hòa Thượng Thích Như Điển bắt đầu trình bày lý do đến thăm ngài Zong Rinpoche và Thầy Kusho. Hòa Thượng nói sơ qua về công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam của Ủy Ban Phiên Dịch Trung Ương đã và đang thực hiện, đồng thời cho biết nhu cầu cần thiết trong việc dạy tiếng Tây Tạng cho một số Tăng, Ni Việt Nam để giúp cho công trình phiên dịch này. Hòa Thượng nói rằng ngài biết ngài Zong Rinpoche là Thầy của Thầy Kusho nên rất mong ngài Zong Rinpoche khuyến tấn Thầy Kusho giúp công tác Phật sự quan trọng này.

Ngài Zong Rinpoche chăm chú nghe Hòa Thượng Thích Như Điển và tỏ ra rất thích thú đối với công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam do Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ thực hiện. Ngài nói rằng đây là việc làm rất lợi lạc nếu Thầy Kusho có thể giúp dạy tiếng Tây Tạng cho Ủy Ban Phiên Dịch Trung Ương. Ngài nói ngài rất hoan hỷ về việc này và đây là điều nên khuyến khích. Ngài nói đây là việc làm lợi lạc không những nhiều năm, nhiều thập niên mà còn nhiều thế hệ tương lai. Ngài bày tỏ lòng cảm thương đối với những đau khổ mà nhân loại đã và đang gánh chịu. Ngài nói tiếp rằng chính vì thế mà Đức Phật đã ra đời để cứu khổ chúng sinh và Phật Pháp cần phải được truyền bá rộng khắp hơn nữa để giúp giải thoát khổ đau cho mọi chúng sinh.

Trong dịp này tôi đã hỏi thăm Thầy Trú Trì Lobsang Jampa về sinh hoạt của Chùa TDL. Thầy cho biết mỗi Chủ Nhật ở Chùa đều có thời khóa giảng Phật Pháp và có hơn một trăm Phật tử, gồm nhiều Phật tử Việt Nam, tham dự. Thầy nói ngài Zong Rinpoche chỉ đến thăm trong vài ba tuần rồi đi Phật sự tại Singapore trước khi về lại Ấn Độ.

Nha Sĩ Phạm Tiếp Hỷ trước đó có cho tôi biết là bên Tu Viện Gaden Shartse Monastery đã cử Thầy Lobsang Jampa về điều hành Chùa TDL trong vai trò tổng quản trị, tương đương với chức Trú Trì, trong 2 năm, và cử Thầy Kusho về làm phụ tá (Phó Trú Trì) cho Thầy Lobsang Jampa cũng trong thời gian 2 năm. Theo Dược Sĩ Hỷ, đây là phương cách hoạt động và điều hành một ngôi chùa hay tu viện của Phật Giáo Tây Tạng.

Xin chú thích thêm một chút về hai từ Rinpoche và Geshe được dùng trong bài này để độc giả không cảm thấy xa lạ. Rinpoche là tiếng Tây Tạng có nghĩa là "người cao quý." Danh hiệu này được đặt sau tên của một vị Thầy mà được chính thức công nhận là tái sinh của một bậc Thầy vĩ đại. Về Geshe, chữ "Ge" có nghĩa là đức hạnh, và chữ "she" có nghĩa là hiểu biết. Vì vậy chữ Geshe có nghĩa là vị hiểu biết về đức hạnh, biết điều gì nên làm và điều gì nên buông bỏ. Có bốn cấp bậc Geshe trong hệ thống đại học của Dòng Gelugpa: Lharam, Tsokram, Rigram và Lingse.

Sau khi chụp hình chung lưu niệm, quý Hòa Thượng đã từ giả ngài Zong Rinpoche ra về. Thầy Kusho và Nha Sĩ Phạm Tiếp Hỷ đã đưa chúng tôi ra tận ngoài đường. Quả thật, đây là một chuyến đi nhiều hoan hỷ và lợi lạc.



MUA THU DÃ VỀ

*mùa thu chơi trò trá hình
dưới vòm lá hoang vu
tia nắng bắt đầu phai trên tóc
ngôi ghé xanh im lặng
trần trụi không ý nghĩ
chung quanh những tiếng đời ngân ngân
chợt qua*

*nghe ngâm bao nhiêu ân ngữ
lao xao mỗi góc lòng
buổi chiều nghe kinh nhật tụng
sương rơi trên phố lặng im
những con sông soi mòn ray rứt
đêm dài tìm ánh trăng cổ độ không yên*

*ngày tàn hạ vẫn có con chim ca hát
thân thiện với khu vườn hoang dã
giọt mưa vô tình khát khao run rẩy
một ánh mắt nơi đất khách
rời xa nhưng gần nhau
chia tay dưới ngọn đèn mờ
bóng thiên sư ân hiện
giữ nguyên vẹn giấy nát vàng thơ...*

THY AN

tặng Uyên Nguyên

Hương Tích còn mãi!

THÍCH NỮ DIỆU NHƯ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Dòng thời gian lặng lẽ trôi, Người rời xa chúng con một thoáng chớp mắt đã liền qua một năm rồi. Nơi đây, chúng con xin mạo muội ôn lại những khoảnh khắc tình Thầy trò với những ký ức huyền diệu, từng bài pháp vô giá, từng lời sách tấn vàng ngọc, từng lời động viên bằng tâm huyết... Mỗi biểu hiện của Người đều thấm đầy tình đạo vị, bằng trách nhiệm của nhà giáo dục Phật giáo; bằng tâm bi trí dũng của bậc Thầy lãnh đạo tinh thần, trọn cuộc đời Người luôn sống vì Đạo pháp - Dân tộc và đàn hậu học.

Ngắm lại, một thời học Ni chúng con được cấp sách đến học dưới mái chùa mang tên Quảng Hương Già Lam, xung quanh bao phủ bởi nhiều thể lực, với những bộ đồng phục lẫn lộn lắm je, ngồi canh cửa trước cổng chùa, ai đến học với Ôn cũng đều bị ghi số xe.

Buổi học Luận Chỉ Quán vừa tan, chúng con được Ôn kêu cho cuốn sách, thoáng nhìn lên vách tường, trước bàn làm việc của Ôn, đoạn văn ghi trên mảnh giấy post-it note màu vàng, bằng tiếng Hàn Quốc với gần 9 ngôn ngữ, tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Hoa, tiếng Phạn, tiếng Pali, tiếng Sanskrit... kèm theo dán một dọc. Ôi! Bạch Ôn, đúng là họ nói Ôn là thần đồng không sai! Người cười rồi nói: *"Tui cũng học lắm chứ, thần đồng thần vàng chi. Mà đã học, thì học một lần cho luôn, khỏi mất thời gian, đỡ tốn giấy mực"*.

Nhớ lại, chẳng đường tờ báo "Tập San Pháp Luân - Trao Đổi Kiến Thức Cơ Bản Phật Học" Cổ vấn - Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, Tổng Biên Tập Thầy Viên Phương. Mỗi lần đến ký hợp báo nếu ai đó có lỗi lầm gì, Người luôn cho vị đó thưa bạch trước. Người luôn im lặng, lắng nghe mỉm cười rồi sách tấn, nhắc 7 pháp Diệt Tránh để khuyến khích, động viên cho quý huynh đệ hoà giải, theo phương pháp Lục Hoà Kính. Rồi Người dạy: Nếu một tổ chức quần chúng, hoặc nhóm tập hợp có các quyền lợi, mục tiêu và trách nhiệm, cho đến trong các tự viện, nếu ứng dụng những pháp này thì tự khắc nơi đó sẽ được an yên.

Lần đó chúng con đến học lớp Thành Duy Thức Luận, khi tan học về bốn tự, thấy một lá thư ghi... "mai đúng 8 giờ sáng có mặt tại phòng ..." Lúc tới làm việc với họ, xoay qua quay lại với nội dung 'không được đến học các lớp Thầy Tuệ Sỹ dạy.' Họ cứ quần tới quần lui chỉ một nội dung như vậy.

Ngày khác đến học Ôn dạy: "Nếu họ mời lại thì con cứ nói, muốn gì thì đến Thầy Tuệ Sỹ mà hỏi tui không biết."

Chỉ vài lời ngắn gọn vậy thôi, như đã phủ kín sự che chở, xoá tan đi những nỗi thấp thỏm lo sợ bấy lâu nay, như gói trọn trách nhiệm của một bậc Thầy Đại Dũng; làm cho chúng con thêm nghị lực, bồi thêm dũng khí, như được tiếp thêm năng lượng bình yên. Gặp lúc mình đang bị khủng bố, hoảng sợ, trong lòng cứ hoang mang phập phồng bất an, rồi

suy nghĩ băng quơ, không biết nơi đâu là điểm tựa tinh thần cho mình bước vững trên đôi chân, để tiếp tục theo con đường lý tưởng của mình đang chọn đây?

Chính nhờ câu nói trấn an của Người, đã cứu chúng con thoát ra khỏi nỗi ám ảnh kinh hoàng khủng khiếp thời đó.

Ngày khác đến học lớp Luật Tứ Phần, chúng con dẫn ba sư cô bạn đến dâng lễ Người trước, để được dự vào lớp học, Ôn dạy: "Thời này mà có người ham học Kinh Luật Luận là quý hoá quá, học để biết mà ứng dụng vào cuộc sống. Lại nếu ai có hỏi biết đường trả lời cho đúng, chứ tu sĩ mà Kinh Luật Luận của nhà Phật không hiểu, cứ mờ mờ ảo ảo thì không những uổng phí cho cả một đời Tu của mình, mà còn gây hậu quả và hệ lụy cho cả Phật Giáo".

Nhớ lại một ký ức khó phai của thời học Ni, tại Thư Quán Hương Tích, môn Kinh Kim Cang Giảng Giải, Ôn dạy một bảng Kinh với 5 ngôn ngữ. Lúc đó Quý Thầy Cô nhìn tròn xoe đôi mắt, cứ thế ngược lên nhìn Ôn, lại có vị thốt lên rằng mình chỉ học một hoặc hai ngôn ngữ thôi cũng thấy xanh mặt đỏ cả mặt rồi. Sạo Ôn dạy một bảng Kinh có tới 5 ngôn ngữ luôn! Ôi! Chỉ có những bậc Thánh tái sanh mới được vậy thôi. Lại có vị nói, hèn gì pháp hiệu Ôn là thượng Tuệ hạ Sỹ phải. Chứ mắt phàm, tính phàm không thể dạy một cách rốt ráo thông tuệ như vậy đâu. Tính Ôn rất kỹ cương và chìn chu trong lúc giảng giải Kinh Luật Luận. Một chữ chưa thoát hết nghĩa lý và tư tưởng là Người cứ tra cứu, cho đến khi tác giả đó, chỉ trong câu kinh này thấy rõ ràng, mạch lạc nhiều người hiểu là Ôn mới ngừng tra cứu. Người giảng dạy mang tính hàn lâm với cấp độ cao



nên nhiều vị theo học, mới đầu hơi khó hiểu, học một thời gian nắm được phương pháp của Người dạy rồi ai cũng hăng say học tập, có lúc hết giờ học rồi mà đại chúng cứ lắng nghe chăm chú.

Lớp học vừa tan, được Ôn kêu đem những bộ Luật Tứ Phần này về chùa cho quý cô đọc mà hành trì. Tính Người rất thích ủng hộ và nâng đỡ Tăng Ni về việc tu học, nếu ai có tính cầu học, Người luôn luôn động viên và tạo mọi điều kiện cho vị đó. Ôn dạy, tu học và hành trì tự mình có pháp lạc, mới giúp ích cho nhiều người được.

Lần nọ, con đến thỉnh ý Ôn, xin Ôn khai thị chỉ giáo hướng dẫn cách chọn đề tài để viết luận án tiến sĩ, cho năm học tốt nghiệp sắp tới.

Ôn dạy, "nên chọn đề tài nhỏ lại, như chúng ta định xây một căn nhà, khả năng tài chánh của mình xây xong ngôi nhà đó, vẫn còn dư lại.

Thì việc chọn đề tài cũng vậy, mình chọn đề tài nhỏ, nhưng tư liệu, tài liệu, sách báo... quá trình tích lũy thu thập lâu nay đã đủ, thì khi viết không bị lúng túng, tập trung sâu vào lãnh vực chuyên môn mình định viết mà nghiên cứu, để tìm tài liệu... phải nắm rõ lý do chọn đề tài, mục tiêu nghiên cứu.

Cứ thế mà viết thì sẽ có một luận án chuyên môn, phong phú xuất sắc sẽ sớm hoàn thành thôi."

Trọn cuộc đời của Người tận tụy đến giây phút cuối cùng. Gần cuối tháng 10 năm ngoái, chúng con đến hầu thăm, nhìn tinh thần Ôn đầy năng lượng như một vị Bồ Tát. Lúc đó, Ôn đang thở oxy mà vẫn còn đọc sách, làm việc, ai nhìn vô thì nghĩ rằng như không có bệnh tật gì cả. Người dạy, trong vòng một tháng nữa Thầy sẽ ra đi, Thầy đã chuẩn bị sẵn hết rồi. Các con dù sống trong bất kỳ hoàn cảnh nào, cũng phải nhớ đi bằng đôi chân và nhìn bằng đôi mắt của chính mình. Người đã dự tri thời chí, nên ai đến hầu thăm, cũng đều được Ôn báo trước.

Lúc đó trên tay Ôn đang đọc cuốn sách với tựa đề "Tri Ân Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ". Vòn vẹn chỉ một cuốn của Hội Động Hoằng Pháp trình lên để Ôn xem qua thôi, mà Ôn cũng cho luôn. Thầy thị giả thưa, "Bạch Sư phụ! Dạ được một cuốn, sao Sư phụ cho đi hề?" Người mỉm cười, rồi lại hỏi, "con có bộ Thanh Văn Tạng chưa? nói quý Thầy cho đem về mà đọc, Thầy dịch và chú giải hết rồi, Hội Động Hoằng Pháp in ra, chắc gần cả 1000 cuốn đó. Xem lúc in ra, nhớ thỉnh cho trọn bộ, sợ in một đợt, lần sau không in nữa là không trọn bộ đó nghe." Người nói, "xem giúp Thầy mấy giờ rồi", mình chứng Người tranh thủ từng giây, đến phút cuối Người vẫn một lòng, không ngại mọi rào cản, dù thân đang lâm trọng bệnh, nhưng Người vẫn cố làm nốt cho xong công việc. Trái tim tử bi với lòng vị tha của Người trước sau như một, vẫn một lòng quyết tâm để bảo lưu Chánh pháp, gìn giữ Đạo mầu truyền lại cho hậu thế cho đến phút cuối chuyển sang thế giới mới. Lần đó cũng là lần cuối cùng, chúng con được đành lễ và hầu chuyện.

Nay về lại thăm quê, muốn ghé thăm Ôn chỉ còn lại án hương và di ảnh bất động mà thôi.

Lòng bi mẫn của Người đối với học trò không những động viên về việc tu học, hoằng pháp lợi sanh, cứu nhân độ thế, Người còn dạy, luôn bao dung những người chống phá mình nữa. Lời dạy của Người như dòng suối thanh lương rót vào từng tâm lượng của mỗi chúng sanh.

Một bậc Thầy khả kính, nghiêm khắc, nhưng thân thiện, mộc mạc, hiền hoà, giản dị, luôn nở nụ

cười mỗi khi đến lớp, luôn đặt hết những tâm huyết vào bài giảng muốn trao gửi cho học trò mình bằng phương pháp tối giản nhất, dễ hiểu nhất. Từng bài giảng của Người chứa trọn của một bậc Thầy vĩ đại trên những bậc Thầy vĩ đại. Người luôn phối hợp pháp Tứ Tất Đàn, kế lý kế cơ để phù hợp từng quốc độ, hợp với hoàn cảnh, hợp với từng căn cơ trình độ từng lớp lớp học trò của Người.

Hơn thế nữa, Người luôn đưa ra những ví dụ cụ thể trong chốn Thiền môn cho đại chúng ứng dụng. Người luôn chỉ dạy những pháp học pháp hành để động viên, sách tấn, an ủi, khuyến tấn khi gặp hoàn cảnh thuận duyên hoặc nghịch cảnh đều biết mà ứng xử.

Một bậc Thầy đưa đường chỉ lối, như đấng Cha lành thương xót đàn con đang bơ vơ lạc lõng, giữa dòng đời Xã hội đầy nhiễu nương, mất phương hướng. Chúng con lại gặp được bậc Thầy, luôn đồng hành với từng lớp học trò của Người, và nhờ sự đồng hành của Người, chúng con nhìn thấu cùng tận của sự thật: bậc Thầy luôn yêu thương Đạo Pháp và Dân Tộc; bậc Thầy tròn đầy phẩm chất Bi Trí Dũng. Thiết nghĩ in như Phẩm 23 trong kinh Pháp Hoa, "như con gặp mẹ, như qua sông gặp thuyền, như tối được đèn, như bệnh gặp được Thầy thuốc, như dân gặp vua."

Với dòng chữ đơn sơ mộc mạc, với lối văn trần gian này, thì làm sao tả hết được Ân đức Công hạnh cao cả của Người đã dành cho chúng con và nhân loại.

Kính lạy Giác Linh Ôn. Dẫu rằng, Người dạy khi Thầy đi rồi có buồn thì buồn ít thôi. Sách của Thầy để lại nhiều lắm, hãy siêng đọc sách, học hỏi và nghiên cứu mà tu tập. Mỗi lần đọc sách, nghiên cứu... in như Thầy đang hiện hữu vậy đó. Đọc sách và tu tập cho mình, tức là giúp ích cho mọi người." Hạnh nguyện độ sanh của Người, rung chuyển cả Tam Thiên. Đại dương sóng vỗ cũng thành tiếng khóc thầm. Người đi để lại hàng triệu triệu nỗi niềm kính tiếc hiu quạnh chơi vơi.

Đã rõ là cảnh vô thường

Mà sao lòng cứ nhói đau ngút ngàn

Chúng con hiểu, với Ôn sanh tử chỉ là giả hợp; với Người sanh tử chỉ là hoa đốm giữa hư không. Người khuất ở nơi này, rồi sẽ hiện ở nơi khác. Nhưng chúng con là kẻ phàm Ni, đứng trước cảnh biệt ly mất mát quá lớn này, làm sao chúng con ngăn được dòng lệ và làm sao với đi cảnh đau buồn. Tìm nơi đâu có được một vị Thầy như vậy nữa? Nếu có chăng, chỉ còn lại trong huyền thoại và trong ký ức mà thôi.

TV. Phước Huệ Quang
PL.2568. DL 2024 Mạnh đông
Con, học trò **TN Diệu Như** kính cẩn bút





TÂM HƯƠNG

Người về trên đỉnh non xa
Vàng bay áo lộng gió và mù sương
Đầy trời thoảng nhẹ mùi hương
Trần gian sanh-tử vô thường đổi thay
Bóng Thầy dần khuất chân mây
Hương còn đưa mãi với ngày tháng xa
Không là hương của ngàn hoa
Không là hương sắc đi qua trong đời
Tinh anh hương ấy tuyệt vời
Thấp lên trí tuệ độ người bần mê
Nay Thầy ngả bóng về Tây
Lòng con thương tiếc muôn vàn Thầy ơi!
Xót xa nước mắt tuôn rơi...

MỘT VÌ SAO KHÔNG TẮT

Tôi viết về một người
Mà tên tuổi chói lọi
Nhu ánh sáng mặt trời
Xóa màn đêm tăm tối.

Tôi viết về một vì sao
Đời đời không bao giờ tắt
Tôi viết về Hòa thượng Tuệ Sỹ
“Gậy Thiền vung lên đuổi giặc”

Vời tâm nguyện Bồ-tát
Thương dân khổ khốn cùng
Thầy ở lại quê hương
Giảng kinh và độ chúng

“Ba cõi bất an như nhà lửa”
Việt Nam đầy kiếp nạn đau thương
Sống dưới chế độ độc tài thống trị
Thầy vẫn một lòng vì nước, vì dân.

Thầy Tuệ Sỹ còn là một văn nhân
Là một Thiền sư đạo phong cao vút
Là một học giả uyên thâm lỗi lạc
Thầy đi... để lại biết bao kinh sách
Công đức ấy bao la như biển rộng
Chép vào Phật sử để đời ghi ơn!

Dù thân xác bị tù đầy đau đớn
Tâm Thầy vẫn nở nụ cười bi-trí
Dù cuộc đời đầy oan khiên nghiệt ngã
Tâm hồn vẫn dịu dịu nhạc và thơ
Vẫn an nhiên trước lòng người độc ác
Chẳng qua họ thiếu trí tuệ... u mê
Khiến cả nước ngập niếm đau tan tác!

thơ **DIỆU VIÊN**

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

LA THẬP ĐỒNG THỌ

Ngài người nước Quy Từ (Kucha), vốn thuộc dòng hoàng tộc nước Kế Tân (Kashmir), thuở còn trong bụng mẹ đã giúp mẹ biện tài vô ngại, khéo bác hết các luận sư ngoại đạo, nhờ ngài mà bà mẹ có những biểu hiện kiệt xuất vượt hẳn nữ thông thường. Lên bảy thì theo mẹ xuất gia tu học kinh A Hàm, Nhất Thiết Hữu bộ... Từ khi đến Kiển Đà La (Gandhara) tu học và thiết lễ trai tăng, mẹ ngài tự nhiên thông tuệ khác thường, tinh thông tiếng Tây Trúc.

Sau bị nạn phải ở lại Lương Châu hơn 17 năm ròng, có lẽ nhờ thời gian này mà ngài trau dồi tinh thông chữ Hán. Khi vào đến Trung Nguyên, tiếng tăm đạo hạnh và trí huệ của ngài vang dội khắp nơi. Triều đình quý trọng phong quốc sư, đố chúng quy tụ tham học đông đảo... Ngài dẫn hết tâm lực sâu xa uyên áo của kinh Phạm ngữ sang Hán ngữ, biến đổi cho phù hợp với văn phong và văn hóa Trung Nguyên. Nhờ ngài mà kinh A Di Đà, Duy Ma Cật, Bát Nhã Tâm Kinh phổ biến sâu rộng khắp Đông Độ và các nước lân bang.

Thuở ban đầu tu học theo tiểu thừa, đến khi tiếp xúc kinh văn đại thừa ngài đã thốt lên:

- Tất cả đều không có ngã thể, ấm giới chỉ là giả danh, chẳng thật có!

Sa môn Bàn Đầu Đạt Đa (Bandhudatta) là thầy dạy tiểu thừa của ngài, sau lại được ngài độ mà tinh thông giáo lý đại thừa. Sa môn Bàn Đầu Đạt Đa nói:

- Ta là thầy dạy tiểu thừa cho người, nay người là thầy dạy đại thừa cho ta!

Có lần ngài nói với mẹ rằng:

- Đạo Bồ Tát là làm lợi ích cho người, phải quên đi chính mình. Đạo pháp được lưu truyền khiến người lãnh hội khai ngộ thì dầu thân có thọ khổ đau sôi lửa bỏng vẫn không hối tiếc.

Ngài đã đặt nền móng cho Trung Quán Tông, làm thay đổi sâu sắc hệ thống kinh điển và đạo pháp cõi Trung Nguyên:

LA THẬP XỨ QUY TỬ BIỆN TÀI VÔ NGẠI BÁC TAM THẬP LỤC BẢNG MÔN PHẠN NGŨ SIÊU QUẢN ĐẾ NHẬT DỊCH KINH GIẢI LUẬN ĐỒNG THỌ CỘI TRUNG NGUYÊN THIÊN XẢO TINH THÔNG PHÉ THẤT THẬP NHỊ TÁ ĐẠO HÁN TỰ YÊN THÂM VÔ NHỊ CƯỚC CHỦ VĂN NGÔN.

BỒ TÁT VÔ TƯỚNG

Xíu cùng với anh em mình lãng du khắp đồng quê, sơn lâm, thảo nguyên... Cả bọn thấy cuộc sống thanh bình yên ả của xứ này. Bất chợt giọt Xíu nói:

- Giá mà ở đây có một ngôi chùa nhỉ.

Xíu bảo:

- Nông thôn là lãnh địa của người da trắng và tụi Mormon. Thời tiết nhân duyên chưa có để lập chùa.

Xíu lý sự:

- Không có thì mình tự tạo nhân duyên, sao không thấy Bồ Tát nào hiện thân ở đây?

Giọt Cả cả cười:

- Sao em biết không có? Bồ Tát có thể hóa hiện chiếc lá cung cấp dưỡng khí. Một con vật hộ người. Một anh lính chữa cháy cứu người. Một người vô danh dám xả thân ngăn chặn kẻ cuồng sát bắn loạn xạ... Bồ Tát vô tướng nên có thể hiện muôn tướng, không nhất thiết phải là tướng chùa, tướng tỷ kheo mới là Bồ Tát.

LÀM SAO

Chùa Phương Ngoại có nhiều Phật tử phát bồ tâm: tu học, tụng kinh, niệm Phật, ăn chay... Trong số ấy có anh Tòng là tiêu biểu. Bạn đồng tu có kẻ khịa:

- Anh biết ăn chay là tử bi và có nhiều lợi lạc cho thân tâm, sao anh không bảo vợ con và người nhà cùng thực hiện? Nếu anh chỉ làm một mình hóa ra ích kỷ!

Anh Tòng chưa nói gì thì người khác xía vô:

- Con anh ấy còn nhỏ, bắt nó ăn chay thì thiếu dinh dưỡng không đủ để phát triển thể lực và trí lực, làm vậy thành ra ác với con à?

Anh Tòng nghe hai bên đầu có lý, lòng phân



*Đại sư Cư Ma La Thập – Kumārajīvasinh (344 – 413 CN)
Tượng Đại sư Cư Ma La Thập trước Thiên Phật động
Kizil thuộc khu tự trị Tân Cương, Trung Quốc*

CHÁNH PHÁP SỐ 156, THÁNG 11.2024

43

vân, đem vấn đề trình với thầy rồi hỏi:

- Giờ con phải làm sao?

Thầy cười nhẹ:

- Chẳng làm sao cả, chỉ là sao cảm thôi! Cứ tự nhiên như xưa nay, tùy duyên hành xử, không cưỡng ép cũng không buông thả. Anh ăn chay việc của anh nhưng anh có thể tạo duyên, khuyến khích bọn trẻ ăn theo vào một vài ngày nào đó. Chẳng hạn những ngày rằm, mừng một dẫn dụ cả nhà cùng ăn chay có phải vui vẻ hơn không.

XƯA THẦY NAY TIẾN SĨ

Ngày nông nhàn, Ba Đĩa lên Sài Gòn chơi, đi đâu cũng nghe thiên hạ bàn tán ông nọ bà kia đều tiến sĩ hết ráo. Bạn Ba Đĩa cười:

- Mấy ông kệ bà chẳng tiến sĩ ấy chưa học hết phổ thông.

Bàn nhậu cười rần rật. Ba Đĩa được thể nói vung mạng:

- Xưa xứ mình nghèo lạc hậu, dân toàn hồng biết chữ, chỉ có một ít được đi học nên biết chữ, tử đó dân trọng người có chữ tôn xưng là thầy: Thầy đồ, thầy giáo, thầy chùa, thầy tu, thầy thuốc, thầy lang, thầy cãi, thầy đờn... Thế rồi những kẻ ít chữ nhưng bẻm mép cũng khiến dân phong là thầy luôn: Thầy pháp, thầy bói, thầy mo, thầy thủy, thầy dùi... Rốt cuộc ai cũng ham làm thầy, chẳng chịu làm thợ nên nước nghèo hoài.

Tư Tế địa:

- Hồi ấy toàn thầy, giờ toàn tiến sĩ, trăm ông tiến sĩ hồng làm được cái đình, bởi vậy nước sao khá nổi!

Ba Đĩa cười méo miệng, mồm thơ:

Ngày nay tiến sĩ cả làng

In lên danh thiếp khoe khoang đã đời

Không học cũng có khời khời

Cán bộ, quan chức dàn trời bằng luôn.

SƯ TỬ BỊ BÈ NANH

Rừng có con sư tử oai hùng, mỗi khi nó gầm lên thì muôn loài im hơi lặng tiếng. Ngày kia có gã thợ săn tham lam và độc ác. Y dùng bẫy bắt được sư tử và bè nanh của nó, đoạn y nhốt vào lồng rồi đi đâu cũng chở theo. Mỗi khi sư tử rống lên, lũ chim chuột chộn cheo... hoảng sợ, y lấy đó làm sướng. Thiên hạ nhiều kẻ ngu cứ ngỡ đó là oai của y. Y căn dặn bọn tay chân thủ hạ:

- Sư tử dẫu bè nanh rồi nhưng vẫn nguy hiểm, cứ nhốt chặt trong lồng và dắt nó theo con đường ta chỉ định!

Chuyện còn bi hài hơn nữa khiến người bất bình, y bắt con chuột nhắt cột vào đuôi sư tử hồng làm nhục nó vì y muốn oai của y hơn nó. Nhiều kẻ vốn là thờ sư tử, nhưng khi thời thế thay đổi, bọn ấy bèn quay qua phò gã thợ săn. Gã thợ săn nhét vào họng bọn ấy kim chỉ nam:

- Sư tử và chuột nhắt.

Ấy thế mà linh, cả bọn rậm rạp cúi đầu vâng mệnh.

NÓI XÀM LÀM BẬY

Xứ quờn có ông tăng tiếng tăm dậy sóng, vai vế rất to, được thế lực xã hội đen lẫn xã hội đỏ bảo kê. Có lẽ vậy mà ông ấy sanh tâm ngạo mạn, quanh năm đăng đàn nói xàm làm bậy, bị dư luận phản

đối, người thức giả cười chê. Ông ấy lại sân hận:

- Thầy bị các thế lực thù địch đánh phá, các con phải hợp sức để bảo vệ thầy! Hộ pháp sẽ trừng phạt bọn xấu, làm cho chúng đọa địa ngục.

Ông ấy còn mắc bệnh hoang tưởng, không biết mua ở đâu cây kiểng đem về thị chúng:

- Đây là kiểng lệnh của ta, thầy kiểng phải vâng mệnh!

Dân mạng xã hội cười muốn rụng răng, họ bảo nhau:

- Lạm kiểng hiệp Hồng Kông nặng quá rồi!

Chuyện chưa dừng ở đây, vì sống phú phê, đam mê vật chất nên sanh lòng đố kỵ với vị tăng hành hạnh đầu đà. Ông ta đăng đàn bêu xấu vị sư trẻ ấy: "Đồ ba trợn!" Mạng xã hội rần rần dậy sóng. Có tay làm thơ tài tử bình rằng:

Đăng đàn thuyết nhảm nói xàm

Trong ngoài phản đối vẫn hàm hồ thay

Giờ thêm đố kỵ đăng cay

Chửi người "ba trợn" nào hay chửi mình.



THIÊN TAI

Cổ quận xưa nay vốn nhiều thiên tai địch họa lẫn nhân họa, mới rồi lại xảy ra trận cuồng phong và lũ lụt lớn, bao nhiêu người chết, tài sản hư hao tổn thất nặng nề, đã vậy còn bồi thêm đất chuối, núi lở gây nên thảm cảnh kinh hoàng. Người người trong ngoài kêu gọi quyền góp giúp đồng bào. Xứ Cờ Hoa có nhiều kẻ quá khích:

- Cứ để triều đình lo.

Cũng có kẻ khác lý luận:

- Quyền góp chỉ tổ để cho chúng cạp.

Những người đứng ra quyền góp giúp dân bị nhiều rắc rối phiền toái. Một người trong số họ can đảm phản bác:

- Không giúp thì dân kiệt quệ chứ quan lại đâu thèm quan tâm! Giúp hay không giúp thì triều đình vẫn ngự trị như thường.

Steven N
Georgia, 1024

Tưởng nhớ Sư Phụ

TRÍ NHƯ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Mới đó mà đã một năm rồi. Sư phụ (SP) của chúng ta đã ra đi về một thế giới khác, để lại nhiều thương nhớ khó nguôi trong lòng những ai từng quen biết Người.

Ngày xưa lúc SP còn tại thế nhưng với những ai xa quê hương, không về Già Lam hay Phật An được, vẫn nhớ Người vô cùng dù thường được tin Người, biết sức khoẻ Người, khi tốt khi xấu, khi thể xác Người bị cơn bệnh hoành hành... nhưng nếu được thấy Người thì bao giờ Người cũng nở nụ cười tươi...

Ngày xưa hơn nữa... khi Người "bị đi chơi xa," bị cách ly với mọi người, Người vẫn an nhiên tự tại với hơi thở vào ra, với chánh niệm, tinh thức, với định lực cao thâm. Người dạy rằng: Khi bị / được bỏ vào một phòng tối, chỉ có một lỗ nhỏ để thở, nếu mình biết chơi với hơi thở thì mình vẫn vui như thường. Ví dụ, mình quán rằng mình đang ở cõi trời "không xứ," đang ngồi thiền trong cảnh giới hư vô... Ở đó không vật, không người, không mọi việc... mình ngồi thanh nhàn xem tiên nữ rải hoa... (1)

Thật là một cảnh đẹp hơn Tiên, an nhiên tự tại... độc lập tự do tuyệt đối và... "trên cả tuyệt vời."

Cũng có khi Người cảm cảnh, rơi lệ, ví dụ trong hoàn cảnh mất tự do, không có điều kiện để dâng cúng đức Thế Tôn một chén cơm, một tách nước, Người vẫn cúng dường được như thường, bằng cách nào biết không? - bằng chén cơm Người nhận được trong tù! Người nói bằng tiếng nấc nghẹn trong tim khiến người nghe phải rơi lệ:

*"Tay dâng bát cơm tù,
Cúng dường đấng Thế tôn,
Trần gian đầy máu hận
Nâng bát, khóc nghẹn
lời." (2)*

Dù vui, dù buồn, dù mất tự do... Người vẫn nghĩ đến tuổi trẻ, tuổi thơ, đến việc giáo dục thế hệ tương lai thắm nhuần tinh thần Bi và Trí của Bồ Tát đạo. Người dạy: *"Đưa đạo Phật đến với tuổi trẻ, phải có nghĩa là đưa tuổi trẻ đến gặp mặt với thực tế của sinh tồn. Đó là làm*

phát khởi Bồ Đề Tâm nơi tuổi trẻ. Ở nơi nào hiểm nạn, tôi nguyện sẽ là cầu đò. Nơi nào tối tăm, tôi nguyện sẽ là ngọn đuốc sáng. Đây có lẽ là một ước nguyện xa vời đối với một số người. Nhưng, đó cũng là một đất kim cương để trên đó, tuổi trẻ tự vạch hướng đi cho mình, tự qui định những giá trị sống thực cho chính đời mình..." (3)

Cuộc đời Người là cuộc đời của một vị cao Tăng quyết phụng sự cho việc hoằng dương Phật Pháp, đưa đạo Phật vào lòng dân tộc, đưa ĐẠO PHẬT ĐẾN VOI TUỔI TRẺ, Người chính là cầu đường cho những ai muốn đi trên con đường Bồ Tát Đạo.

Tiếc thay, Người ra đi hơi sớm, một vì sao sáng trên bầu trời PGVN đã rơi hay đã đi xuyên qua địa cầu làm cầu cho những ai muốn vượt qua hiểm nạn trên con đường BỒ TÁT ĐẠO?

Hôm nay con xin đốt nén hương Tâm cúng dường Sư Phụ nhân ngày Tiểu tưởng của Người.

Trí Như

(Tâm Minh VTN)



(1) Thơ của SP, bài "Biệt cấm phòng" (Trong phòng biệt giam):
"Ngã cư không xứ nhất trùng thiên

*Ngã giới hư vô chân cá thiên
Vô vật vô như vô thậm sự
Tọa quan thiên nữ tán hoa
miên." (Ngục Trung Mị Ngữ)*

(2) *"Phụng thủ ngục tù phạt
Cúng dường tối thắng tôn
Thế gian trường huyết hận
Bình bát lệ vô ngôn" (bài thơ "Cúng dường")*

(3) Trích lời của SP trong "Suy nghĩ về hướng giáo dục đạo Phật cho tuổi trẻ."



Tưởng niệm Thầy

ĐỒNG THIÊN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Thế là một năm đã trôi qua kể từ ngày thầy ra đi vĩnh viễn. Một năm dài đằng đẵng hay chỉ là cái chớp mắt đây? Nhận bay qua bầu trời không lưu dấu, ấy vậy mà trong tâm hình bóng hiển hiện rõ ràng. Hư không không vết tích, nào ngờ dấu vết như bàn thạch. Kỳ diệu là ở chỗ này! Cánh hoa rơi không âm thanh nhưng tiếng lòng mãi vang vọng. Cánh hoa đã hòa vào đất mẹ nhưng hương thơm vẫn ngát bốn phương trời.

Thầy đến thế giới này với thân phận một du sĩ.

Thầy hiện thân sa môn thạch trụ tông lâm.

Thầy bao dung, cần mẫn, tinh tấn, tài hoa với tư cách một thiện tri thức, suốt cuộc đời vì hoằng pháp, giáo dục, viết sách, dịch kinh.

Thầy hóa thân một nghệ sĩ tấu dương cầm, thượng cúng dường hạ hóa nhân gian. Khúc dương cầm ngất đỉnh trường sơn dẽ mấy ai thấm thấu. Khúc dương cầm tha thiết lay động lòng người, vượt qua những tầm thường, khuôn sáo của đời. Khúc dương cầm như phương trời viễn mộng, chữ nghĩa thế gian làm sao tả được đây!

Thầy minh định một người Việt Nam chân chính trung kiên trong một giai đoạn nhiễu nhiễu của lịch sử dân tộc.

Từ thầy về trước còn có những bậc long tượng duy trì giếng mối. Từ thầy về sau chưa thấy vị nào đủ trí huệ, phạm hạnh, đức độ để tiếp nối công nghiệp chưa tròn.

Thầy đi rồi để lại một khoảng trống mênh mông trong lòng tử chúng. Nước non và đạo pháp đều rơi vào khoảng lặng của cung trầm. Đành rằng đạo pháp không vì một người mà thịnh hay suy, tuy nhiên pháp cũng có thể vì một người cầm đuốc mà sáng rạng rỡ hay lu mờ.

Vạn pháp vốn tự nhiên như thể. Thầy thay Phật nói pháp, truyền pháp, duy trì chánh pháp, dựng lập lại những gì đã đổ, khơi lại dòng đã nghẽn, trụ vững để tử chúng an tâm, hướng về, noi theo.

Thầy như ngọn đèn trong đêm trường mờ mịt của những tháng năm nhiễu nhiễu loạn động của xã hội; những tháng ngày điêu tàn, phế phong, hư hoại trong đạo pháp.

Thầy suốt đời hy hiến cho tha nhân, chống gậy trúc đập trường sơn dẫn thân hành hoạt. Ngày cô thân lữ thứ, đêm độc thoại thiền lâm, trong ngực thất gõ ngón tay lên tường rêu ngậm xem thế sự.

*Sư tử trong ngực thất oai
nghỉ chẳng hư hao tôn xưng
pháp vương tử*

*Voi lớn ở rừng sâu dáng vóc
vẫn đây đủ xứng đáng đấng
tượng long*

*Mảnh cà sa bọc lấy thân gầy
Màu áo lam quấn lên lau sậy
Đôi mắt sáng soi thấu cõi
người*

*Lòng bao la như hư không
không ngại dung chứa bao dị
biệt*

*Tâm đại lượng tựa biển cả
gom đủ nước muôn miền*

Thầy đi rồi, cơ nghiệp còn đây, dù Đại Tạng kinh tiếng Việt chưa hoàn thành, giáo hội dần vẫn trong vòng cấm bế. Đồng tham đạo hữu vẫn sanh nhĩ tâm, chẻ chia, khuyh loát...

Phật pháp bị biến dị bởi những tà sư thiếu chánh kiến thừa danh văn lợi dưỡng, tham chính, thân chính, phò chính. Phật pháp nào phải ở cúng đóm, trực vong, giải hạn, phong thủy, mở ngải, trừ tà... Phật pháp không ở hình thức rên rang, màu mè lòe loẹt. Phật pháp càng chẳng ở chùa to vàng son lộng lẫy như cầm cung, tượng lớn đạt kỷ lục này nọ. Phật pháp tuyệt đối không ở những buổi xun xoe tiếp đón quan gia, rầm

rộ phô trương thanh thế. Phật pháp vốn tự nhiên, rõ ràng, đơn giản. Phật pháp là thấy khổ, biết khổ, đi theo con đường giải thoát. Phật pháp chính là sự thấy biết chân chính, đúng sự thật, là suy nghĩ, lời nói, hành động, sinh sống, cố gắng, nghĩ nhớ, tập trung đúng theo tinh thần khổ, không, vô thường, vô ngã.

Thầy là bậc tông lâm thạch trụ, long tượng thiền môn. Dù thầy đi rồi nhưng Phật pháp còn đây. Ai nương tựa Phật pháp, làm đúng lời Phật, noi theo hành trạng của thầy ấy mới đáng gọi là con Phật, đệ tử thầy; ấy mới là thương thầy, tôn kính thầy.

Ngày thầy ra đi, có kẻ thuộc hạng trí thức từ nơi cổ quận hỏi: "Thầy là ai?" Biết nói sao đây? Nói bao nhiêu cũng không đủ mà không nói lời nào vẫn thừa! Vì một khi đã hỏi như thế đủ biết kẻ ấy mê, đừng bảo rằng do bưng bít, che mắt, may miệng, bịt tai. Ấy là do chính bản thân kẻ hỏi ngu mê. Rong bay trên mây, bơi trong bể cả có thứ gì của người thể nhân che chắn được? Sấm động bốn phương, có âm thanh nào của người thế gian ngăn lại được? Ngôi sao bắc đẩu lấp lánh trên bầu trời, có bức màn nào của bạo quyền phủ trùm được? Không thấy, không nghe, không biết ấy là tự chính mình mê!

Thầy đi rồi, tử chúng y giáo phụng hành vẫn âm thầm noi theo vết.

Thầy đi rồi, đạo pháp và dân tộc còn đây, dù có suy hao nhưng vẫn có ngày hưng thịnh như tâm nguyện và hoài bão của thầy.

Thầy đi rồi, công cuộc hoằng truyền Phật pháp, duy trì chánh pháp, chấn hưng văn hóa và giáo dục vẫn được quý thầy và quý huynh đệ ngày đêm gắng hết sức mình.

Đồng Thiên

Ất lãng thành, 1024

Mùa thu mây bay lá vàng & hạt sương

TRẦN HOÀNG VY

Mùa hè, trời cứ cao xanh, thăm thẳm, ong ong và chong chao cái nắng. Chỉ có mùa thu, bầu trời như xuống thấp hơn một cung bậc, và mây cứ từ đâu, đùn đẩy, xếp hàng, có khi chồng chất nhau thành những đụn mây với những màu sắc: trắng, xám, ánh vàng và có cả đen của màu... tóc làm nhung nhớt của một thời bịn rịn, với tóc mây (không phải tóc mai) thơm mùi bồ kết, hương nhu, thảo thức hoài trong giấc ngủ...

Mây làm nhớ tóc và cả nhớ chảo bếp, hương quê, rồi nhớ nhà để rồi như Hồ Dzếnh: "*Nhớ nhà chằm điếu thuốc/ Khói huyền bay lên cây...*", không lòng mình "là mây" mà lại vương vít, vẫn vương bởi những chiếc lá, mới lúc nào còn xanh non mơn mớn, giờ đã dần phai, vàng úa.

Những chiếc lá vàng, cứ từ hanh hao của màu khói, chuyển sang cái màu vàng giòn rụm của chiếc bánh phồng tôm, mẹ chiên năm nào, rồi lãng mạn một chút với cái màu ảo "*nàng vàng, anh về yêu hoa cúc*", ban đầu chỉ là một nhánh, rồi lan ra thành cụm, bụi và bao trùm cả cây, như chiếc áo màu hư ảo của thu, để rồi thăm lặng dính thêm vào màu đỏ của ráng, màu nâu thẫm của chiều rồi chờ cơn gió thoảng qua, rùng mình, là tả bụng vài chiếc lá, ngu ngợ, quay cuồng, đáp nhẹ xuống mặt đất, ngay dưới gốc cây, thành hình ảnh "*lá rụng về cội*", khiến rừng rúc, cay mắt, khách bộ hành lãng du, một lần qua và trông thấy. Nghiêng mình tiến biệt, hoặc nhặt lên chiếc lá để rồi nghe thu nhớ...

Một sớm mai nào đó của thu, bạn, ta, thức dậy, nhìn ra ngoài trời bàng bạc, dùng đục màu khói sương. Những hạt sương mai, khăng khít, quện vào nhau, như không nỡ chia xa, khi cái nắng cứ như muốn tách ra từng hạt sương, tí tách lặn trên từng phiến lá, hay trên nội cỏ, lỏng lả, lỏng lảnh. Để chút lành lạnh, mơn man trên da, trên tóc, khi bạn, ta ra ngoài, để chân trần cảm thấu chút sương thu, trên từng bước chân đi.

Mùa thu, ừ thì mùa thu, đã qua rồi một nửa, mà nhà nông quen gọi là tiết thu phân. Trăng thu tròn rồi khuyết, các nước Âu Mỹ, đang bước vào lễ hội "thu hoạch", "được mùa". Người Châu Á cũng qua rồi những "Trung thu", "Vu Lan", đèn ớn, báo hiếu... Song, lớp trẻ, đang độ tuổi niên thiếu, thì luôn nao nức cho khởi đầu một năm học, với những mơ ước của tương lai...

Đâu đó, dưới những tàng cây cổ thụ, vẫn còn sót lại những chiếc lá vàng, đắm sương thu, nằm chờ tan thành cát bụi trong cõi hư vô, và cũng mong ước trở thành những mầm cây, chồi non vào mùa hội mới...



MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

CƠM TAY CÀM CHAY

Nguyên liệu:

- 3 chén cơm hạt dài
- 1/4 chén mộc nhĩ (nấm mèo), ngâm mềm, thái sợi
- 1/4 chén nấm đông cô, ngâm mềm, thái sợi
- 1 chén miến (bún tàu), ngâm mềm, cắt khúc khoảng nửa gang tay
- 1 chén chả lụa chay (hoặc đậu hủ chiên), thái sợi
- 2 muỗng canh boa-rô
- 2 muỗng canh dầu ăn
- 1 muỗng cà-phê muối biển (hoặc hạt nêm)
- 2 muỗng canh bơ thực vật
- 3 muỗng canh Maggi (hoặc nước tương, liquid aminos)
- 1 muỗng canh tiêu
- 2 cọng ngò trang hoàng
- 1 nồi đất (nếu có)



Cách làm:

Trong nồi đất (nếu có), phi boa-rô với dầu ăn, khoảng 30 giây. Cho mộc nhĩ và nấm đông cô vào, xào khoảng 30 giây nữa. Cho miến vào, xào thêm 1 phút. Nêm muối (hoặc hạt nêm). Cho cơm nóng vào, trộn nhẹ tay với bơ thực vật và chả lụa chay (hoặc đậu hủ chiên) cho đến khi bơ tan. Nêm với Maggi. Tắt lửa. Rắc thật nhiều tiêu. Trang hoàng với ngò và tình thương.

Hồng Hương



Con sẽ về thăm Thầy

KIỀU MỸ DUYÊN

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

"Bác sĩ nói bệnh ung thư của tôi đã vào phổi rồi." - đầu giây bên kia, thầy Tuệ Sỹ nói với giọng bình thản, thầy không sợ hãi. Trong suốt cuộc nói chuyện, thỉnh thoảng chúng tôi nghe tiếng cười vui vẻ của thầy. Tôi phục thầy quá. Một người biết mình sắp qua đời mà vẫn bình thản, vẫn vui vẻ, có bao nhiêu người được như thế?

Tôi rất lo, tôi nói rất nhanh, rất nhanh:

- Con sẽ về thăm thầy, con sẽ về thăm thầy.

Mỗi lần được nói chuyện với thầy, tôi nói rất nhanh, nhanh hơn bản tính của tôi. Có nhiều điều để nói, tôi phải nói cho nhanh, nếu không, không còn kịp nữa.

Hôm qua, phỏng vấn Hòa Thượng Thích Như Điển và Hòa Thượng Thích Thông Triết trên đài truyền hình VBS. Hòa Thượng Như Điển đến từ Đức Quốc có đem theo nguyệt san Viên Giác, xuất bản ở Đức. Hình bìa là hình thầy Tuệ Sỹ, rất tươi, mắt sáng như sao trời. Đầu có ai nghĩ một người sắp qua đời mà mắt sáng như thế?

Hòa Thượng Như Điển nói:

- Gần đám giỗ của Ôn Tuệ Sỹ.

Sáng nay, thi sĩ Vĩnh Hảo nhắc chúng tôi viết bài về thầy Tuệ Sỹ. Chúng tôi cũng vừa gọi điện

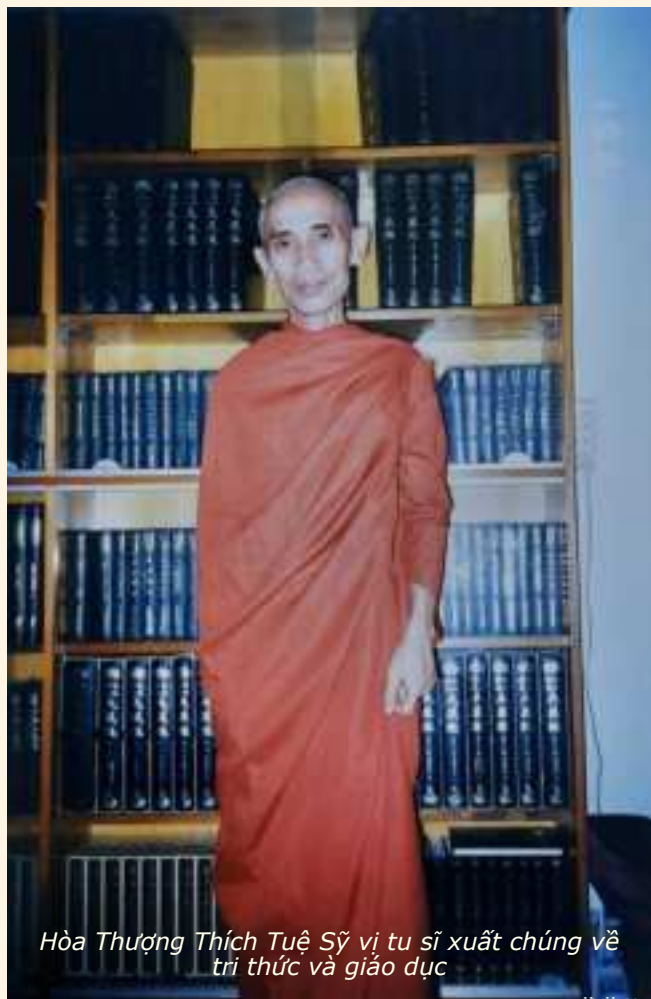
thoại thăm Hòa Thượng Trí Siêu ở Việt Nam. Hòa Thượng Trí Siêu sắp đi họp ở Ấn Độ.

Khi Hòa Thượng Mãn Giác còn sinh tiền thường nói với chúng tôi: Thầy Tuệ Sỹ và thầy Trí Siêu là 2 viên ngọc kim cương của Phật giáo Việt Nam.

Tôi may mắn đã gặp 2 thầy, đã biết về 2 thầy trong những chuyến về Việt Nam của chúng tôi với phái đoàn từ thiện quốc tế. Khi còn ở Việt Nam, chúng tôi không được may mắn quen với 2 thầy, có lẽ chưa đủ cơ duyên, vì lúc làm phóng viên, chúng tôi thường ra chiến trường hơn ở trong thành phố. Mỗi lần về Sài Gòn, chúng tôi thường có mặt mỗi ngày ở Tổng y viện Cộng Hòa hay đi thăm các cô nhi viện, thăm hỏi cô nhi quả phụ, thăm các trại gia binh. Thỉnh thoảng, chúng tôi cũng đi chùa vào những ngày lễ lớn như Lễ Phật Đản, Vu Lan, Giao Thừa, v.v...



Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ - vị tu sĩ từng lãnh án tử trở thành lãnh đạo GHPGVN Thống Nhất



Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ vị tu sĩ xuất chúng về tri thức và giáo dục

Thầy Thích Tuệ Sỹ, tên thật là Phạm Văn Thương, sinh năm 1943 tại tỉnh Pakse, nước Lào. Từ năm 6 tuổi thầy đã học giới Sa Di ở Huế. Năm 12 tuổi thầy vào Sài Gòn, sau đó trở lại tu học ở chùa Từ Đàm tại Huế, Phật Học Viện ở Nha Trang, rồi về thiền viện Quảng Hương Già Lam tại Gò Vấp. Thầy tốt nghiệp Viện Cao Đẳng Phật Học Sài Gòn năm 1964 và Viện Đại Học Vạn Hạnh năm 1965. Thầy được đặc cách bổ nhiệm Giáo Sư thực thụ Viện Đại Học Vạn Hạnh năm 1970 nhờ những công trình nghiên cứu và những khảo luận triết học có giá trị rất cao, như *Đại Cương Về Thiền Quán*, *Triết Học Về Tánh Không*. Thầy rất giỏi về chữ Hán và biết nhiều ngoại ngữ như Anh, Pháp, Đức, Lào, thông thạo tiếng Pali và tiếng Phạn.

Thầy Tuệ Sỹ là nhân tài hiếm có của Phật Giáo Việt Nam. Thầy làm thơ tuyệt vời, đàn dương cầm, dịch sách từ tiếng Phạn, Anh, Pháp, Hoa sang tiếng Việt, dịch Đại Tạng Kinh tiếng Phạn sang tiếng Việt.

Học trò của thầy rất nhiều và thành công ở khắp nơi trong nước cũng như ngoài nước. Chính phủ Hòa Lan mời thầy sang Hòa Lan điều trần về nhân quyền, thầy không đi, thầy nói đi thì sẽ không có ngày về. Huyền thoại về thầy Tuệ Sỹ nhiều lắm.

Chúng tôi cứ nghĩ thầy sẽ sống trên 100 tuổi và mong ước ngày trở về thăm thầy. Mắt thầy sáng, giọng nói của thầy mạnh mẽ, ý chí của thầy cương quyết, không ngờ thầy về với Phật sớm quá. Thầy biết trước thầy sẽ đi, thầy Quảng Ngô bên cạnh thầy tới giờ phút chót. Khi tôi gọi về, thầy Quảng Ngô thường chuyển điện thoại cho tôi được hầu chuyện với thầy Tuệ Sỹ.

Tôi thường nhớ mãi câu nói của mình:

- Thầy ơi, con sẽ về thăm thầy.

Thế mà tôi chưa kịp về thăm thầy, thầy đã về với Phật. Đám tang của thầy rất long trọng, chúng tôi xem trên DVD gửi sang từ Việt Nam.



Kiều Mỹ Duyên thăm thầy Tuệ Sỹ tại chùa Già Lam năm 2005

Tôi còn nhớ những lần chúng tôi về chùa Già Lam, ở Gò Vấp thăm thầy. Thầy tiếp phái đoàn một cách ân cần, niềm nở. Dưới căn phòng nhỏ của thầy là mớ mã, những giỏ hoa lan tươi thắm treo dọc hành lang. Những giỏ hoa lan này được chăm sóc một cách tỉ mỉ nên không có một lá vàng. Phái đoàn của chúng tôi có người Mỹ gốc Đức, Pháp, đa số là dân đến từ Âu Châu. Thầy Tuệ Sỹ thông thạo nhiều thứ tiếng nên giữa khách và chủ nhà giao tiếp không có gì trở ngại. YMCA làm việc ở Việt Nam và khắp nơi trên thế giới nhiều năm, hội từ thiện này chú trọng đến giáo dục và người trẻ.

Phái đoàn YMCA nói chuyện với thầy Tuệ Sỹ rất thích hợp, nhất là nói về giáo dục, đào tạo những thế hệ trẻ. Người cùng lý tưởng dễ gần nhau dù khác màu da. Thông thạo ngôn ngữ dễ thông cảm nhau. Phái đoàn nói chuyện với thầy Tuệ Sỹ suốt buổi trưa. Thầy Tuệ Sỹ lúc nào cũng vui vẻ, cười mở. Đó là buổi gặp mặt vào năm 2005. Cổng chùa Già Lam có một đại đội công an canh gác. Đại đội trưởng nằm trên võng dưới gốc cây đa. Chùa Già Lam rất vắng Phật tử ra vào, có lẽ họ sợ bị công an làm khó dễ, lúc đó thầy Tuệ Sỹ vừa ở tù về.

Thầy Tuệ Sỹ đã từng là khoa trưởng phân khoa Phật học, có nhiều sinh viên từ Đức, Pháp, Hoa trong chương trình trao đổi văn hóa quốc tế cho nên khi thấy bị bắt vào tù thì có những học trò của thầy sau này có những chức vụ quan trọng chính phủ vận động với quốc hội của họ can thiệp cho



thầy Tuệ Sỹ và thầy Trí Siêu ra tù. Ông bà mình thường nói: ăn ở có đức mặc sức mà ăn. Học trò bất cứ thế hệ nào cũng bênh vực thầy của mình. Thầy Tuệ Sỹ cũng vậy có nhiều học trò khắp nơi có nhiều học trò khi thầy vào tù, nhiều học trò ngoại quốc bênh vực thầy. Khi thầy qua đời nhiều đồng hương cầu nguyện cho thầy ở khắp nơi trên thế giới.

Nhiều người đoán thầy Tuệ Sỹ đang ở Niết Bàn đang mỉm cười nhìn xuống thế gian và mong cho thế gian đừng có chiến tranh, đừng có chém giết nhau, thế giới có hòa bình, trẻ con sinh ra được đến trường học, người bệnh được chăm sóc cẩn thận, người nào cũng có cơm ăn, áo mặc tử tế, người thương người, ông bà cha mẹ thương yêu nhau, những thế hệ kế tiếp nước nào lo cho nước đó, đừng có những lãnh tụ có mộng xâm lăng, lãnh tụ nước nào thì lo cho dân của mình, làm sao cho dân mạnh, nước giàu, đem đem người dân ngủ không cần đóng cửa, không có ăn trộm ăn cướp, ra đường tiền rút không ai lượm như thời vua Nghiêu, vua Thuấn.



Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ - "Cộng lạc năm xuống mà đại ngàn rung chuyển"

Thầy Tuệ Sỹ ơi, thầy có linh thiêng xin thầy phù hộ cho thế giới hòa bình dẹp hết nhà tù, nhà tù biển

thành trường học, không có bức tường ngăn nước này với nước khác, nhà ai nấy ở, cơm ai nấy ăn, không có dân bất hợp pháp tràn vào các nước giàu.

Thi sĩ Phạm Quốc Bảo, sinh viên văn khoa ban Triết, giọng nói gần như khóc và làm bài thơ dưới đây. Kính mời quý đồng hương thưởng thức:

Tiền Người

[Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ 1943-2023]

*Hơi lạnh đầu lén ủa về
Ngoài hiên tối đã tràn trẻ từ lâu...
Nghe tin tịch mịch chìm sâu
Mấy ngày nay cũng lao đao nổi chìm:
Trong dòng tiểu sử triền miên
giữa nơi trần thế công chên đạo - đời.*

*Tám mươi rũ áo xa người
bao duyên đèn sách - đạo ngài nhân gian
Thế thôi - số kiếp miên man,
rồi ra nhẹ gánh thân thang cõi trần.*

Phạm Quốc Bảo



Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ: thiền sư, học giả, thi sĩ, văn nhân

Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ viên tịch lúc 16 giờ ngày 24/11/2023 tại chùa Phật Ân (tỉnh Đồng Nai), thọ 81 tuổi. Tưởng niệm 1 năm ngày mất của thầy, chúng con xin thắp nén hương lòng cầu nguyện linh hồn thầy siêu thoát và an yên trên Cõi Niết Bàn. Bao thế hệ Tăng Ni trong và ngoài nước đều nương nhờ ơn đức giáo dưỡng của thầy. Công đức hộ trì và bảo vệ Chánh Pháp của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ thật vô biên, tứ chúng hậu thế sẽ mãi tạ dạ ghi lòng.

Orange County, 10/10/2024

KIỀU MỸ DUYÊN
(kiemyduyen1@yahoo.com)



LÊN NÚI PHỤNG HOÀNG

Lên Phụng Hoàng () ngắm mây trắng
Núi cao xóa dấu bụi trần
Đời người mấy lần hạnh ngộ
Đất trời đá cũng vô ngôn.*

*Chim kêu trên tầng kính các
Bàng hoàng hồi đại hồng chung
Trong lòng khắc bao kinh kệ
Hương thiền lắng đọng tâm dung.*

*Bước chân ai qua rừng trúc
Thong dong bóng lá u trầm
Mây che ngang đầu Voi Phục
Bốn mùa soi bóng Tuyền Lâm.*

*Mái cong vươn mình cao vút
Trâm tư dưới cội bồ đề
Thả hồn vào nơi Phật tích
Bình yên tìm chốn đi về.*

*Bạt ngàn thông reo xanh biếc
Ai người dạo núi cùng ta
Mệnh mông đất trời có xứ
Tìm đâu sợi khói quê nhà?*

thơ **NGUYỄN AN BÌNH**

(*) Thiền viện Trúc Lâm Phụng Hoàng

Đã toan viết rồi lại thôi đến mấy lần, viết gì đây bây giờ? Nào đâu phải là chuyện hí luận chữ nghĩa hay phù phiếm văn chương? Viết gì đây khi mình không thể nào thấy hết tầm vóc của ngài về: Pháp học, pháp hành, trí huệ, bản lãnh, khí phách, đức hạnh, công phu... Trí huệ của ngài như biển rộng núi cao. Đức hạnh của ngài thanh tịnh như pha lê; tín tâm và tinh thần vô úy như kim cang bất hoại. Ngài như đóa hoa sen trong tâm tưởng của hàng tứ chúng. Ngài là tông lâm thạch trụ, là long tượng của Phật giáo Việt Nam.

Tự biết mình quá hèn kém, mê mờ ngu si nhưng lòng ngưỡng mộ, tâm kính ngưỡng thì không biết bày tỏ ra sao nên đành mượn những dòng chữ thô sơ để làm phương tiện thổ lộ. Cũng vì bất tài vô tướng và thiếu phước nên chỉ còn có cách duy nhất là mượn văn tự để tỏ lòng tôn kính bậc tôn sư.

Nhớ năm xưa khi cuộc chiến tương tàn chấm dứt, tiếng là thống nhất nhưng nước non tan nát, lòng người ly tán, loạn lạc tràn lan, khủng bố dữ dội, đời sống cùng khổ kiệt quệ. Mọi người đành vượt biên đi tìm một vùng đất khác để sống. Nhiều người cũng khuyên ngài ra đi nhưng ngài nhất định ở lại. Lúc bấy giờ ngài chỉ là ông thầy tu còn rất trẻ nhưng tư tưởng của ngài rất lớn, tấm lòng rất quảng đại tử bi, sự can đảm của ngài không cần phải nói nữa. Ngài nói: "Thầy ở lại với các con", chỉ một lời nhẹ nhàng nhưng chứa đựng cả tấm lòng đại bi. Ngài làm đúng như lời đã nói, chấp nhận ở lại với tứ chúng đang trong cơn cùng khổ ly loạn đau thương của xứ sở. Nếu như Bồ tát Địa Tạng Vương đi vào địa ngục thì ngài ở lại cũng là vào "địa ngục trần gian" vậy. Tâm tử của ngài biết viết sao cho đủ đây? Chữ nghĩa vô phương, miệng lưỡi cũng không sao nói hết được! Những năm tháng cả dân tộc đói nghèo cùng khổ, quốc gia tụt hậu, đời sống tâm linh hoàn toàn bị phế bỏ và cấm kỵ... Ngài chống gậy trúc lên đường. Ngài dựng lập những gì đã đổ, phục hoạt những gì bị phá hoại... và ngài bị tù tội, thậm chí mang trên thân cái án tử hình. Đọc những bài thơ trong tù ngục của ngài mới thấm thía thân phận con người trong vòng lao lý và càng thấy tôn kính ngưỡng mộ hơn. Ngồi trong ngục thất, mang cái án tử hình ngài gõ ngón tay lên tường rêu mà nhìn xem thế sự xoay vần (1).

Rồi những năm tháng sau khi hòa thượng tăng thống Thích Quảng Độ tịch, con thuyền giáo hội lại lần nữa tròng trành. Ngài phụng mệnh thọ ấn truyền thừa đứng ra gánh vác trách nhiệm nề và nguy hiểm. Thật sự mà nói thì cái danh vị "Xử lý thường vụ Viện Tăng Thống" chỉ là hư danh nhưng thật nguy hiểm vì thế lực chính trị thế tục luôn tìm mọi cách đánh phá, mạ lỵ, bôi nhọ, hãm hại... Cái danh vị hảo huyền ấy chỉ mang họa vào thân chứ chẳng lợi lạc gì, tuy nhiên bậc Bồ tát thì sá gì chuyện lợi lạc hay hiểm nguy. Bậc Bồ tát xem danh vị, danh văn lợi dưỡng như đép rách, gạch bể ngói vụn. Ngài đương thân thọ ấn đứng ra gánh vác

trách nhiệm là vì đại chúng, vì cơ đồ và tương lai của Phật giáo Việt Nam. Những thế lực chính trị thế tục đánh phá đã đành, ngay cả trong nội bộ cũng tranh giành lũng đoạn hòng mưu đoạt cái danh vị ấy. Vì trùng nội thân trong giáo hội gây ra phân chia, cắt xẻ, mưu lập cát cứ cũng vì danh văn lợi dưỡng rắp tâm tranh ngôi đoạt vị, ra sức lập những thứ trá hình để tự xưng tiếm xưng. Ngài vẫn ẩn nhẫn trong am nhưng tín tâm không suy suyển, tinh thần kiên cố bất suy. Giáo hội truyền thừa vẫn âm thầm hoạt động phục hoạt bất chấp mọi khó khăn bủa vây, bất chấp mọi âm mưu đánh phá từ ngoài vào hay từ trong ra.

Từ Thị Ngạn am, thanh âm những khúc giao hưởng vẫn văng vẳng vang vọng khắp đất trời, tiếng đàn piano thánh thót bay cao bay xa thượng cúng dường hạ hóa chúng sanh. Ngon đàn trắc tuyệt, những vần thơ vô cùng đẹp khiến người đời phải thán thốt: "Đại sư hãy làm thơ nữa đi" (Bùi Giáng) (2). Những trước tác luận giải kinh sách triết học của ngài quả thật không phải ai cũng đủ sức đọc, đủ sức hiểu.

Ngài ngồi đó gầy gò trong bộ áo lam, ngài như cây sậy nhưng bão động không thể quật ngã. Ngài là bậc thượng sĩ: "...bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất". Ngài là tay nghệ sĩ tài hoa với những ngón đàn vi diệu giữa đêm trường. Ngài là bậc hiền sĩ, những gì ngài viết ra phải hàng trung căn và thượng căn mới kham nổi. Ngài là bậc thiên sư mà hành trạng không phải người nào cũng hiểu và theo kịp, ngay cả pháp lý cũng không mấy người thấy hết tầm vóc của ngài. Ngài nối tiếp công việc dịch kinh dang dở của Hội đồng Phiên dịch Tam Tạng trước kia, dưới sự chỉ đạo và điều hành của ngài, Hội đồng Phiên dịch Lâm thời đã hoàn thành bộ Thanh Văn tạng, một phần trong bộ Đại Tạng kinh tiếng Việt. Bộ Thanh Văn Tạng đã dịch xong và ấn hành gửi đi khắp các chùa Việt. Đây là công trình



lớn và đầy ý nghĩa. Công trình phiên dịch kinh đòi hỏi năng lực trí huệ, trình độ văn hóa, công sức, tâm huyết của ngài và cả hội đồng. Bộ Thanh Văn Tạng đã hoàn thành, mang lại niềm hoan hỷ lớn cho cả bốn chúng, là cơ sở để tu học, đọc tụng, tham khảo, tra cứu, lưu truyền cho hậu thế...

Có một điều rất đáng buồn là việc lớn như thế, quan trọng như thế, lợi lạc to lớn và dài lâu như thế mà ở Việt Nam với cả trăm cơ quan báo chí truyền thông Phật giáo không hề đề cập đến, dù chỉ là một dòng tin tức vắn tắt. Bộ Thanh Văn Tạng được phiên dịch, ấn hành và cúng dường khắp nơi trên thế giới nhưng ở Việt Nam thì không ai hay biết! Những người con Phật có thể bất đồng chính kiến, bất hòa kiến giải... nhưng chí ít việc dịch và in kinh Phật thì cũng nên hoan hỷ mới phải! Thế mới biết lòng người thật khó hiểu, cùng xưng con Phật, cùng hình tướng như nhau nhưng lòng dạ tâm tánh chẳng như nhau. Qua sự im lặng trước việc phiên dịch và ấn hành bộ Thanh Văn Tạng, thử đọc lại "Thư gửi tăng sinh thừa Thiên - Huệ" của ngài lại càng thấy xót xa và thống thiết như thế nào!

Phật giáo Việt Nam hiện nay quả thật cần một cuộc đại phẫu thuật để cắt bỏ những ung bướu, u nhọt, thịt thừa... Cần gỡ bỏ những thứ cấy ghép tà vạy trên thân, cần thuốc đặc trị để điều trị những vết thương lở loét và những loại độc trùng nội thân, virus từ bên ngoài. Phật giáo Việt Nam hiện nay toàn hình tướng màu mè, âm thanh rền rang, toàn đại ngôn sáo ngữ mà thực chất không có bấy nhiêu. Tương lai Phật giáo Việt Nam thật đáng ngại, tiền đồ giáo hội dân lập cũng đầy gian nan thử thách. Ngài là bậc long tượng, là tông lâm thạch trụ nhưng sách cũng có câu: "Mãnh hổ nan địch quần hồ", bao nhiêu chia chẻ, phân tán, xâu xé, tranh đoạt... từ bên trong; bao nhiêu cô lập, cấm bế, mại lý, hạn chế sinh hoạt, cản trở sự phục hoạt từ bên ngoài... Ngài nay cũng đã cao niên, sức khỏe cũng đã suy, trên trước ngài còn có những bậc long tượng khác nhưng dưới sau ngài thì chưa thấy ai (3). Cơ đồ của giáo hội dân lập, tương lai của Phật giáo Việt Nam quả thật đáng để lo ngại lắm thay.

Cầu mong chư Phật, chư bồ tát, chư hiền thánh gia hộ cho ngài pháp thể khinh an, diên thọ tăng long để phục hoạt giáo hội, dẫn dắt hàng tứ chúng, phục quang Phật Việt.

Tiểu Lục Thần Phong
 Ất Lăng thành, 0923

- 1) "Ngón tay nào gõ nhịp xuống tường rêu" (Tôi Vẫn Đợi - thơ Tuệ Sỹ)
- 2) Lời của nhà thơ Bùi Giáng viết về nhà thơ Tuệ Sỹ trong tác phẩm "Đi Vào Cõi Thơ" (xuất bản năm 1969)
- 3) Bài này viết từ tháng 9 năm 2023, hai tháng sau, vào ngày 24 tháng 11 năm 2023, ngài viên tịch.

TÔI CŨNG CÓ THẦN TƯỢNG

*Thần tượng của tôi vô cùng đơn sơ, thanh bạch
 Sống tri túc với khí phách ngất trời mây
 Trí Tuệ cao siêu trong tâm thân gầy
 Sĩ trượng phu giữa dòng đời đen bạc
 Chông gậy trúc đập trường sơn dấn bước
 Ngày và đêm trang nghiêm mực thước
 Mắt nheo cười nắng quai cũng liêu xiêu
 Thần tượng của tôi tôn quý biết bao nhiêu
 Giữa nhân thế xô bồ loạn động
 Tấu dương cầm hồn bay cao lỏng lộng
 Phụng nhân gian cúng dường tôi thẳng tôn
 Cuộc hành trình như thể vô môn
 Vốn hư không mà bảo tồn dựng lập
 Thần tượng tôi bạc kim cương vô úy
 Mặc thói đời luân lý suy vi
 Hình án ngục tù cũng chẳng hề chi
 Thì kể gì những trò ma mị
 Sống thảng ngày quốc gia rung rung máu lệ
 Khóe mắt gây hao nắng quai
 Nhìn xuyên qua bóng tôi đêm dài
 Mạnh cả sa bặc lấy hình hài
 Đáng trượng phu với bản hoài dựng lập
 Thần tượng tôi duy nhất
 Dù đến đi vẫn mãi mãi trong tâm hồn
 Bóng áo lam còn đó với non sông
 Phù đạo pháp giữ tông môn dân tộc
 Dịch kinh sách, làm thơ, chơi nhạc
 Bạc tài hoa dâng trác tuyệt cho đời
 Dầu vô ngôn mà chan chứa vạn lời
 Người như thể từ "Cung trời hội cũ" (*)
 Dem miệng lưỡi tán dương sao cho đủ
 Ngôn từ đời quá cũng thật phù du
 Thần tượng tôi vị du sĩ vô tung
 Như mây gió thung dung tự tại
 Mấy mươi năm thể Tâm kinh "vô quái ngại"
 Giờ còn đây một mảnh trăng gầy
 Đủ phủ sáng non nước ngày chung cuộc.*

thơ

TIỂU LỤC THẦN PHONG

Ất Lăng thành, 0924

* Chữ của ngài.

The Story of Mara

(i.e. Devil/Satan Asking Buddha About Meaning of 'Param')

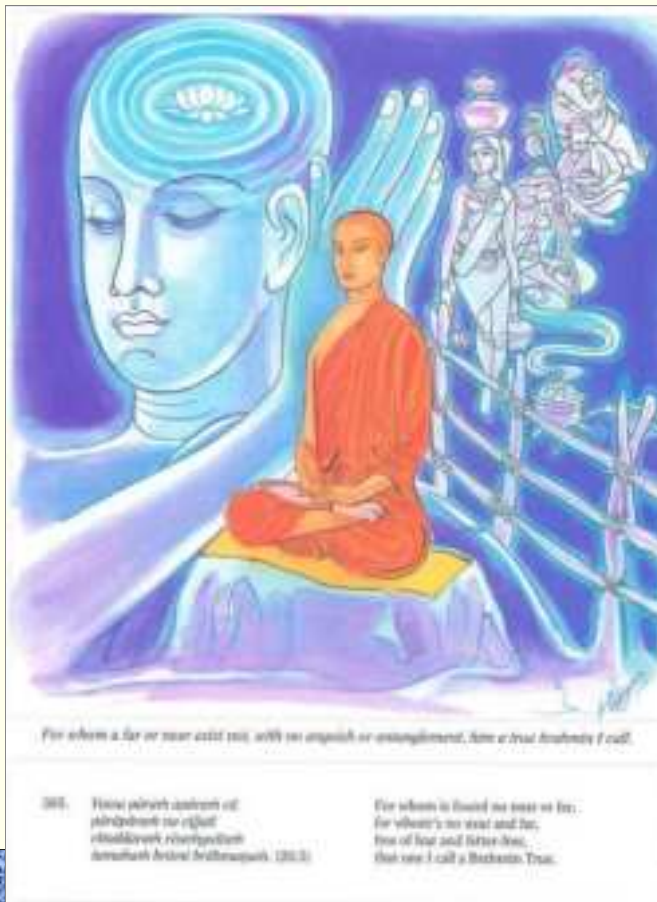
Dhammapada, Verse 385

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (385) of this book, with reference to Mara.

On one occasion, Mara came to the Buddha disguised as a man and asked him, "Venerable Sir, You often say the word 'param'. What is the meaning of that word?" The Buddha, knowing that it was Mara who was asking that question, chided him, "O wicked Mara! The words 'param' and 'aparam' have nothing to do with you. 'Param' which means 'the other shore' can be reached only by the arahats who are free from moral defilements."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 385: Him I call a brahmana who has for him neither this shore (i.e., the sense-bases) nor the other shore (i.e., the sense objects), and who is undistressed and free from moral defilements.



Translated by

Daw Mya Tin, M.A.,

Burma Pitaka Association,
Rangoon, Burma.

TỪ CUỘC LỘT XÁC VẤN HỌC ĐẾN KHÁT VỌNG GIẢI THOÁT MỘT DÂN TỘC

Huệ Đan

VẤN HỌC / NGHỆ THUẬT



Han Kang pictured in 2015.
Photograph: David Levene/The Guardian

Giải Nobel Hòa Bình dành cho Han Kang, tác giả của tiểu thuyết "Người ăn chay" (The Vegetarian), một tác phẩm văn học xoay quanh những khía cạnh sâu xa của sự sống, thân phận con người và những quyết định cá nhân. Hơn lúc nào hết đã gợi cho chúng ta sự nghĩ ngợi về sứ mệnh của văn học Phật giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa. Văn học không chỉ là một hình thức nghệ thuật, mà còn là một sứ mệnh chuyển tải những giá trị nhân văn sâu sắc. Văn học Phật giáo, đặc biệt trong thế kỷ 21, có vai trò quan trọng trong việc giao hòa những giá trị tử bi, trí tuệ và hòa bình giữa dòng chảy không ngừng của nhân loại.

"The Vegetarian" (Người ăn chay) của Han Kang, được xuất bản năm 2007, là một trong những tác phẩm văn học đầy ấn tượng và gây tranh cãi, mang đậm tính siêu thực và khai thác những tầng sâu về tâm lý, bản năng con người và mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội. Tiểu thuyết này đã mang lại cho Han Kang giải Man Booker International Prize vào năm 2016 và nó được đánh giá là một tác phẩm biểu tượng cho văn học Hàn Quốc trong thế kỷ 21.

The Vegetarian xoay quanh nhân vật Yeong-hye, một phụ nữ Hàn Quốc bình thường, đột nhiên quyết định từ bỏ việc ăn thịt sau một giấc mơ bạo lực. Quyết định này ban đầu xuất phát từ một lựa chọn cá nhân nhưng nhanh chóng dẫn đến sự rạn nứt trong gia đình và xã hội xung quanh cô. Yeong-hye từ bỏ ăn thịt không chỉ vì lý do sức khỏe hay

đạo đức, mà còn vì cô đang tìm kiếm sự giải thoát khỏi bạo lực và áp lực vô hình từ xã hội gia trưởng. Sự kháng cự của cô đối với những quy tắc về thể xác và tinh thần dẫn đến sự đổ vỡ của mối quan hệ gia đình và những sự kiện đau lòng.

Câu chuyện được kể qua ba góc nhìn: người chồng, người em rể và người chị gái của Yeong-hye. Mỗi nhân vật đều phản ánh những góc độ khác nhau về mối liên hệ giữa thân xác và tự do, giữa sự cá nhân và khuôn khổ xã hội. Những xung đột giữa ý thức và vô thức, giữa bản ngã và ham muốn bạo lực ẩn sâu trong mỗi con người cũng được tác giả khám phá thông qua hành trình của Yeong-hye.

The Vegetarian không chỉ đơn giản là câu chuyện về việc từ bỏ thịt. Nó là một phép ẩn dụ mạnh mẽ về cuộc kháng cự của một cá nhân đối với bạo lực và sự áp đặt từ xã hội. Quyết định từ chối ăn thịt của Yeong-hye tượng trưng cho sự phản kháng đối với sự thống trị của các cấu trúc quyền lực, đặc biệt là trong bối cảnh gia đình gia trưởng. Việc ăn chay của cô, theo cách này, trở thành biểu hiện của sự tìm kiếm tự do, sự thuần khiết và giải thoát khỏi những quy ước đã ràng buộc cô suốt đời.

Một chủ đề khác được nhấn mạnh trong The Vegetarian là sự chia cắt giữa tinh thần và thể xác. Yeong-hye không chỉ từ bỏ việc ăn uống mà dường như cô còn từ bỏ cả chính thân xác của mình. Điều này đặt ra câu hỏi về mối quan hệ giữa thể xác và tinh thần, giữa ý thức và vô thức, cũng như sự khát khao tự do khỏi các giới hạn của sự tồn tại về mặt vật chất.

Dù không trực tiếp đề cập đến Phật giáo, The Vegetarian vẫn chứa đựng những yếu tố tương đồng với triết lý của Phật giáo, đặc biệt là trong cách Yeong-hye từ bỏ thế giới vật chất và tìm kiếm sự giải thoát. Quyết định ăn chay của cô có thể được coi là một bước khởi đầu cho hành trình hướng về một hình thức tồn tại cao hơn, thoát khỏi những ràng buộc về thể xác và ham muốn trần tục. Sự tìm kiếm giải thoát khỏi khổ đau và bạo lực, cũng như việc từ chối sát sinh, là những yếu tố cốt lõi của triết lý Phật giáo.

Ngoài ra, tác phẩm còn chứa đựng sự chiêm nghiệm về vô thường và vô ngã – những khái niệm cơ bản trong đạo Phật. Yeong-hye từ từ biến mất khỏi thế giới vật chất, thoát khỏi cái tôi và thể xác, điều này gợi nhắc đến hành trình của một người tìm kiếm sự giác ngộ trong Phật giáo, nơi mà sự giải thoát khỏi bản ngã là mục tiêu cuối cùng.

The Vegetarian không chỉ là một tiểu thuyết về sự kháng cự cá nhân đối với bạo lực xã hội, mà còn là một bức tranh về sự mong manh của con người trong bối cảnh những áp lực vô hình đang bủa vây. Sự đấu tranh của Yeong-hye là biểu tượng cho sự phản kháng của những người yếu thế trong xã hội,

những người không có tiếng nói và nó còn đề cập đến quyền tự do cá nhân, quyền được lựa chọn của mỗi con người.

Sự thành công của The Vegetarian trên văn đàn quốc tế cũng đánh dấu sự công nhận văn học Hàn Quốc trong thế kỷ 21, khi các tác phẩm từ Đông Á bắt đầu được thế giới chú ý. Tác phẩm của Han Kang không chỉ là một hiện tượng văn học mà còn là một cánh cửa để thế giới nhìn thấy những khía cạnh nhân văn, sâu sắc của nền văn học Á Đông trong thời đại toàn cầu hóa.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, nhân loại đang đối diện với những khủng hoảng sâu rộng về môi trường, chiến tranh, phân hóa xã hội và sự suy thoái đạo đức. Văn học Phật giáo, với tinh thần từ bi và trí tuệ, có thể đóng góp vào việc chữa lành và thắp sáng những giá trị cốt lõi của lòng nhân ái, sự tinh thức và sự hòa hợp.

Phật giáo luôn nhấn mạnh tính vô thường và sự liên hệ mật thiết giữa con người và thế giới xung quanh. Điều này không chỉ thể hiện qua giáo lý mà còn có thể truyền tải mạnh mẽ qua văn chương. Các tác phẩm văn học Phật giáo, nếu được viết bằng cái nhìn sâu sắc và nhân ái, sẽ khơi dậy ý thức cộng đồng và giúp nhân loại tìm về sự tinh thức giữa dòng đời vật chất và hư vô.

Văn học Phật giáo, trong thế kỷ 21, có thể trở thành cầu nối giữa Đông và Tây, giữa tinh thần truyền thống và hiện đại. Tác phẩm "Người ăn chay" của Han Kang đã thành công trong việc nêu bật những yếu tố văn hóa Á Đông và giá trị nhân văn phổ quát, cùng với các yếu tố thể hiện sự tinh tâm, tránh bạo lực và sự đối thoại với bản chất bên trong. Đây chính là điều mà văn học Phật giáo có thể mang lại – một tiếng nói tinh tế nhưng mạnh mẽ, khơi gợi lòng từ bi và sự ý thức về trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với thế giới xung quanh.

Những giá trị Phật giáo về tình yêu thương không biên giới, lòng khoan dung và sự tôn trọng sự sống đã và đang trở thành kim chỉ nam cho nhiều người trong việc đối mặt với những thử thách của thế kỷ 21. Văn học, khi thấm nhuần triết lý này, sẽ không chỉ tạo ra những tác phẩm nghệ thuật để thưởng thức mà còn là phương tiện để chữa lành, để thức tỉnh và để dẫn dắt nhân loại hướng về một tương lai bình an và hòa hợp hơn.

Tác phẩm văn học Phật giáo có thể không trực tiếp bàn về giáo lý Phật giáo một cách lý thuyết, mà thay vào đó, nó có thể khơi dậy những suy tư sâu xa về sự vô ngã, lòng từ bi và sự nhận thức về khổ đau của chúng sinh. Giải Nobel Hòa Bình trao cho tác giả "Người ăn chay" đã cho thấy sức mạnh của văn chương trong việc khơi dậy những mối liên hệ giữa cá nhân và xã hội, giữa tâm linh và vật chất.

Văn học Phật giáo không chỉ tồn tại trong khuôn khổ các tác phẩm mang tính giáo lý mà còn có thể mở rộng ra những lĩnh vực đời sống. Những vấn đề về bảo vệ môi trường, quyền con người và hòa bình đều là những đề tài mà văn học Phật giáo đã nhuần lư và truyền tải một cách sâu sắc, nhất là trong bối cảnh xã hội ngày càng phân rẽ.

Giải thưởng Nobel dành cho một tác phẩm văn học mang tính chất tâm linh và nhân văn như "Người ăn chay" là một dấu hiệu tích cực cho thấy thế giới đang tìm kiếm những giá trị cốt lõi để vượt qua các thách thức hiện tại. Văn học Phật giáo trong thế kỷ 21, với sứ mệnh của mình, có thể là ánh sáng dẫn đường cho nhân loại trên con đường

tìm kiếm sự cân bằng, hòa bình và tình yêu thương giữa một thế giới đầy biến động. Văn học Phật giáo, qua dòng chảy nhân văn, sẽ tiếp tục làm sống dậy những giá trị cao quý của lòng từ bi, trí tuệ và hòa hợp, góp phần tạo nên một thế giới an bình cho tất cả.

Ở đây, cũng cần thiết để nhìn lại một sự thể gai góc, đó là trong bối cảnh chính trị và xã hội Việt Nam hiện tại, văn học đối mặt với nhiều hạn chế do sự thiếu tự do và vi phạm nhân quyền. Điều này tạo ra một thách thức cho các nhà văn và tư tưởng, những người đi tìm tiếng nói độc lập trong một môi trường bị kìm kẹp. Tuy nhiên, từ những gì chúng ta chứng kiến qua những tác phẩm đoạt giải Nobel, ta thể ngay bây giờ như The Vegetarian của Han Kang, có thể rút ra hướng đi tiềm năng cho văn học Việt Nam trong việc chuyển chở các giá trị nhân văn và trở thành phương tiện thay đổi số phận của một dân tộc.

Trong lịch sử văn học thế giới, những tác phẩm vĩ đại nhất thường xuất hiện từ những bối cảnh chính trị, xã hội đầy áp bức. Đó không chỉ là phương tiện để nhà văn biểu đạt nỗi đau và sự bất công mà còn trở thành biểu tượng cho tinh thần kháng cự và giải phóng. The Vegetarian là một ví dụ về sự kháng cự cá nhân với những áp lực vô hình từ xã hội, thể hiện qua việc Yeong-hye tìm kiếm sự giải thoát khỏi những áp đặt truyền thống và thể xác. Tương tự, trong bối cảnh chính trị xã hội Việt Nam, văn học là một phương tiện để phản ánh sự khao khát tự do và chống lại những hệ thống áp bức. Những nhà văn như Albert Camus hay Aleksandr Solzhenitsyn đã dùng văn chương để phơi bày sự thối nát và khủng hoảng đạo đức của chế độ, thúc đẩy nhận thức về nhân quyền và tự do. Văn học Việt Nam cũng từng có lúc và, vẫn có thể đi theo con đường này, không chỉ là một phương tiện nghệ thuật mà còn là vũ khí tinh thần để phản kháng và thức tỉnh nhận thức của công chúng.

Văn học có khả năng mạnh mẽ trong việc thay đổi nhận thức xã hội. Những tác phẩm đoạt giải Nobel như One Hundred Years of Solitude của Gabriel García Márquez hay Beloved của Toni Morrison đã vạch trần những bất công xã hội, sự phân biệt chủng tộc và tình trạng áp bức của các nhóm người yếu thế. Họ đã không chỉ viết về nỗi đau mà còn tạo ra sự thấu cảm và động lực để đấu tranh cho sự công bằng.

Tại Việt Nam, một xã hội bị kìm kẹp trong sự thiếu tự do, văn học có thể đóng vai trò như một hình thức đối thoại âm thầm liên li nhưng đầy sức mạnh. Tác phẩm không chỉ dừng lại ở việc kể chuyện mà cần hướng đến việc thức tỉnh ý thức cộng đồng, khơi gợi tinh thần phản kháng với áp bức, cũng như khuyến khích sự đoàn kết để xây dựng một tương lai tự do và công bằng hơn.

Trong bối cảnh thiếu tự do và vi phạm nhân quyền, văn học không chỉ là nơi phản ánh thực trạng mà còn là một hình thức "lột xác" cho chính nó. Nhìn vào những tác giả-tác phẩm đoạt giải Nobel, như The Vegetarian, chúng ta thấy rằng văn học có thể trở thành biểu tượng của sự thay đổi, chạm vào những góc khuất của tâm hồn con người và khơi dậy sự phản tỉnh.

Với xã hội Việt Nam hiện tại, văn học cần phải thoát khỏi các rào cản truyền thống và tự cởi bỏ những xiềng xích của chế độ kiểm soát. Nó phải tìm

cách lột tả sự thật một cách tinh tế, đôi khi là ẩn dụ, đôi khi là trực tiếp, nhằm chạm đến nhận thức xã hội. Các tác phẩm như 1984 của George Orwell hay The Gulag Archipelago của Solzhenitsyn đã minh chứng rằng, ngay cả trong những hoàn cảnh tối tăm nhất, văn học vẫn có thể trở thành phương tiện hùng mạnh để lột trần sự bất công và thúc đẩy thay đổi.

Văn học không thể tự mình thay đổi hiện thực chính trị, nhưng nó có thể tạo ra những chuyển biến trong nhận thức, điều này là tiền đề quan trọng để thay đổi xã hội. Khi người dân bắt đầu ý thức về sự bất công, về nhân quyền bị tước đoạt, và khao khát tự do, văn học sẽ trở thành một ngọn lửa thấp sáng tinh thần đấu tranh và sự đoàn kết.

Như trong The Vegetarian, sự phản kháng của Yeong-hye ban đầu chỉ là một hành động cá nhân nhưng dần dần lan rộng ra và ảnh hưởng đến những người xung quanh. Tương tự, văn học Việt Nam cần phải tạo ra những tiếng nói phản kháng nhỏ, không ngừng, để lan tỏa ra xã hội. Tác phẩm văn học không chỉ giúp con người cảm nhận được nỗi đau và sự bất công mà họ đang phải chịu đựng mà còn khuyến khích họ đứng lên để tự giành lại tự do và nhân quyền.

Để văn học có đủ sức mạnh thay đổi số phận Việt Nam, các nhà văn phải dũng cảm tìm cách phản ánh sự thật, ngay cả khi điều đó đồng nghĩa với việc đối mặt với nguy cơ bị kiểm soát và đàn áp. Văn học phải trở thành một phương tiện để con người suy ngẫm về giá trị của tự do, nhân quyền và tình thương. Nó không chỉ là nghệ thuật mà còn là tiếng nói của khát vọng, của sự kêu gọi về một tương lai tốt đẹp hơn.

Những nhà văn trong lịch sử từng giành giải Nobel đã chứng minh rằng, văn học có thể vượt qua ranh giới chính trị, đánh thức những giá trị nhân văn cốt lõi và tạo ra những chuyển biến lớn cho xã hội. Văn học Việt Nam, nếu có thể nắm bắt được những sứ mệnh này, không chỉ có thể lột xác cho chính nền văn học mà còn có khả năng thay đổi số phận dân tộc, mang lại sự thức tỉnh và hy vọng cho một tương lai tự do, nhân quyền và bình đẳng.

Văn học, dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào luôn là phương tiện mạnh mẽ để chuyển chở những giá trị nhân văn và khơi dậy khát vọng tự do. Trong bối cảnh chính trị và xã hội Việt Nam, văn học có thể trở thành tiếng nói phản kháng thâm trầm nhưng đầy sức mạnh, dẫn dắt cộng đồng nhận thức về nhân quyền và giá trị tự do. Những tác phẩm đoạt giải Nobel Văn học trong những năm gần đây phản ánh một xu hướng rõ rệt: văn chương ngày càng tập trung vào việc phơi bày những góc khuất trong lịch sử, nỗi đau cá nhân, và sự kháng cự của con người đối với bạo lực và bất công. Những nhà văn đoạt giải như Han Kang (2024), Jon Fosse (2023), và Abdulrazak Gurnah (2021) đều mang trong mình một sứ mệnh truyền tải những giá trị nhân văn, đối đầu với những bất công xã hội, lịch sử và văn hóa.

Han Kang, với tác phẩm The Vegetarian và các tác phẩm khác, không ngừng khám phá sự mong manh của đời sống con người và những tổn thương lịch sử, thông qua lối văn chương giàu chất thơ và suy ngẫm về mối liên hệ giữa cơ thể và tâm hồn. Tác phẩm của cô đại diện cho tiếng nói của những người sống trong áp lực vô hình của xã hội gia trưởng và sự tìm kiếm sự giải thoát cá nhân.

Jon Fosse, nhà văn Na Uy, được tôn vinh vì lối



TÌNH THỨC

*THẤY đời quy khứ bất quy lai
TRẮNG chỉ là trăng của tháng ngày
THIÊN định đi tìm nơi trú xứ!
TOẠ yên có gặp Bán Lai ngay?
BÊN ngoài xuân đến trăm hoa nở
TRONG tình thu về vạn ý bay
QUỲNH toả hương gây ai tỉnh thức?
THẤY EM LÀ MỘNG... TÌNH LÀ MÁY.*

thơ KIỀU MỘNG HÀ

văn "sáng tạo và độc đáo", khi ông khơi gợi những điều không thể nói ra thông qua các vở kịch và tiểu thuyết đầy trầm mặc và suy tưởng. Các tác phẩm của ông đặt trọng tâm vào những cảm xúc sâu sắc và sự đối diện của con người với thực tại.

Abdulrazak Gurnah, nhà văn gốc Zanzibar, nổi bật với những tác phẩm về di cư, tị nạn và sự phân biệt chủng tộc, đặc biệt là các di chứng của chủ nghĩa thực dân. Ông đem lại tiếng nói cho những người bị đẩy ra bên lề xã hội, khám phá sự phức tạp của việc tìm kiếm căn tính và vị thế trong một thế giới đầy biến động.

Cả ba nhà văn này đều có những khó khăn và thử thách riêng, nhưng Jon Fosse và Abdulrazak Gurnah bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi bối cảnh xã hội và chính trị trong quá khứ của họ, trong khi Han Kang đối mặt với những cản trở mang tính xã hội và phê phán trong nước.

Bấy giờ, khi những người sáng tạo dũng cảm bước ra khỏi vòng kim kẹp và viết lên sự thật, văn học sẽ không chỉ là cuộc lột xác cho chính nó mà còn là ánh sáng dẫn lối cho sự thay đổi số phận Việt Nam, hướng đến một tương lai tự do, nhân quyền và hòa bình hơn.



VIÊN ASPIRIN VỚI BỆNH TIM

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Từ hơn 100 năm nay, Aspirin vẫn là viên thuốc rất phổ biến. Aspirin giảm nhiệt độ cơ thể, giảm các cơn đau lớn nhỏ, giảm tình trạng viêm sưng mô bào, ngăn ngừa tiêu cầu kết tụ...

Rồi tới thập niên 1990, viên thuốc đa năng này lại được dùng vào việc điều trị cũng như phòng ngừa nhiều bệnh khác, đặc biệt các bệnh liên quan tới trái tim.

Với bệnh tim, tác dụng của Aspirin gồm có:

- Giảm cảm giác đau với các bệnh của tim.
- Ngăn chặn sự kết tụ thành cục của các tiểu cầu trong máu. Các máu cục này có thể di chuyển lên não, gây ra tai biến não (stroke) hoặc tới tim, gây ra cơn đau tim (heart attack).

- Nhiều nghiên cứu cho hay dùng Aspirin đều đặn có thể giảm đáng kể nguy cơ tử vong, đặc biệt là người cao tuổi, người có bệnh tim.

Theo Hội Tim Hoa Kỳ, những người sau đây có thể hưởng tác dụng bảo vệ của Aspirin:

- Người đã bị cơn đau tim, cơn đau thắt ngực không ổn định (unstable angina), tai biến não do thiếu máu cục bộ ở (ischemic stroke) hoặc tai biến nhẹ thoáng qua (Transient Ischemic Attack).

- Người có nhiều rủi ro mắc bệnh tim như nam giới, tuổi cao, trong gia đình có người đã bị cơn đau tim, phụ nữ ở tuổi mãn kinh. Đó là các nguy cơ gây bệnh không tránh được. Ngoài ra một số rủi ro khác có thể tránh được là cao huyết áp, cao cholesterol, đời sống tĩnh tại, béo phì, tiểu đường không được kiểm soát.

Hiện nay, Aspirin được cho dùng trong trường hợp người bệnh nghi là bị cơn đau tim đang trên đường di chuyển tới bệnh viện.

Tương đối an toàn nhưng Aspirin có thể gây ra một số tác dụng phụ như:

- Tác hại lên niêm mạc rồi gây ra loét và xuất huyết ở dạ dày và cơ quan nội tạng trong bụng.

- Tăng nguy cơ bị tai biến não gây ra do xuất huyết

- Tử vong nếu bị dị ứng với aspirin mà vẫn tiếp tục dùng.

- Hội chứng Reyes, tuy hiếm nhưng có thể chết người ở trẻ em bị các bệnh nhiễm do virus.

Mặc dù Aspirin có tác dụng tốt với bệnh tim khi được dùng đúng cách nhưng không phải là ai cũng có thể tự tiện dùng. Cần tham khảo ý kiến bác sĩ trước về liều lượng, cách dùng cũng như chỉ định.

Ngoài ra, Aspirin không phải là thay thế cho

việc giảm cholesterol, vận động cơ thể, bớt mập phì, giữ huyết áp bình thường, ngưng hút thuốc lá... Đây là những rủi ro chính yếu đưa tới bệnh tim mà mỗi người có thể kiểm soát được.

Các dấu hiệu báo động cơ đau tim là:

- Cảm giác khó chịu, đau đau, nặng nặng như có vật gì đè ép vào giữa ngực, kéo dài vài ba phút hoặc hết đi rồi tái diễn.

- Cảm giác đau khó chịu ở hai cánh tay, cổ, hàm mặt

- Thở hụt hơi

- Đổ mồ hôi, buồn nôn.

Khi thấy có các dấu hiệu này cần hành động tức thì: Kêu 9-1-1 ngay. Mỗi phút trôi qua là giây phút sinh tử. Nhân viên cấp cứu có thể bắt đầu điều trị tức thì trên đường di chuyển tới bệnh viện, vì họ liên lạc thường xuyên và nhận lệnh từ bác sĩ chuyên môn tại phòng cấp cứu. Điều trị càng sớm thì hy vọng hồi phục càng cao đồng thời cũng giảm thiểu được các tổn thương cho trái tim.

Chúc mọi sự an lành.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

<http://www.nguyenyduc.com>



Lắt thịt để cứu con bồ câu khỏi chết

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO



Thuở đời quá khứ, tại Diêm Phù Đề này có một vị Quốc Vương tên Tát Bá Đạt, thống lãnh trọn một quốc độ lớn mà cai trị, tiếng nhân hiền đồn dậy bốn phương, việc bố thí khắp trăm họ. Đến đời tất cả mọi người ai muốn thọ dụng món chi, cứ đi ngay vào đền mà trình bày, thì thầy đều tùy tiện theo chỗ thiếu hụt của cá nhân mà chu cấp, chứ Vua không lần tiếc chút nào; bởi vậy lúc bấy giờ những người cô bản đều nhờ dư phúc mà đặng phần tự tại.

Khi ấy, thiên thần quan sát thấy vậy bèn vào tâu với Đế Thích rằng: "Tại cõi Diêm Phù Đề có vị Quốc Vương tên là Tát Bá Đạt, ngôi cao phúc lớn, đức hạnh hoàn toàn, ơn nhuần rộng khắp. Tôi sợ vị Quốc Vương ấy nhờ công đức đó, đến khi mạng chung chắc sanh về cõi trời mà làm chức lớn".

Đế Thích nghe tâu, thì có ý sợ ngày sau mất ngôi, nên kiểm cố thử lòng Vua Tát Bá Đạt.

Đoạn rồi Ngài mới bảo Biên Vương rằng:

- Nay tại cõi Diêm Phù Đề, có một vị Quốc Vương tên là Tát Bá Đạt, chỗ phổ tế đượm nhuần lê thứ và lòng từ bi với vợ vô cùng, ta sợ nhờ phúc quả to tát đó mà đoạt ngôi Thiên vị của ta. Vậy nhà ngươi biến hóa làm một con bồ câu, bay xán xá đến bên mình Vua, rồi giả đồ bị nạn mà yêu cầu

khẩn thiết xin cứu mạng. Nếu Vua có lòng từ bi thì thế nào cũng che chở cho nhà ngươi. Còn phần ta thì hóa làm con ó bay theo sau, cứ nằng nặc quyết một lòng đòi Vua trả bổ câu lại mà ăn thịt. Thoảng như ý Vua là bậc chân chánh, chịu lắt thịt của mình cân cho bằng thịt con bồ câu mà đổi, thì ta mới bằng lòng. Khi cân thịt đó thì người dùng thần biến làm con bồ câu nặng trĩu, dầu có lắt hết thịt người thì cũng không đủ. Hết thịt thì phải đau nhức, phải hôi hapan, nếu y có hối hận, thì chỗ chỉ hướng không thành tựu. Chừng đó ta sẽ an hưởng nơi cõi trời này đời đời, không ai tranh giành nữa.

Đế Thích bàn tính kế hoạch xong, bèn hóa ra một con ó, còn Biên Vương thì hóa con bồ câu mà bay đi.

Đây nói về Vua Tát Bá Đạt đang đứng nơi chốn hoa viên với người tôi thị thần mà hóng mát, bỗng đâu con bồ câu bay xán xá rớt ngay bên chân, rồi ra bộ sệt sệt mà nói hớt hải rằng:

- Đại Vương ơi! Xin thương đến mạng tôi đương lúc nguy biến này, vì con ó rượt bắt tôi mà ăn thịt. Xin Ngài mở lượng từ bi ra tay tế độ, ơn ấy nguyện ngậm vành về sau mà đền đáp.

Vua Tát Bá Đạt thấy tình cảnh của loài phi điều như vậy thì động mỗi từ tâm liền nói rằng:

- Không sao đâu! Không sao đâu! Có ta cứu người được bảo toàn tính mạng.

Vua nói vừa dứt lời, kể con ó bay đến mà kêu nài rằng:

- Xin Đại Vương thả con bồ câu ra, vì nó là miếng mồi của tôi ăn thịt.

Vua Tát Bá Đạt nghe con ó năn nỉ hoài thì trả lời lại rằng:

- Số là con bồ câu đến đây yêu cầu ta cứu mạng mà ta đã hứa rồi, nên phải thủ tín, như nhà ngươi có nói vậy, thì ta đem thịt khác mà thường lại hơn gấp bội nữa.

Con ó liền đáp lại rằng:

- Tôi chỉ muốn ăn thịt con bồ câu đó mà thôi, chớ không chịu dùng thịt nào khác đâu! Đại Vương là bậc sang cả, nữ nào đoạt món ăn của tôi cho đành.

Vua Tát Bá Đạt nghe con ó nói một cách khẳng khái như vậy, thì lật đặt an ủi:

- Bởi vì ta đã hứa cứu mạng con bồ câu, thì ta phải nhớ lời. Vậy bây giờ người muốn dùng thịt chỉ cho ta biết, thì ta y theo cho vừa lòng người chớ không có chút gì chấp nệ, miễn là để con bồ câu được toàn tánh mạng mà thôi.

Con ó nghe Vua đáp lại như vậy thì chỉ xiết nỗi vui mừng liền trả lời:

- Nếu Đại Vương có lòng từ bi muốn cứu giúp tất cả chúng sanh thì xin lắt thịt nơi mình của Đại Vương đó đem ra cân cho bằng con bồ câu thì thôi, trước là cứu tôi khỏi sự đói khát, sau cứu con bồ câu kia đặng toàn tánh mạng. Như vậy cả hai đều tiện lợi cả.

Vua Tát Bá Đạt nghe con ó kêu nài như vậy, thì trúng cái bản nguyện của mình bèn đáp:

- Hay lắm! Hay lắm! Ta không có lần tiếc khối huyết nhục này đâu.

Vua liền bảo thị thần đem gươm và cân ra hoa viên, bắt con bồ câu để đứng trên giá cân này, rồi cầm gươm theo thịt của mình để lên giá cân kia, song theo bao nhiêu thịt thì cũng vẫn không cân bằng.

Vua thấy vậy lắt hết thịt cả mình mà cũng thấy thiếu mãi, đến nỗi mình mấy lòi xương mà cứ tự nhiên không có gì nhứt nhất.

Vua Tát Bá Đạt bèn dạy bảo thị thần rằng:

- Mau giết ta đặng lấy cốt tủy cân cho đủ thịt con bồ câu kia, bởi vì ta thuận theo trong giới luật chân chính của Chư Phật, nguyện phổ tế sự nguy ách cho chúng sanh.

Chừng đó Đế Thích và Biên Vương thấy sự xả thí của Vua chẳng có chút nào dời đổi, nên

cảm phục lòng tử tế không ai sánh bằng, và hoàn lại bốn thân rồi đến trước mặt Vua cúi đầu bạch rằng:

- Chẳng biết Đại Vương muốn hy cầu sự chi mà chí hướng rất cao thượng, đến đổi thân hình khổ não như thế mà không có chút nào thối chuyển xin nói cho anh em tôi biết.

Vua Tát Bá Đạt đáp lại rằng:

- Tôi sở dĩ bố thí đầy bốn ý chẳng phải hy cầu những điều phước báu nơi cõi nhân thiên hay là các ngôi Hoàng Đế phi hành! Vì tôi thấy chúng sanh cứ lặn hụp nơi ô trược chẳng nghĩ đến ngôi Tam Bảo và chẳng tưởng giáo lý của Phật, mãi buông lung làm các việc bạo ngược, thường bị gieo mình trong ngục hỏa trạch mà không thức tỉnh hồi đầu chút nào, nên tôi thương xót vô cùng, thể nguyện cầu được đến chỗ chúng ngộ mà cứu vớt chúng sanh đem lên cảnh an vui tịch tịnh. Bởi thế, nên đầu chỗ sở hành của tôi rúi có vong thân tánh mạng đi nữa

thì cũng cương quyết cho đến cùng chứ không bao giờ thối chuyển.

Đế Thích và Biên Vương nghe nói cả kinh và tự hồi rằng:

- Theo ngụ ý của chúng tôi tưởng Đại Vương muốn đoạt ngôi thiên vị, cho nên mới lập kế mà nhiều hại ra nông nổi này. Bây giờ chúng tôi mới rõ bản nguyện cao cả của Ngài thì biết phương pháp gì mà sám hối cái tội ác này cho đáng!

Vua Tát Bá Đạt nói:

- Các Ngài biết mình làm việc sai quấy, nay muốn sám hối tội lỗi, vậy thì làm sao cho mấy chỗ dẫu cắt trong thân thể tôi lành lại như cũ.

Đế Thích nghe nói vui mừng, tức thời khiếm các vị Thiên Y và Thần Y đồng đến điều trị cho Vua.

Linh nghiệm thay! Ban đầu thoa thuốc vào, thì thấy mấy chỗ vết thương đều phát động, phút chốc thoát nhiên bình phục lại như cũ, thân thể hình dáng

có vẻ càng tốt đẹp hơn xưa.

Lúc ấy, Đế Thích và Biên Vương đồng cúi đầu từ tạ và đi giáp vòng ba lần rồi bái biệt trở về bốn vị.

Sau đó Vua Tát Bá Đạt về triều thuật chuyện kỳ đó cho bá quan và phu nhân nghe, thì tất cả đều tán thán xưng tụng.

Từ đó sắp sau, Vua càng bố thí hơn trước đến bội phần, thành thử cả quốc độ gió thuận mưa hòa, ruộng nương thanh mậu, thật là một thời kỳ nước trị dân an.

Nguyên vị Quốc Vương Tát Bá Đạt lật thịt cứu con bò câu nói trên đây, chính là tiền thân của Phật Thích Ca vậy.

(Trích chuyện **TIỀN THÂN PHẬT TỔ**)

"Người bố thí nên nhớ người đến xin như khi đói suy nghĩ món ăn, khi thấy người đến xin, tâm sanh hoan hỷ như nhà bị cháy đem được của quý ra."

Đọc và cổ động ủng hộ
Nguyệt san CHÁNH PHÁP
là góp phần
hoằng dương Phật Pháp,
bảo tồn văn hóa Dân Tộc





Cởi trời

(tức **Phương Trời Cao Rộng 4**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG MƯỜI HAI

(tiếp theo)

Phương không đến gặp tôi trong hai ngày trực kế tiếp của cô. Có lẽ cô muốn cho tôi thời gian yên tĩnh để suy nghĩ và cũng có thể cô không muốn sự có mặt thường xuyên của cô khiến tôi nghĩ rằng cô cần tôi chứ không phải tôi cần cô. Sau hai ngày đó, đến phiên trực của cán bộ Thà. Anh cán bộ y tế này cũng hiền lành, dễ thương đúng như chức năng y tá mà anh đảm nhận. Anh thăm hỏi bệnh tình của tôi luôn khiến đôi lúc tôi thấy lúng túng – vì thực ra trong suốt thời gian ở bệnh xá, tôi chẳng bị bất cứ một căn bệnh hay cơn đau nào hành hạ cả. Rồi chính vì cái mặc cảm là mình già dối trong việc khai bệnh, cái ước vọng tự do bùng cháy trong tôi những ngày trước bỗng đứng đìu xuống, chìm lắng đi, cơ hồ không còn hấp lực hay dẫn lực nào cho tinh thần tôi nữa. Đến nỗi, tôi muốn được trở về phòng giam tập thể, không muốn

nằm lại ở bệnh xá.

Buổi tối, nhân lúc Thà đi kiểm soát các phòng, tôi nói với anh điều đó. Thà nói phải chờ Phương quyết định, vì Phương là người đề nghị đưa tôi ra nằm bệnh xá.

Ngay trưa hôm sau, Phương đến gặp tôi, nói nhỏ:

“Nghe anh Thà nói anh muốn trở về phòng giam tập thể, phải vậy không? Có nghĩa là anh đã quyết định... Được rồi, em sẽ đưa anh về. Nhưng anh rảnh rảnh lại đây vài hôm nữa đi, cho đến mấy ngày trực của em để em còn bàn với anh thêm vài chuyện nữa trước khi anh về phòng tập thể và trước khi em rời bỏ Biên Hòa. Vậy nhé.”

Tôi chờ. Đến phiên trực, Phương bước vào, đem cho tôi một giỏ thức ăn nhỏ, cô nói:

“Không phải của em hay của bất cứ cán bộ nào của trại này đâu mà anh từ chối. Đây là thức ăn chay của má em, tự tay bà nấu để... cúng dường anh đó. Má em dặn là phải nói vậy: *cúng dường*, không phải *cho* hay *biếu*.

Má em nói là anh sẽ vui lòng nhận, vì tăng sĩ không có lý do để từ chối vật sản cúng dường của thí chủ thành tâm. Anh cất vào trong đi, rồi em nói chuyện.”

Phương nói với tôi với cái vẻ nhí nhảnh ngây thơ của một người em gái nhỏ. Cử chỉ của cô làm tôi chợt nhớ đến hai cô em gái của tôi, hoặc nhớ một bóng dáng yêu kiều nào đó trong quá khứ. Đường như mọi người nữ trên đời, dù già hay trẻ, xấu hay đẹp, thân hay sơ, đều mang cái vẻ nhõng nhẽo dễ thương như vậy trước phái nam. Đôi khi cái tính ấy đã phả lấp đi tất cả những khuyết điểm của họ. Tôi nói với Phương:

“Tôi cầu chúc hai mẹ con cô tìm được một cuộc sống mới an tịnh, hạnh phúc, luôn gặp điều may mắn.”

Phương búi ngủi cảm ơn tôi một tiếng nhỏ, rồi tiếp:

“Em và má em sẽ bỏ đi thực đó anh Khang. Em có nói với má là anh quyết định không đi. Má nói: đừng ép thầy, chắc thầy có lý do chính đáng của thầy. Nhưng

em cứ thấy tức trong lòng là sao anh lại không chịu... Anh Khang ơi, còn việc này nữa em muốn hỏi anh, anh có muốn em giúp anh bất cứ điều gì trước khi em bỏ ngành về quê không? Chẳng hạn về việc truy tìm hồ sơ, liên lạc với ai đó cần thiết, hay nhân nhủ gì đó với thân nhân bạn bè anh ở ngoài..."

Tôi nói mà lòng không tin tưởng mấy:

"Chắc cũng có, nhưng để tôi suy nghĩ lại xem."

Phương gật đầu rồi lặng lẽ từ giã.

Sáng sớm ngày mai, Phương xách giỏ đi ngang. Thấy tôi, Phương dừng chân, hỏi:

"Anh cần gì không? Em về nhà, khoảng tám giờ mới trở vào."

Tôi nói ngay:

"Hôm qua cô có hỏi tôi cần nhân nhủ gì bên ngoài, bây giờ tôi nói với cô được không?"

Phương ghé sát vào chỗ cửa sắt, nói:

"Em sẵn sàng, anh nói đi."

"Hai tháng trước, tôi thường ra khai cung làm việc với một cán bộ trẻ của Bộ nội vụ, tên là Ngô Ngọc Tri, tử Hà Nội vào, cô Phương biết anh ấy mà, phải không? Hồi đó, mỗi lần tôi ra làm việc với anh ấy, cô là người bàn giao mà."

"Biết, em biết chứ. Cái anh chàng nhà văn đó mà."

"Cái gì? Nhà văn nào?"

"Thì cán bộ Tri, anh ta là nhà văn, bút hiệu là Hoàng Bình Minh, viết truyện viết báo, có ra sách do nhà xuất bản Công An Nhân Dân in đó mà."

"Vây à? Hèn gì..." tôi nói đến đây thì ngưng, trầm nghĩ, "hèn gì các biên bản hỏi cung cũng như kết cung của anh ta thật rõ ràng, minh bạch, văn hoa, khác với tất cả những biên bản của những cán bộ trước đó mà mình đọc."

"Bộ anh ấy không giới thiệu cho anh biết anh ấy là nhà văn hả? Sao, anh muốn nhân nhủ gì với anh nhà văn à?"

"Tôi muốn gặp mặt anh ấy, có đôi điều muốn nói."

Phương hơi ngạc nhiên, nhíu mày, nhưng rồi cô cũng nói:

"Chuyện đó dễ thôi, để em tìm cách liên lạc, nhân anh ấy. Coi nào, chắc là phải điện thoại chứ viết thư hay đánh điện tín thì không rõ ràng mà lại không ổn nữa. Nhưng mà... anh nghĩ là chỉ cần nhân nhủ vài lời như vậy thôi sao, không nói thêm chi tiết nào nữa"



hà? Biết anh ấy có chịu khó chạy vào đây không vì mấy lời nhân đơn sơ như vậy? Chuyện không rõ ràng thì làm sao anh ấy tin lời em."

"Cô cứ nhân tôi muốn gặp anh ấy gấp, nếu anh ấy hỏi gắng nhiều thì nói tôi muốn phản cung, khai lại tất cả từ đầu. Vây thôi."

"Được rồi, em sẽ làm ngay. Anh cho em vài hôm nha. Em cũng phải tìm xem số điện thoại của anh ta, ở đâu là tiện nhất để nhân."

Rồi Phương quày quã quay đi.

Phương hẹn vài hôm, nhưng ngay tối hôm sau, cô đã bước vào chỗ tôi, nói ngay:

"Anh Khang à, không được anh ơi."

"Không được là sao, không có địa chỉ hay anh ấy không vào được?" tôi hỏi dồn.

"Không phải. Anh ấy bị... cách chức, khai trừ, tước thẻ Đảng, rồi sau đó, hình như còn bị bỏ tù nữa đó. Anh ấy bị giam ở nhà giam nào cũng chẳng ai biết. Có người nói là không chừng anh ấy bị thủ tiêu rồi."

"Cái gì!" tôi sững sờ đứng lặng bên song cửa, chẳng biết nói gì thêm.

Phương nhìn tôi, ái ngại nói tiếp:

"Nghe đâu anh ấy điều tra hồ sơ cũ, đòi cứu xét lại mấy vụ án nổi danh ngoài đó. Anh ta"

còn viết truyện, làm thơ chống lại chế độ, tạo một phong trào đòi đổi mới trong giới cán bộ đảng viên trẻ, làm cho trung ương e ngại... Đó là những điều em điều tra được qua mấy con bạn đồng nghiệp đang làm việc ngoài đó. Tụi nó cũng thích anh Tri lắm đó anh. Tiếc là anh ấy chưa làm được gì nhiều. Anh ấy làm việc có vẻ gấp rút, sôi nổi quá; chỉ trong vòng mấy tháng mà làm ùm chuyện lên... thất bại là cái chắc. Anh Khang ơi, anh có sao không vậy?"

"Không sao. Cám ơn cô. Thôi cô lo việc của cô đi há."

"Có việc gì vào giờ này đâu. Em đứng đây với anh một chút, nha. Anh Khang nè, anh nghĩ em có thể giúp gì được anh thay cho anh Tri không? Anh nói đi, thực sự anh muốn nhờ anh Tri chuyện gì, biết đâu em cũng giúp được anh."

"Thôi, phiền lắm. Cô lo phòng thân đi, không khéo lại bị... như anh Tri. Tôi sẽ ân hận cả đời."

"Anh đừng nói vậy. Không phải tại anh Tri tiếp xúc với anh mà bị nạn đâu. Anh ấy khẳng khái làm những chuyện đụng chạm cấp trên như vậy thì tự dưng phải bị khai trừ, đâu có liên hệ gì đến anh mà anh ray rút."

"Với anh Tri thì tôi không liên hệ, nhưng nếu tôi nhờ cô hôm nay thì có liên hệ đấy chứ."

"Nhưng chuyện anh nhờ không phải là chuyện công khai"

chống lại nhà nước, em đoán vậy, có đúng không? Nếu vậy thì đâu có sao, đâu đến nỗi nguy hiểm dữ vậy. Anh nói đi, em sẽ làm cho.”

Tôi dẫn đo một lúc rồi nói:

“Đây là chuyện tôi muốn nhờ anh Tri, tôi kể lại cô nghe, nếu cô thấy có thể làm được thì làm giúp, còn không thì bỏ qua, há. Chuyện như vậy, trước đây tôi có người bạn khá thân. Tôi không biết anh ấy làm đặc tình cho công an Sài Gòn nên có nhiều điều tôi chẳng che giấu gì anh ấy cả. Cuối cùng, anh ấy gài bẫy cho công an Sài Gòn bắt tôi. Tôi vùng dai thì tôi chịu, không hối hận. Nhưng khổ nỗi, không phải chỉ bắt được tôi là xong, anh ấy còn tiến xa hơn, tiếp tục dẫn đường cho công an Sài Gòn đi lùng bắt những người bạn khác của tôi. Tôi sợ một lúc nào đó, vì hết chuyện để báo cáo, hết chuyện để lập công, có thể anh ấy bịa đặt ra chuyện này chuyện nọ để gán ép tội vụ cho các vị cao tăng trong Phật giáo... Mà anh ấy càng làm vậy, tôi càng ray rứt đau khổ như chính tôi đã làm hại cho đồng đạo của tôi vậy, bởi vì anh ta đã từng là bạn của tôi. Hừ, càng lúc anh ấy càng lộng hành, không để cho các chùa được yên, nên tôi thực là không chịu đựng nổi. Tôi muốn anh ấy chấm dứt ngay chuyện này.”

“Vậy có nghĩa là anh muốn ngăn cản cái anh bạn kia bằng cách...”

“Tôi chẳng biết phải bằng cách nào. Tôi chỉ muốn gặp Tri, hỏi ý anh ấy xem có thể làm gì được. Cô nghĩ nếu anh Tri biết việc này, sẽ đối phó làm sao?”

Phương cười:

“Bắt nhất hẳn ta chứ đối phó làm sao nữa.”

Tôi lắc đầu:

“Không có lý do gì để bắt nhất. Anh ta làm tình báo đặc biệt cho công an Sài Gòn, có làm gì đâu mà bắt nhất!”

“Nhưng hẳn là thứ điệp đối nguy hiểm, vừa làm đặc tình cho công an Sài Gòn vừa tham gia Phục quốc, vừa kết nghĩa lập Hội Lạc Long với anh. Nếu muốn có lý do thì chừng đó đã đủ rồi.”

Tôi giật mình đánh thót một cái, hỏi:

“Cô cũng biết việc đó nữa à?”

“Biết chứ sao không, anh Khang. Em có nói với anh là em đã nghiên cứu, đọc kỹ hồ sơ vụ án của anh rồi mà. Em đọc mà em tức anh dè sợ! Người ta hại anh mà anh không biết, vào tù

trời vẫn khẳng khẳng chẳng chịu khai hẳn ra. Anh bảo vệ ai thì được chứ sao lại bảo vệ hẳn để hẳn tiếp tục hại hết người này đến người kia. Hẳn tên là Hân chứ gì, phải không? Anh tưởng anh không khai thì chẳng ai biết hết sao, anh lầm rồi, có vài bản khai cung khác sau anh, đã khai toạc tên Hân ra. Nhưng cái vụ của Hân cũng rắc rối lắm, công an Đồng Nai muốn bắt mà không bắt được vì Hân được công an thành phố Hồ Chí Minh bảo vệ, với lại cũng chẳng biết Hân ở đâu mà bắt.”

“Tôi biết chỗ của Hân trước đây, nhưng không nhớ địa chỉ, và có lẽ sau chuyện dàn cảnh bắt tôi, Hân đã được công an Sài Gòn thưởng công, cho hộ khẩu hay chỗ ở khác rồi. Tôi nghĩ là chuyện bắt Hân không phải dễ đâu, vì Hân làm việc cho công an Sài Gòn. Nhưng tôi không bao giờ mong muốn cho Hân bị bắt; tôi chỉ muốn nhờ một người nào đó gặp Hân. Mà bây giờ muốn gặp Hân, chỉ có cách là chờ đợi ở cổng ra vào của Sở công an Sài Gòn, hoặc vào Sở mà hỏi thăm, may ra có thể gặp. Chuyện này không thể nhờ vả bất cứ thường dân nào làm được, nên tôi mới có ý nhờ Tri đến nhắn lời riêng với Hân...”

“Vậy anh chỉ muốn nhắn lời thôi chứ không phải nhờ anh Tri bắt giam Hân?”

“Phải, không cần bắt giam, chỉ cần nói với anh ấy những gì tôi muốn nhắn.”

“Nhắn làm sao? Anh Khang à, bây giờ không có anh Tri, em làm chuyện nhắn Hân giúp anh há, chịu không?”

Tôi dự một lúc rồi quyết định:

“Thực ra cũng đâu cần nhắn gì nhiều. Chỉ cần nói với Hân là tôi đã biết tất cả sự vụ, nhất là chuyện tôi bị bắt, là do Hân mà ra. Anh ấy tưởng tôi không biết nên còn làm tới. Nay tôi cho anh ấy biết là tôi đã biết rõ rồi thì tự đứng anh ấy xấu hổ, phải ngưng việc với công an Sài Gòn thôi.”

Phương cười tùm tùm nói:

“Đơn giản vậy thôi à?”

“Ừ, chỉ vậy thôi. Nói rõ cho Hân biết rằng chuyện tôi bị bắt ngoài đường cũng do một tay Hân dàn cảnh. Tôi không oán hận Hân, nhưng tôi chỉ yêu cầu Hân từ bỏ ngay cái nghề đặc tình thất đức kia đi.”

Phương ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

“Sao em thấy nghi ngờ là lời nhắn của anh chẳng kết quả gì lắm.”

Tôi tự tin nói:

“Tôi có thể làm không hiểu thấu sự gian dối của bạn bè chứ không làm về những tình cảm hướng thiện của họ đâu. Gian ác đến đâu cũng còn có trái tim cô Phương ạ. Tôi luôn tin tưởng như vậy. Lúc còn ở ngoài, tôi không biết là Hân sẽ sợ cái gì hơn vũ lực. Bây giờ thì tôi biết, anh ta sợ sự khinh bỏ của tôi... bởi vì tôi là kẻ cuối cùng trong số những bạn bè của Hân, người cuối cùng mà Hân nghĩ là còn tin tưởng Hân.”

“Hy vọng anh nghĩ đúng. Vậy, nếu anh giao em làm chuyện đó, bắt đầu ngày mai trở đi, tức là nội trong tuần này, em sẽ tìm cách đi Sài Gòn.”

“Cô đâu biết mặt Hân ra sao mà nhắn, ngộ nhỡ nhắn lầm người thì sao?”

“Đừng lo anh Khang, em có hai nhỏ bạn cùng khóa làm việc ở Sở Công an thành phố Hồ Chí Minh mà. Mọi chuyện sẽ từ đó mà tiến.”

“Nhưng... nhớ là chỉ nhắn lời, đừng làm chuyện gì thất đức đó nha, dù là đối với Hân.”

Phương cười:

“Biết rồi anh à, có muốn làm chuyện thất đức cũng không được đâu! Em đây là cán bộ tình Đồng Nai ghé chơi Sở công an thành phố Hồ Chí Minh, lấy tư cách gì mà bắt Hân! Anh yên tâm đi...” rồi cô nói nhỏ giọng xuống. “Thật thà ơi là thật thà, người ta hại mình đến vậy mà còn lo sợ người ta bị bắt!”

Phương đi rồi, tôi đứng lại ở cửa sắt nhìn sao trời lấp lánh xa xa. Tôi biết tôi không còn thật thà nữa. Nghĩ ra được cái chuyện nhắn lời để ngăn chặn Hân thì tâm ý tôi đã không còn đơn giản, ngây thơ như xưa. Tôi không muốn Hân bị nạn như tôi chẳng qua vì tôi vốn không có tâm địa trả thù, không có tâm địa làm tổn hại ai. Hân bội phản bạn bè, bán đứng sinh mệnh của các vị cao tăng trong Giáo hội thì đó là cái nghiệp nhân do chính anh tự gieo và sẽ tự gặt lấy cái nghiệp quả tương ứng vào một thời gian nào đó. Tôi không cần phải làm bất cứ điều gì đối với Hân ngoại trừ một lời nhắn nhủ để cảnh tỉnh anh đừng lại.

(còn tiếp)